

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG LƯNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tổng Biên tập

Hòa thượng Thích Gia Quang

Phó Tổng Biên tập

Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu
Thượng tọa Thích Đức Thiện
Cư sĩ Phạm Nhật Vũ

Trưởng Ban Biên tập

Giới Minh

Trình bày



Tòa soạn và trị sự

Chùa Quán Sứ

Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội

Điện thoại: 04. 39423887

Email: tapchincph@gmail.com

Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I

Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện phía Nam

Chùa Vĩnh Nghiêm

Số 339, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM

Thượng tọa Thích Thanh Phong

Điện thoại: 08. 38483153

Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Hành chính

Trần Thị Thanh Hà

Điện thoại: 091 492 3656

Phát hành

Phạm Thị Lựu

Điện thoại: 097 556 8649

Giấy phép xuất bản

Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại

Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Giá: 30.000 đ



TRONG SỐ NÀY

MÙA XUÂN PHẬT GIÁO

- [4] Ý niệm về mùa xuân Di Lạc
- [6] Xuân về đối trước “vô ngôn”
- [8] Lễ Phật ngày Xuân
- [10] “Nhớ cảnh mai xưa” của Giác Tâm
- [12] Đầu xuân nói chuyện Giải hạn và chuyển nghiệp
- [14] Bụng to chứa thiên hạ, nụ cười độ nhân gian
- [16] Giặt mình với cách cúng bái của một số người Việt

GIÁO LÝ

- [18] Thiền sư Thích Duy Lực giải đáp Tịnh độ

LỊCH SỬ - TRIẾT HỌC

- [23] Tư tưởng giải thoát trong triết học Phật giáo

TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU

- [28] Vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật và biểu hiện qua lửa Yến Phi
- [33] Giáo hội Phật giáo Việt Nam 34 năm thành lập và phát triển
- [35] Thiền
- [37] Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu
- [40] Lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ Hội Phật giáo Bắc kỳ

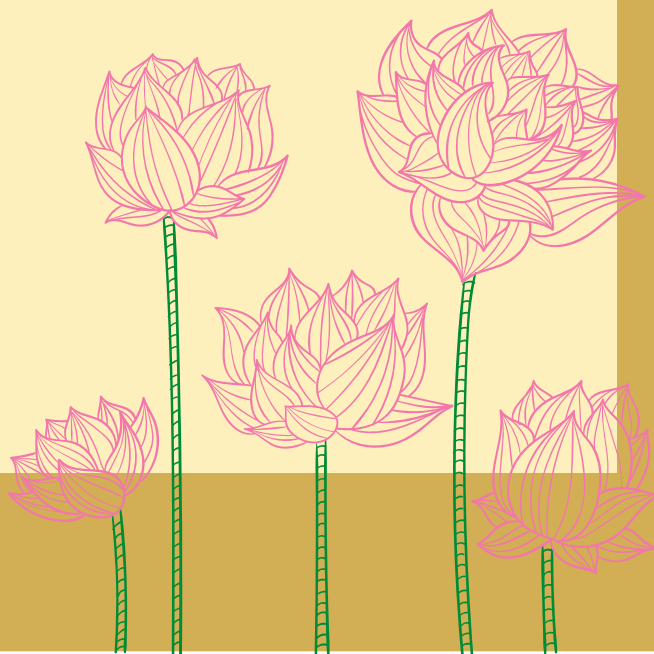


VĂN HÓA - DANH THẮNG

- [45] Trang thơ

SUY NGẪM

- [47] Vượt chuyện cố chấp
- [48] Ba viên ngọc quý
- [53] Nói ác khẩu bị đọa làm khỉ
- [55] Chuyện ngụ ngôn năm Thân





BAN THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG T.Ư

Mời tham dự cuộc thi “SÁNG TÁC CÁC TÁC PHẨM ĐẠO HIẾU”

Ban Thông tin Truyền thông T.Ư GHPGVN theo kế hoạch tổ chức Chương trình “Đạo hiếu và Dân tộc”, bao gồm:

- Cuộc thi Sáng tác Các tác phẩm về Đạo hiếu
- Hội thảo “Đạo hiếu & Dân tộc”
- Xuất bản cuốn sách “Những Tấm gương Hiếu thảo”
- Đêm giao lưu nghệ thuật truyền hình trực tiếp “Đạo hiếu & Dân tộc”

Cụ thể: Từ tháng 12/2015 – 7/2016. Nhận các tác phẩm, bình chọn và chấm các tác phẩm dự thi Cuộc thi Sáng tác tác phẩm về Đạo hiếu.

Tháng 6/2016. Tổ chức Hội thảo “Đạo hiếu và Dân tộc”

Tháng 8/2016 truyền hình trực tiếp chương trình “Đạo hiếu và Dân tộc”: Trao giải Cuộc thi Sáng tác tác phẩm về Đạo hiếu và Tôn vinh Những Tấm gương Hiếu thảo

Tháng 9/2016. Xuất bản cuốn sách “Những tấm gương hiếu thảo” dành tặng các em học sinh.

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ THI:

Mọi người, sinh sống ở Việt Nam hoặc nước ngoài, không phân biệt độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp.

Các tác phẩm gửi về cho BTC xin ghi rõ: Tác phẩm Dự thi Cuộc thi sáng tác tác phẩm về Đạo hiếu

Ở mỗi tác phẩm Dự thi xin ghi rõ: Tên thật và bút danh (nếu có), địa chỉ, email, số Điện thoại để liên hệ.

GIẢI THƯỞNG

Cơ cấu giải thưởng: 1 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 10 giải khuyến khích và nhiều giải thưởng chủ đề khác. Các tác phẩm viết về người thực, việc thực sẽ được ưu tiên xét chọn Giải thưởng.

TT	GIẢI THƯỞNG	SỐ LƯỢNG GIẢI THƯỞNG	TRỊ GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
1	Giải nhất	1	10.000.000	Tặng Kỷ niệm chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
2	Giải nhì	2	5.000.000	Tặng Kỷ niệm chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
3	Giải ba	3	2.000.000	Tặng Kỷ niệm chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
4	Giải khuyến khích	10	1.000.000	Tặng Kỷ niệm chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

THỂ LOẠI, TÁC PHẨM DỰ THI:

- Tác phẩm báo chí viết: Phóng sự, bài chân dung, bài phản ánh...(bài viết không quá 2000 từ);
- Tác phẩm ảnh: Phóng sự ảnh, chùm ảnh...(không quá 13 ảnh/1 chủ đề);
- Tác phẩm truyền hình: Phóng sự, ký sự...(không quá 30 phút/1 chủ đề);
- Tác phẩm văn học, hội họa: Thơ, truyện ngắn, tiểu phẩm, tranh vẽ....(sẽ được đăng tải và không chấm giải)
- Tác phẩm do các tác giả thực hiện, tác phẩm chưa công bố trên các cơ quan báo chí chính thức;

THỜI GIAN DỰ THI:

- Thời gian nhận tác phẩm dự thi: Từ 01/10/2015 – đến hết ngày 01/06/2016
- Thời gian bình chọn và chấm giải: Từ 02/06/2016 – 15/07/2016
- Công bố và trao giải thưởng: Trong chương trình truyền hình trực tiếp: “Trao giải Cuộc thi Sáng tác tác phẩm về Đạo hiếu và Tôn vinh Những Tấm gương Hiếu thảo” dự kiến ngày 12/8/2016 tại Nhà hát Lớn Hà Nội nhân dịp lễ Vu lan
- Nhận bài dự thi: Tác phẩm Dự thi ngoài bì thư ghi rõ “Tác phẩm Dự thi “Sáng tác các tác phẩm đạo Hiếu”, gửi về:
Phòng 221, chùa Quán Sứ, số 73 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, HN;
Điện thoại liên hệ: 04.66846688; 0934.666.360;
Email: phatgiao.org.vn@gmail.com

BAN TỔ CHỨC

Ý niệm về mùa Xuân Di Lạc

[Tuệ Như]

Xuân Di Lạc,
Cụm từ trên không biết có tự bao giờ...? Thế nhưng từ lâu cho đến tận ngày hôm nay, thật sự đã đi sâu thẳm vào dòng tâm tưởng của tuyệt đại đa số những người đệ tử Phật, và cả những con người trong nhân gian một khi mưu cầu hạnh phúc, sự bình yên an lành trong cuộc sống giữa đời thường này.

Điều mà mọi người chúng ta có thể cảm nhận được rằng: Mỗi lúc, mỗi nơi khắp cả hành tinh địa cầu mà chúng ta đang có mặt, càng chuyên chở nhiều hơn, càng nặng nề hơn, phức tạp hơn... từ số lượng dân cư của con người, thì mọi nhu cầu cung ứng cho sự sống cũng phải được lo toan dần trải về mọi việc, mọi phía để nhằm phục vụ cho sự phát triển mật độ ấy.

Thế nhưng, phải đâu chỉ chừng bấy nhiêu chuyện, qua đó nó còn phát sinh không ít những nổi bất an khác, mà đầu nguồn do từ lòng gian tham, ích kỷ “ta và của ta” để rồi được thua, còn mất, rồi bất mãn, ý tưởng đồng dị, rồi sân giận, phiền muộn, rồi cạnh tranh đưa đến đấu tranh tàn hại khốc liệt... tạo nhiều nỗi quan tâm cho cả cộng đồng xã hội con người như ngày hôm nay, phải chăng đó là một diễn biến hiện tượng tất yếu đã hay sẽ phát sinh? Nhìn chung, mọi việc cũng không ngoài bao thủ đoạn thế lực, và quyền lợi chính trị, chủ nghĩa, ý thức hệ tư tưởng, kinh tế kể cả những manh nha khác biệt hình thức tôn giáo.v.v...

Trong thế giới bất an, con người bất an, muôn thú bất an, cây cỏ bất an.v.v..., chính những nổi bất an ấy, đều được nói lên từ phía con người và do con người. Con người có khả năng làm nên sự bình yên, an hòa, thịnh vượng, nhưng cũng từ

phía con người lại gây ra không biết bao đổ nát, thảm họa và khổ đau. Điều ấy đã cho chúng thấy, không phải ngay bây giờ mà cả tự ngàn xưa, rồi dẫn đến tận ngàn sau. Nếu như nguồn mạch đạo đức chân thiện không được tuyên thuyết, giáo dục rộng rãi, tưới tẩm, thắp sáng vào tâm trí con người từ phía đại nguyện Bi-Trí đã thị hiện vào đời của những bậc Thánh Đức, những bậc đạo sư khả kính.

Do đó, giáo lý hay đạo lý của bậc Thánh luôn được hiện hữu, lại còn siêu vượt và bất tận đến với thời gian và không gian vô cùng. Từ ý nghĩa ấy, mà hình ảnh Đại bi Bồ tát Quán Thế Âm, Đại nguyện Bồ tát Địa Tạng Vương, hùng lực Bồ tát Đại Thế Chí hay Bồ tát A Dật Đa Từ thị Di Lạc.v.v... vẫn hằng cao thượng, và giúp người hướng thượng, luôn được biểu thị sự hiện hóa đại hạnh nguyện vào mọi lúc, mọi nơi trong thế giới loài người.

Năm nào, lại không bắt đầu từ tháng 1, tháng nào lại không bắt đầu từ ngày mùng 1, và ngày nào lại không bắt đầu từ lúc sơ bình minh? Thế nên, sự giao tiếp giữa thời khắc, của tiết mùa, của sự chuyển mình trong đất trời muôn trùng, vẫn luôn ẩn vào tâm lý con người một cảm nhận sâu sắc trước đây và bây giờ.

Như vậy, năm mới, tháng mới, ngày mới, giờ phút mới, mùa tiết mới, ước nguyện mới.v.v... Sự đổi thay “cũ, mới” ấy, vẫn không ngừng luân chuyển, tuần tự tiếp nối liên tục của mọi sự vật hiện tượng trong không gian và thời gian. Phải chăng, đó là những khái niệm lâu nay của con người? Và cứ như thế, ý niệm ấy nó vẫn mãi mãi duy trì, truyền đi truyền lại từ thế hệ này đến thế hệ khác, ngàn đời không thay đổi.

Thế nên, Thi sĩ Xuân Diệu lại một phen than thở:

*“Xuân đang đến, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.
Mà Xuân hết, thì đời tôi cũng hết.”*
Nhưng rồi thi nhân cũng kịp thấy ra rằng:
*“Xuân của đất trời nay mới đến,
Trong tôi xuân đến đã lâu rồi...”*

Mùa xuân nào lại có ở trong tôi, sự vận hành lưu xuất của nó như thế nào, phải chăng đó là mùa xuân Di Lạc? mà lâu nay trong nhân gian đã được truyền tụng, đã được ca ngợi giữa cuộc tang điền thương hải này!

Trở lại vấn đề “Mùa Xuân Di Lạc”, một pháp ý được chuyển tải từ nguồn mạch đạo lý uyên áo thâm diệu tự ngàn xưa. Qua cụm từ “Tứ Thị Di Lạc” nghĩa là: người mang chủng tánh từ bi, rộng đức bao dung, hòa ái, êm dịu, luôn đem lại sự an lành hạnh phúc cho mọi người và cho cả cuộc đời. Cùng khi ấy, mùa xuân là sự báo hiệu thanh khí của đất trời, với bao hình ảnh xinh đẹp, tươi mát, dâng đầy nhựa sống của muôn cây và hoa cỏ...Nếu như có sự kết hợp qua hai nội dung, tính chất ấy, thì mùa xuân đó mới thật đến trong tôi!



Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Với con người ấy, phải đâu chỉ ở một nơi, đến một chỗ hay một hình thức sơ cứng nào đó thôi. Bao nhiêu đặc thù chủng tánh tốt đẹp thanh cao ấy, nó được biến hiện màu nhiệm muôn trùng vào trong cuộc sống, và sự sống vô cùng của thế giới bao la này, với bao nhiêu việc làm, tư duy để đem lại nhiều lợi lạc cho số đông con người, nếu không phải đó là sự hóa thân của “Tứ thị Di Lạc? hay “Mùa Xuân Di Lạc” trong mỗi tâm hồn lành mạnh trong sáng, đích thực của con người.

Phải đâu chỉ ngang qua từng ấy lời chúc tụng suông trong 3 ngày Tết, hay chỉ được mười bữa trong mùa xuân, rồi lại bị quên lãng bởi theo bao việc; cơm áo, còn mất, thị phi, tranh chấp, phải quấy, hơn thua... thì có gì là mùa xuân Di Lạc, mùa xuân đến tự trong tôi!? Thế nhưng, nghĩ cho cùng, dù chừng ấy việc làm, chừng ấy nghĩ suy một thoáng đến sự ước mơ, cầu nguyện, cho dù chỉ là một thoáng thôi!, nó cũng đem lại một ít bình an, lắng đọng một ít trần tâm giữa thế đời vui ít, khổ nhiều, mà sự hiểm nguy lại càng nhiều hơn của dòng chảy vui buồn, thành bại của thời gian, từ sự cảm nhận ấy, có một nhà tu thi sĩ đã mô tả nỗi niềm:

*“...Tâm linh một thoáng bừng giao cảm,
lặng hết bao nhiêu lớp sóng cồn”*

Đến đây, chúng ta cùng chiêm nghiệm qua lời của đức Phật:

“...Đối kẻ sống thanh tịnh, ngày nào cũng ngày tốt.

Với kẻ sống thanh tịnh, ngày nào cũng ngày lành.

Các tịnh nghiệp thanh tịnh, luôn thành tựu thiện hạnh...”

Đồng thời, đức Phật cũng cho biết thêm về tính nhân bản trong giáo nghĩa của Ngài, như, với ai:

*“... Khiến mọi loài chúng sinh,
Được sống trong an ổn,
Nếu không nói dối trá,
Nếu không hại chúng sinh,
Không lấy của không cho,
Có lòng tin, không tham...”*
(Majjhima Nikaya 1, 7).

Thiền nghĩ, đây mới là mùa Xuân Di Lạc, thật sự xuân đến trong tôi, và ngoài kia xuân đã về...!

Atlanta, Những ngày cuối đông 2015.

Xuân về đôi trước “vô ngôn”

[Pháp Vương Tử]

Xuân về chốn Thiền môn - Ảnh: An Khang

Một năm khởi đầu từ mùa xuân, vạn vật luân chuyển hồi sinh sau những tháng đông lạnh lẽo. Cho dù không gian mùa xuân nơi giang sơn gấm vóc “tắc đất ngàn thoi” hình chữ S của ta có đôi chút riêng biệt: Khi xuân phương Nam trải dài màu nắng vàng mơ dịu dàng, thì xuân phương Bắc lại mưa phùn gió bắc. Mưa bay phiêu diêu trong hương xuân ấy vẫn còn chút heo may lạnh giá cuối đông. Nhưng dù xuân phương nào cũng là xuân đoàn viên sum họp từ những mái ấm gia đình và bữa cơm mẹ nấu chiều 30 Tết với biết bao nỗi niềm chào đón thời khắc Giao thừa màu nhiệm ngập tràn hy vọng ngất ngây của sự Khởi đầu thắm đượm ước mơ tươi mới ngay cả trong dòng chảy mưu sinh nhọc nhằn ồn ã. Rồi chợt nhớ hai câu thơ rất đời tài hoa của thi nhân Bùi Giáng:

Ta chào nhau giữa con đường

Mùa xuân phía trước miên trường phía sau

Thật lạ! Ở giữa con đường xuân mà lại thấy cả “mùa xuân phía trước” và mùa xuân “miên trường phía sau” nữa. Vậy là Tam thế Chư Phật... đều Xuân cả rồi. Phải chăng Bùi thi sĩ đã nói tới cái TÂM XUÂN và “đánh thức” nó: Hãy trở dậy trong mùa xuân này nhé, và hành thiền trong từng bước đi tỉnh thức, hướng về nẻo thiện, xây dựng cuộc sống hôm nay dầu còn nhiều bất

ổn và khổ đau bằng năng lượng từ bi trí tuệ với tình yêu thương và biết tha thứ... nhất tâm chính niệm để thả lỏng phôi phôi trong ánh đạo vàng màu nhiệm kinh văn lời Phật dạy: Tâm dẫn đầu mọi hành động, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Vậy phải để cái “tâm” ở đâu mới được bình an? Trở lại chuyện xưa: Huệ Khả cầu Tổ Bồ Đề Đạt Ma để được an tâm. Tổ bảo đưa tâm cho Ngài, Ngài sẽ an cho. Huệ Khả tìm tâm không thấy đâu... liền Ngộ. Sách Thần hội ngữ lục chép chuyện Vương Duy - Một nhà thơ trứ danh thời thịnh Đường (năm 699), đời Võ Hậu, đến Nam Dương tham vấn Sư Thần Hội về tu đạo giải thoát, Thần Hội bảo: Tâm vốn tự thanh tịnh. Nếu khởi tâm tu tập thì đó là vọng tâm rồi, chẳng thể giải thoát.

Đức Phật Thích Ca sau khi thành đạo đã giảng dạy các cách đối trị nhằm hóa giải các vấn đề, ví dụ để chữa “bệnh” tham, sân, si của con người, đức Phật trị liệu bằng toa thuốc

Giới - Định - Tuệ... Điều đức Phật quan tâm hơn là sự ứng dụng giáo lý có hiệu quả, đem lại sự bình an và lợi ích cho con người. Và các buổi thuyết giảng của đức Phật cũng chỉ như những cuộc trò chuyện ân cần. Với tinh thần và phương pháp giảng dạy như thế, trong suốt 45 năm giáo hóa, từ vườn Lộc Uyển đến rừng Câu Thi Na, với nhóm đệ tử đầu tiên là năm anh em Ngài Kiều Trần Như đến người đệ tử cuối cùng là Tu Bạt Đà La.

Trong các chuyển du hóa của đức Phật, sự diễn đạt của Ngài cho thính chúng nghe trong bất cứ ngôn ngữ nào, âm thanh của Ngài cũng nhẹ nhàng trong trẻo, nhịp nói lưu loát nên lời nói ấy được gọi là Viên âm. Sự tích này còn được truyền tụng: Dù đức Phật nói nhiều thứ tiếng khác nhau nhưng người nghe có cảm giác như Ngài đã dùng các thứ tiếng trong cùng một lúc vậy. Sự linh diệu đó đã khiến Bồ Tát Long Thọ suy ngẫm và sửng sốt xưng tán rằng: “Lạy đức Thế Tôn, Ngài không thốt ra một lời nhưng tất cả đệ tử của Ngài đều được thấm nhuần mưa pháp”. Đây là một trong những điều đáng chú ý nhất mà người ta có thể xem gần như là một phép lạ.

Cũng cần nói thêm rằng, vào thời đức Phật tại thế, cách đây hơn 25 thế kỷ, phương pháp giảng nói của Ngài chỉ là phương pháp khẩu tụng: Sau khi đức Phật nói lời khai thị nào thì hội chúng nhắc lại kim ngôn ấy, hết câu này tới câu khác, rồi nhớ kỹ và truyền lại cho những người khác, gọi là khẩu truyền. Sau khi Phật khuất bóng khoảng hơn 100 năm, giới xuất gia mới họp đại hội để kết tập lời Phật dạy, và cũng chỉ họp tụng kim ngôn. Vì phải đến thứ kỷ thứ III trước Công nguyên thì chữ viết mới xuất hiện ở Ấn Độ. Đó là lịch sử. Mặc dù vậy, người ta cũng không thể nghi ngờ về tính chính xác của nó, bởi sự nhất quán và xuyên suốt trong các lời dạy của đức Phật, chính là sự BẢO CHỨNG cho những gì được ghi chép lại trong giáo điển truyền lại, vì ngoài đức Phật không một tác giả nào có thể ngụy tạo được những tác phẩm đồ sộ, sâu xa và nhất quán đến như thế. Và hết thầy giáo pháp ấy, tính đến năm 2016 có Phật lịch 2560 là 2605 năm được hoằng truyền tại thế gian vẫn thể hiện là một giáo pháp “Bất ly thế gian giác” - nghĩa là với thời gian 2605 năm đạo Phật đã không xa rời thế gian để giác ngộ thế gian vì giáo lý ấy luôn điều hợp mình theo mọi nhu cầu của các thời đại, các dân tộc, không chỉ thích ứng mà còn soi sáng cho các nền văn minh khác nhau. Và khả năng áp dụng tính vượt trội thời gian đó đã hiện hữu trong nhiều thế kỷ khiến người ta đi tới một khẳng định đây là một giáo lý “không thời gian” được gọi là “AKĀLIKA”, cũng gọi là Vô thường. Khái niệm “Vô thường” này được biết tới ngay trong giây phút đức Phật đản sinh: Sau bảy bước trên sen báu, Ngài đã tuyên thuyết một bài kệ, với hai câu cuối nói về chân lý tối hậu này:

Nhất thiết thế gian

Sinh - lão - bệnh - tử.



Ảnh: Khánh An

Khi thành Phật, đức Từ Phụ còn luôn nhắc các đệ tử rằng: “Dấu chân voi là dấu chân lớn nhất; tư tưởng vô thường là ý niệm quan trọng mà người phật tử phải suy tư”. Vậy Vô thường - AKĀLIKA là gì? Là không bình thường, luôn đổi thay; hàm ý khẳng định về sự biến đổi không ngừng của vạn sự vạn vật, chứ không chỉ riêng con người. Vô thường ấy là “Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô” (cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng ròi) là của sư Vạn Hạnh (? - 1018) nói về vạn vật. Còn “Lão tòng đầu thượng lai” (trên đầu già đến rồi) của Mãn giác Thiền sư (1052 - 1096) nói về đời người. Nhưng vô thường cũng không hẳn là ... dấu chấm than; nó còn tiềm tàng một sự khởi đầu mới, như lịch sử tiến hóa của nhân loại qua các nền văn minh là chân lý vô thường; là sự vận hành để trở thành cái mới: “Vĩ không có cảnh đông tàn/ Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân” (Hồ Chí Minh), nó là đạo sống, là “cây đời mãi mãi xanh tươi” (Gót)... Là chân lý, nên nó tồn tại khách quan mà “Đức Phật dù xuất hiện hay không xuất hiện ở đời thì nó vẫn luôn vận hành như vậy” (Tương ưng bộ Kinh - Chương I, phẩm 2, trang 51). Ý này cho chúng ta thấy đức Phật không hề tạo dựng ra chân lý mà chỉ là người thấy được chân lý, rồi từ đó chỉ ra con đường trí tuệ để mọi người cũng thấy được như Ngài.

Việc thấy được quy luật cũng là một sức mạnh của nhận thức Phật giáo gọi là TUỆ NHÃN. Thế nên mặc cho Xuân tới rồi Xuân đi, nhưng cái TÂM XUÂN “miên trường” vẫn thường còn trong trẻo, cái tâm xuân đang thấp thoáng trong khung trời kia:

“Khứ tuế Kinh Nam mai tị tuyết

Kim niên Kế Bắc tuyết như mai”

Năm ngoái Kinh nam mai như tuyết / Năm nay Kế Bắc tuyết như mai. Vâng, những bông mai trắng như tuyết muôn đời vẫn nở cứ mỗi độ xuân về. Vô ngôn!

Xuân Bính Thân - 2016. 🌸

Lễ Phật ngày Xuân



[Nguyễn Thị Diệp]

Nếu nói đến lễ Phật thì hầu như ai cũng biết.
Động tác của lễ Phật rất đơn giản

***Bước 1:**

- Đứng hoặc quỳ ngay ngắn trước bàn thờ hoặc tượng Phật:

- Đưa hai bàn tay từ hai bên chập lại làm một ở trước ngực.

***Bước 2:**

- Từ tư thế một nhẹ nhàng đưa hai tay lên trán.

***Bước 3:**

- Từ từ cúi dập thân xuống.

- Ngửa hai bàn tay đặt sát đất rồi cúi đầu đặt trán lên hai lòng bàn tay.

Lễ Phật như vậy, có ý nghĩa:

***Bước 1:**

- Tư thế đứng hoặc quỳ ngay thẳng nhắc ta sửa thân tâm cho ngay thẳng.

- Hai lòng bàn tay chắp lại bảo ta hãy buông bỏ cái tâm phân biệt (Nhị Nguyên)

trở về với cái LÝ NHẤT NHƯ của nhà Phật, cũng chính là quay về với BẢN THỂ của ta (Phật tâm ta)

***Bước 2:**

- Đưa hai tay đang chắp lên trán là dùng tâm Phật ấy mà cung kính đối với Phật. Vậy ngoài tượng Phật ra thì Phật “thật” ở đâu?

Phật là tính giác, là bản thể của vũ trụ, có khắp ở mười phương hư không và trong muôn loài; từ chim muông, cây cỏ, con trùng, cái kiến cho đến loại người và tất cả muôn vật. Vậy lễ Phật là kính Phật tức là bảo ta, phải cung kính muôn loài:

- Với con người thì dù là sang hay hèn, địa vị cao hay thấp, già hay trẻ, giàu hay nghèo, từ vua quan cho đến người cùng đinh, nghiện ngập, trộm cướp, ăn xin, ăn mày... ta đều phải cung kính,



Lễ Phật chùa Quán Sứ, Hà Nội - Ảnh: Anh Minh



Phật tử du Xuân bái Phật tại động Hương Tích, Hà Nội
- Ảnh: Khánh An

không được coi thường ai vì tuy hình tướng của họ có khác nhau nhưng bản thể của họ đều là Phật cả. Mà đã là người con Phật thì chắc đều biết: “tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng” do nhân duyên và nghiệp sinh không thể tin vào đó được.

- Với loại vật cũng vậy cũng phải có tâm từ bi, yêu thương nó, chăm sóc nó, bảo tồn nó, không được làm tổn thương hoặc sát hại chúng một cách vô cớ hay vì tham ăn tục uống, vì phô trương thanh thế, vì cầu lợi ...

- Với các loài vô tình như cây cối và các đồ vật cũng vậy không được cầu thả vô trách nhiệm gây tổn hại đến chúng mà phải chân quý, bảo vệ. Giữ gìn chăm sóc chúng.

***Bước 3:**

- Thân và đầu cúi rạp xuống là bảo ta phải khiêm tốn lễ độ không được kiêu căng, ngỗ mạn và hạ thấp cái tôi xuống vì nó chính là nguyên nhân gây khổ đau cho ta và cũng chính là chúa tể của vô minh dẫn ta chìm đắm trong lục đạo luân hồi.

- Ngửa hai lòng bàn tay lên và cúi đầu sát hai tay là để đón nhận những tinh hoa của vũ trụ chuyển nó vào tâm thức của mình đẩy lùi các xấu ác, mang lại các phúc lành cho ta mà ta thường gọi là sự gia hộ của Phật và Bồ Tát.

Tóm lại: Lễ tức là kính, bái tức là phục. Nếu ai nhận được cái lý chân thật của việc lễ Phật đưa nó vào tâm thức, suốt ngày khiêm tốn lễ độ, không kiêu căng ngỗ mạn, hạ thấp cái tôi thấp xuống kính trọng muôn người, muôn loài, muôn vật đó mới là thực lễ Phật dù thân ta không si sụp lễ tỳ nào nhưng ta vẫn thực lễ suốt ngày, mà có lễ như thế thì mới mong nhập TRÍ TUỆ PHẬT và mới mong thành Phật.

Còn nếu như hàng ngày ta lên chùa lễ Phật và lạy Phật một trăm linh tám lạy về thời gian cũng chỉ đạt được một trên hai mươi bốn giờ, còn hai mươi ba giờ thì ta làm gì. Đây là chưa nói càng lễ nhiều càng thấy ta tài giỏi, tinh tấn hơn người, dương cao cái ngã cái tôi lên thì chính đã đi ngược với lời dạy của Phật. ☸

“Nhớ cảnh mai xưa” của Giác Tâm

[Dương Như Tâm]

CẢNH MAI CỦA DÂN TỘC, CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO CHÚNG TA MANG NHIỀU Ý NGHĨA TỰ THÂN, KHÔNG HUYỄN HOẶC, HUYỄN THOẠI ĐỂ TẠO RA NIỀM TIN GIẢ TẠO, ĐỂ BUỘC NHÀ NHÀ NGƯỜI NGƯỜI ĐỀU PHẢI CHUNG NÓ, CA NGỌI NÓ TRONG MÙA XUÂN.

Tiết trời những ngày cuối đông, trong ánh hoàng hôn lịm tắt luôn để lại trong tôi nhiều nỗi niềm miên viễn, xa xăm. Đó cũng là lúc chúng ta – những người con dân đất Việt với truyền thống bốn ngàn năm văn hiến và cội nguồn hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam, chuẩn bị đón chào tiết Xuân Dân tộc rực rỡ. Khi đó, cảnh mai xưa vẫn hiện diện đường hoàng trong mỗi căn nhà, ngoài ngõ, góc phố, những nơi còn tự biết nhận mình thuần Việt. Tất nhiên là như thế bởi vì Mãn Giác Thiền sư (1052 – 1096) đã khẳng định với các thế hệ ngàn sau bằng hai câu kệ cuối của bài “Cáo Tật Thị Chúng” rằng ‘Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết/Đêm qua sân trước một nhành mai’ mà bây giờ ai ai cũng đều thuộc nằm lòng.

Với niềm suy tư, hoài vọng đó, khi đọc bài thơ “Nhớ Cảnh Mai Xưa” mà câu kết vẫn là hai câu cuối của bài kệ “Cáo tật Thị Chúng” đó, chúng tôi tác giả Giác Tâm đã rất tin tưởng vào thể tất yếu của một nền văn hóa dân tộc, được đúc kết nên từ tinh hoa, triết lý sống của Phật giáo trong hai ngàn năm đã qua. Mặc dù, dường như phảng phất trong đó là nỗi buồn thực tại của tác giả trước những hình ảnh trái tai gai mắt mà lẽ ra chính những người đệ tử của Ngài Mãn Giác Thiền sư phải nhận ra và biết rõ trách nhiệm của mình trước tiên. Bằng ngược lại, tôi sẽ là người đầu tiên không chấp nhận bài thơ đó.



Nhất chi mai - Ảnh: St

Tác giả bài thơ và tôi đều là người sống giữa vùng trũng của các giáo xứ Gia tô và phần thế giáo. Cho nên sự đồng cảm như một ánh chớp, nhanh nhẹn chiếm trọn niềm tin của nhau trong các vấn đề mà người thiếu tự tin hay cho là “nhạy cảm” này. Và bài thơ “Nhớ Cảnh Mai Xưa” chỉ để dành nói với những người này, và thay họ nói lên sự nhu nhược và biến chất, cho chúng ta nghe nhiều điều chua xót đến đau lòng.

Cảnh mai của dân tộc, của văn hóa Phật giáo chúng ta mang nhiều ý nghĩa tự thân, không huyền hoặc, huyền thoại để tạo ra niềm tin giả tạo, để buộc nhà nhà người người đều phải chung nó, ca ngợi nó trong mùa xuân. Thần ngôn của Cao Bá Quát (1809 – 1855) đã tự phát ra câu cảm khái rằng “Thập tải luân giao cầu cổ kiếm/Nhất sinh đề thủ bách hoa mai (Mười năm chu du tìm

gươm báu/Đời ta chỉ cúi lạy hoa mai). Cũng vậy, Tổ Hoàng Bá cũng từng ví rằng “Nhược bất nhất phiên hàn triết cốt/Tranh đắc mai hoa phốc tỷ hương” (Nếu chẳng một phen xương thắm lạnh/Hoa mai đâu dễ ngắt mùi hương). Như vậy, các yếu tố của sinh học tự nhiên, hoa mai xứng đáng được tôn vinh một cách tự nhiên, hoàn toàn rất logic, không một ông thánh vị thần nào tạo ra nó để bắt chúng ta phải tin theo. Như vậy hoa mai của dân tộc làm sao có thể mất được khi thể tứ đại vẫn thường luân chuyển.

Con người của thời đại khoa học vũ trụ, thờ lạy, kính ngưỡng hay tin vào một niềm tin gì cũng phải có sự xác quyết của lý trí. Mùa xuân phương Đông là mùa của vạn hoa, vạn cây sinh sôi nảy lộc, mùa của ấm áp đoàn tụ.

Cây mai trong nhà là một biểu tượng sinh động cho sự sống và niềm tin có cơ sở chính đáng của chúng ta. Trải bao ngàn năm cũng sẽ vẫn là như thế. Đem một loại cây khô cằn không hoa, chỉ sống được trong vùng băng giá vô nhà mình nơi xứ sở nhiệt đới, của ngàn hoa để làm biểu tượng sự sống, tôn thờ thì hết thuốc chữa! Có phản bội và sỉ nhục truyền thống ông bà tổ tiên chúng ta không? Tưởng cũng cần nên phân biệt cây thông, một loài thân gỗ sinh trưởng trong tự nhiên với cây thông được sinh ra từ phép lạ huyền hoặc rồi biến nó thành cây thông nô lệ tín hướng.

Trong một vài ý nghĩa của “cây thông Noel-giáng sinh”. Có một “lý lịch” được cho là tiêu biểu nhất. Đó là vào thế kỷ thứ VII, thánh Boniface trên đường đi hành hương, ngang qua một gốc cây sồi thấy nhóm người ngoại giáo đang thực hiện nghi thức hiến tế người sống, thánh bèn hạ gục cây xoài chỉ bằng một quả đấm khiến nó tan tành, thế rồi từ chỗ đó mọc lên...cây thông! Từ đấy về sau tìn đồ Gia tô lấy cây thông này làm cây may mắn mừng giáng sinh hằng năm. Với cây thông phép lạ này ở xứ người, có xứng đáng so sánh ngang hàng với hoa mai, với nền tảng và thực chất vốn sống văn hóa của dân tộc chúng ta hay không? Chưa nói các cây thông ở Việt Nam đếm làm giả và băng tuyết là mớ, xấp được bẻ nhỏ ra rải tứ tung quanh nhà; trong khi hoa mai, cảnh mai thì rất thật, quanh vườn, nhà ai cũng có, ít nhất là một cành chưng trong ngày xuân, không cần làm giả. Như vậy cây thông này không có quyền ngự trị giữa ngàn hoa cỏ nội của xứ sở mình và gởi gắm bao niềm tin vui hoan hỷ như hoa mai vốn rất thật, rất gần gũi với chúng ta.

Trên sóng phát thanh, truyền hình T.Ư lẫn địa phương đều có các chương trình “mừng giáng sinh”, lời chúc giáng sinh rôm rả suốt ngày, để khiến người ta nghĩ Việt Nam bây giờ đã là một đất nước toàn tòng mất! Toàn tòng một cách êm ái mà ngày trước hai chế độ Gia tô cố gắng mãi, dưới sự giúp sức và hỗ trợ của hai ông lớn Pháp Mỹ mà vẫn không đạt được. Các giao diện báo mạng cũng có hình cây thông tạo dáng, và điều đáng lưu ý hơn hết là bản tin An Viên, bản tin mà trước đây hay được giới thiệu là thông tin tin tức Phật giáo (!) cũng đều có các tin mừng giáng sinh, cả trong nước lẫn ngoài nước. Thật là vui vẻ hân hoan thay!

Điều này khiến chúng ta không khỏi tự vấn rằng chả lẽ lãnh đạo các phương tiện truyền thông lớn nhỏ này, các biên tập viên đều không rõ ai giáng sinh mà sao chỉ nói “Mừng giáng sinh”- ai giáng sinh? Và, giữa cây thông tôn giáo (cây thông phép lạ) khác với cây thông trong tự nhiên ra sao? Chắc chắn là có rồi! Nếu vậy thì rất mong lãnh đạo các cơ quan truyền thông này một lần nữa nên nhìn lại.

Nhớ cảnh mai xưa là đúng quá thôi, nhưng sở dĩ ta nhớ là vì có một sự xâm lăng văn hóa vô hình, đang mượn nhiều thành phần xã hội vây bủa, đe dọa sự tồn tại của sự sống được định hình bởi biết bao cơ nhọc của tiền nhân xưa. Ai cũng biết, lễ Noel bây giờ là dịp để giới kinh doanh hoạt động hưởng lợi, vô tình giúp sức cho văn hóa xa lạ xâm nhập dễ dàng vào tận hang cùng ngõ hẻm trong đất nước mình. Thế nhưng những thái độ ăn theo đó của một bộ phận, mà không chịu tìm hiểu sâu ngọn nguồn. Nếu là một cuộc chơi thì đúng là ta đã thua rồi (Ta đã thua rồi trong cuộc chơi-trích “Nhớ Cảnh Mai Xưa”) và tất nhiên phải hổ thẹn với cảnh mai (Hổ thẹn với lòng một cảnh mai- trích “Nhớ cảnh Mai Xưa”) Cảnh mai ở đây chính là cảnh mai của Mãn Giác Thiền sư, và còn là cảnh mai của văn hóa dân tộc mà Phật giáo Việt Nam đã đội nặng gỏi sương biết bao thăng trầm cùng quê hương bản sở đấu tranh, giữ gìn cho đến tận ngày nay.

Đọc xong bài này rồi hãy nhanh tay cầm remote, mở tivi, radio để nghe những lời chúc giáng sinh (dù không cho biết ai giáng sinh, lạ lùng ở chỗ đó!), bất kỳ giờ phút nào, ở đâu, Trung ương hay địa phương. Mà Hổ thẹn với lòng một cảnh mai.

Trong tiết lập xuân Bính Thân. 🌸

Đầu xuân nổi chuyện

Giải hạn và chuyển nghiệp

[Vũ Tất Tiến]

- CẦU AN, DI CUNG HOÁN SỐ, ĐỘI BÁT NHANG CÓ GIẢI ĐƯỢC HẠN?
- SÁT NHÂN MÁU LẠNH SÁM HỐI TỘI LỖI CÓ THOÁT ÁN TỬ?

Vào dịp năm mới, nhà nhà lại rủ nhau đăng ký làm lễ cầu an, “dâng sao giải hạn”; hoặc đến cửa Đền, cửa Phủ nhờ các pháp sư, thầy cúng làm lễ “di cung hoán số” để thay đổi số mệnh; có bà có chị lại làm lễ “đội bát nhang” (còn gọi là “tôn nhang bản mệnh”) cho “nhẹ đường trần”, hóa giải mọi tai ương “căn cao số nặng” để tiêu tan đau ốm, bệnh tật...

Được biết một lễ cầu an, gia chủ phải tốn từ 300.000 đồng đến hàng chục thậm chí hàng trăm triệu đồng.

Phải nói ngay là, lễ “dâng sao giải hạn”, “di cung hoán số” hay tục “đội bát nhang” chỉ là tín ngưỡng dân gian của người Việt, không phải tín ngưỡng của Phật giáo. Tôi có suy nghĩ như sau:

- Một là: Những lễ này hầu như chỉ có tác dụng “hỗ trợ” về mặt tâm lý, giúp gia chủ an tâm (với niềm tin đã được Phật-Thánh phù hộ). Khi tâm bất loạn (không còn lo lắng) thì tinh thần sáng khoái, hồ hởi, trí óc minh mẫn hơn, làm việc gì cũng dễ thành công hơn.

- Hai là: Nếu các pháp sư, thầy cúng làm lễ như vậy mà thay đổi được cả số mệnh của thân chủ,

hóa giải được xui xẻo thì chẳng lẽ các thầy này lại “quyền uy” hơn cả các bậc Tiên-Thánh sao?

- Ba là: Nếu mỗi lễ tốn kém bạc triệu như vậy mà thực sự hóa giải được tai ương, “căn cao số nặng” thì chẳng lẽ Thánh-Thần chỉ phù hộ người giàu, còn người nghèo không có tiền làm lễ thì suốt đời hoạn nạn cả sao? Dân gian có câu “Hoàng thiên hữu mục” (Ông Trời có mắt) cơ mà?

Vả lại, trong cuốn sách nhỏ “Tài sản không bao giờ mất”, Hòa thượng Thích Thanh Từ đã viết: “Phật tử bây giờ có bệnh chờ chết mới nhờ thầy tụng kinh để được về Cực Lạc, điều đó tôi không tin trăm phần trăm. Vì sao? Bởi vì Phật đã dạy Nghiệp đã tạo thì nó dẫn mình đi, chớ không ai có khả năng dẫn ta cả.” (trang 34) và “Phật tử ngày nay chờ người thân sắp chết, thỉnh thầy đến cầu nguyện. Nhưng lại quên thầy có chứng được lục thông La hán chưa? Nếu quý thầy cũng phạm phu, chỉ khác là tu hơi kỹ hơn Phật tử một chút, thì việc cầu nguyện ấy rất khó (có kết quả). Chi bằng chúng ta tu cho mình tốt hơn.” (trang 36-37).

Vậy chỉ có giác ngộ Phật pháp, hiểu biết luật Nghiệp, luật Nhân quả báo ứng-Nhân quả vay trả

để biết cách ứng xử với cái xấu mới hóa giải được tai ương, hoạn nạn mà thôi.

Theo giáo lý nhà Phật thì mọi việc tốt-xấu, lành-dữ, hên-xui v.v.. đều do Nghiệp của chúng sinh được tạo tác từ nhiều đời trước trong quá khứ hoặc chính trong đời hiện tại. Nghiệp do 3 yếu tố tạo ra là Thân-Khẩu-Ý, trong đó Ý là cơ bản quyết định. Bởi Thân (hành động)-Khẩu (miệng nói) dễ thấy nên dễ điều khiển, dễ tránh cái xấu, còn Ý (suy nghĩ trong tâm) nên khó thấy, khó tránh, khó diệt trừ ý nghĩ xấu. Vì thế Ý trong mỗi chúng sinh cứ liên tục từng phút, từng giờ tạo ra Nghiệp thiện hay bất thiện mà mình không hay biết, do đó chúng sinh cứ mãi mãi di chuyển trong vòng luân hồi lực đạo...

Trong cuộc sống tốt nhất là thực hành theo lời đức Phật dạy: “Không làm mọi điều ác, nguyên làm các việc lành, giữ tâm ý thanh tịnh”. Phải nhớ “Mọi việc đều do tâm tạo ra” (Nhất thiết duy tâm tạo), tâm xấu thì thể hiện ở hành động (tức Thân) và lời nói (Khẩu) cũng xấu, cho nên phải tinh tấn thọ trì Ngũ giới và Thập thiện để tạo nghiệp lành, không tạo nghiệp ác do Thân-Khẩu-Ý gây ra. Như trong Kinh thư có viết: “Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương” (Làm điều thiện thì tốt lành đến, làm điều bất thiện thì tai ương đến”. Hoặc trong Kinh dịch cũng viết: “Tích thiện tất hữu dư khánh, tích bất thiện tất hữu dư ương” (Tích thiện thì niềm vui có thừa, tích bất thiện thì tai ương dư thừa). Tuy nhiên lời lẽ của thánh nhân chỉ bó hẹp từ đời hiện tại đến đời con cháu. Còn thiện ác theo giáo lý nhà Phật thì nhân quả phước-họa nối dài từ quá khứ đến hiện tại và cả tương lai nữa.

Nên chẳng khi gặp hoạn nạn hoặc những điều



Vàng mã trong một lễ Dâng sao giải hạn đầu năm. - Ảnh: Minh Khang

không may trong cuộc sống thì đừng vội đi lễ hóa giải “căn cao số nặng” hay “đội bát nhang” v.v., mà hãy đi chùa lễ Phật cầu sám hối diệt tội, sám hối sáu căn. Sám là nhận ra, hối là hối lỗi, hối cải. Sám hối hàm ý là nhận ra lỗi lầm, mong muốn sửa lỗi... Có thể đến chùa đăng ký để nhà chùa làm lễ sám hối cho, cũng có thể tự mình đi chùa lễ Phật.

Cũng nên hiểu là lễ sám hối chuyển nghiệp kết quả sẽ hiện hữu dần dần 1 trong 2 trường hợp sau đây:

1-Nếu trong quá khứ hoặc hiện tại đã tạo Nghiệp nhân ác mà ta không biết, hoặc biết mà không sám hối sớm, để nhân ác gặp Duyên đã tạo thành Quả báo (tai ương, nghịch cảnh...) mới lễ sám hối thì muộn rồi, vì quả báo đã hiện hữu thì không thể Chuyển nghiệp được nữa!

2-Nếu trong quá khứ hoặc hiện tại đã tạo Nghiệp nhân ác rồi, ta nhận ra lỗi lầm, làm lễ sám hối kịp thời thì Nghiệp nhân ác được hóa giải, không đơm thành Quả báo nữa. Như vậy là ta sẽ được chuyển nghiệp (không gặp tai ương, nghịch cảnh...).

Ngoài ra, có 2 trường hợp sau đây cũng có thể xảy ra:

1-Nếu Nghiệp chướng quá nặng (đã tạo nhiều việc ác...), mà sám hối lại quá ít, không đủ lực để diệt cái Nhân xấu to lớn kia thì Quả báo vẫn hình thành, hạn ách vẫn xảy ra, không thể Chuyển nghiệp được. Có chăng là nhờ thành tâm lễ Phật sám hối, được Phật độ cho thì hạn ách cũng nhẹ bớt mà thôi!

2-Một kẻ giết người man rợ, tuy chỉ gây ra một tội, nhưng lại là tội “Trời không dung, đất không tha” thì dù người nhà có đi lễ Phật sám hối tội lỗi hàng trăm lần, đức Phật cũng không “cứu” được kẻ thủ ác thoát án tử! Trường hợp này cũng không thể Chuyển nghiệp được vì Nghiệp chướng quá nặng!

Như vậy tốt nhất là chỉ làm việc lành để thọ hưởng quả phước, đừng làm việc ác rồi lại đi sám hối diệt tội. Bởi có những tội ác không thể hóa giải được như câu nói trong dân gian: “Ác giả ác báo”.

Chú thích (1): Ngũ nhân là: 1.Nhục nhân: mắt của thân xác. 2.Thiên nhân: mắt của chư thiên trên cõi trời. 3.Huệ nhân: mắt của các vị tu tập đắc đạo, nhờ dùng trí tuệ quán được Chân không vô tướng. 4.Pháp nhân: mắt trí tuệ của chư vị Bồ tát, vì hóa độ chúng sinh nên nhìn thấy tất cả các pháp môn. 5.Phật nhân: mắt của chư Phật.

Bụng to chứa thiên hạ, Nụ cười độ nhân gian

[Nguyễn Thắng]

Xuân Di Lạc là ngày vía dân sinh của đức Phật Di Lạc, trùng với ngày mừng Một Tết Nguyên đán của Việt Nam và một số các nước Á Đông. Đây là dịp mỗi độ xuân về người phật tử, những người kính tín, yêu mến Phật giáo đều mong ngóng, đón chờ Xuân Di Lạc hàng năm với mong muốn đón nhận sự ban vui, độ sinh, hạnh phúc từ hạnh nguyện từ bi – trí tuệ của đức Phật Di Lạc.

Theo kinh sách, Phật Di Lạc vốn là vị Phật Vị lai, Ngài cùng với Nhiên Đăng Cổ Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật được gọi là Tam Thế Phật. Ý nghĩa vị lai hiểu một cách đơn giản là trong thời kỳ tương lai, Phật Di Lạc sẽ là người kế thừa Phật Thích Ca giáng hạ cõi đại địa Diêm Phù đề từ cõi trời Đâu Suất để phổ độ chúng sinh.

Trong Phật giáo nguyên thủy, hình tượng ban đầu của Phật



Di Lạc được thấy với hình dáng vị hoàng tử ngồi trên ngai vàng, thanh thoát tuấn tú, hai chân bắt chéo hoặc đặt bằng trên mặt đất với ngụ ý sẵn sàng đứng dậy đi phổ độ chúng sinh bất kỳ lúc nào.

Bắt nguồn từ khoảng thế kỷ 10 cuối đời nhà Đường, Trung

Quốc đến nay, một số nước châu Á, Trung Quốc và Việt Nam tin rằng, đức Di Lạc hiện thân dưới hình tượng của Bồ Đại Hòa thượng đi chu du thiên hạ, cứu độ chúng sinh. Dù là thiện nam tín nữ, dù là Phật tử hay là những người mến mộ đạo Phật đều biết đến hình ảnh một vị Phật Di Lạc ngực to bụng lớn, miệng cười hoan hỉ, tay vác bao bố, ban phúc ban vui. Dù ở các nơi thờ tự, đền chùa miếu mạo, dù vào trong các khách sạn, nhà hàng đều có thể diện kiến hình tượng Ngài với nhiều hình tướng, tư thế khác nhau được mọi

người tín ngưỡng, chiêm bái. Chính một phần do sự tôn kính nhưng thiếu tìm hiểu, nhận thức khiến một số dân chúng hiểu sai đi hạnh nguyện của Ngài mà cho rằng Ngài như vị Thần tài ban phúc lộc, tiền bạc, phần nào làm mất đi sự tôn nghiêm khi đặt tượng đức Di Lạc thờ cúng cùng với Thổ địa, Thần tài...

Phật Di Lặc theo nguyên nghĩa gốc chữ Phạn tên là Từ Thị, Bồ tát hạnh của Ngài là không sát sinh, giết hại mà thương yêu tất cả mọi loài giống như Quan Âm Bồ Tát vậy. Những ai tu hành theo hạnh nguyện của Ngài phải phát nguyện ăn chay, phóng sinh, luôn đem lại an vui, hoan hỉ cho mọi người.

Khác với sự trang nghiêm thường thấy ở các vị Phật hay các vị Bồ Tát khác, Đức Di Lặc nhập thế dưới hình ảnh vị Hòa thượng thoát tục với vòm ngực lớn rộng trên chiếc bụng to tròn, người béo thấp, nụ cười híp mắt biểu lộ sự vui vẻ khôn cùng đã khiến không biết bao nhiêu người dù là giáo đồ hay không tin tôn giáo hể gặp đều sinh lòng cảm mến, hoan hỉ, thấy hữu duyên với Ngài, đều khiến họ có thể trở thành những thiện nam tín nữ sau này của Ngài hoặc của đạo Phật. Đó chẳng phải là phương tiện hóa độ của Ngài sao? Phật Pháp quá trang nghiêm khiến người không rõ sẽ khó gần, người hiểu rõ lại đôi khi không muốn mãi nghiêm túc, khe khắt như vậy. Trên thực tế, bản chất của cuộc sống cần thoải mái, vui vẻ, cười cợt nhân gian, đáng vẻ hiển hiện bên ngoài của đức Di Lặc cũng giống như một sự thoải mái, lạc quan của Đấng giải thoát vậy.

“Bụng lớn bao dung, chứa muôn việc thị phi thế gian”

Miệng cười hoan hỉ, cười quên vạ sâu thiên hạ”

hoặc có câu:

“Bụng lớn bao dung, nhẫn chuyện khó dung của nhân gian”

Miệng cười hoan hỉ, cười kẻ đáng cười trong thiên hạ”

Những câu tưởng chừng như đơn giản toát lên hình tượng của đức Phật Di Lặc mà ẩn chứa đầy hạnh nguyện từ bi hỉ xả của Ngài.

Con người thế gian chìm đắm trong tham, sân, si, nghĩ không thoáng, trông không thấy, xả không xong. Không chỉ so đo tính toán thiệt hơn với người khác, mà còn luôn cảm thấy người khác có lỗi với mình. Trong đời sống hàng ngày thường tự đẩy mình lao vào bế tắc, tranh giành đoạt lợi, nghĩ cái có cái mất, trên lưng chất chứa đầy nghiệp chướng khó mà giải thoát. Chỉ bằng như Ngài, rộng lượng khoan dung, không màng thị phi yêu ghét, thù hận, mọi việc không như ý coi như không, vỗ vỗ bụng là tiêu mọi sân hận, tham si. Gặp nhau là có duyên, nên tương thân tương ái, với kẻ ân, người oán đều có thể sống hòa đồng, hoan hỉ cùng nhau giác ngộ, chứng đắc giải thoát.

Hỉ xả có thể nói đó chính là hạnh phúc, chúng ta nâng lên được thì cũng cần học cách xả, cách buông. Nhà Phật có câu “bỏ tất cả là được tất cả”. Chúng ta sống trong mộng mị, ôm ấp mọi phiền não, chấp mê bất ngộ thì không thể nào hạnh phúc được. Năm mới đầu xuân, ta chúc nhau hạnh phúc, nhưng có thực sự đạt được hạnh phúc không khi trong tâm còn phiền muộn chất chứa, nâng lên đặt xuống, ăn không ngon, ngủ không say giấc thì đó cũng chỉ là hạnh phúc suông mà thôi. Nếu chúng ta biết buông, biết xả những cái chấp mê đó, chúng ta mới cảm nhận được sự hạnh phúc, hạnh phúc từ điều nhỏ nhất của thế gian đến hạnh

phúc của sự cứu kính giải thoát trong đạo hạnh.

Bất luận chúng ta gặp khó khăn, trắc trở. Gặp việc chướng tai gai mắt, nghe thấy chuyện thị phi hơn thiệt luôn khiến chúng ta bức bối, bất nhẫn nhưng đừng thất vọng bi quan mà hãy nghĩ đến những hy vọng tốt đẹp trong cuộc sống làm quên đi mọi khổ đau phiền não, chỉ cần “bụng lớn bao dung” sẽ đem lại cho ta tinh thần vui vẻ, phấn chấn và hi vọng, có được sự vui vẻ và hi vọng đó khiến chúng ta nhìn xa trông rộng, an nhiên tự tại. Khi nóng giận nảy sinh khiến ta mất đi sự minh mẫn, sáng suốt, hãy nghĩ đến hình thái phiêu diêu, thoát tục của Ngài, tươi nét mặt, nở nụ cười cảm như mọi phiền não, lợi danh thoáng tan biến trong nụ cười đó, làm cho ta lấy lại tinh thần, nghĩ điều thiện, hành việc thiện, sẵn sàng hỉ xả, hoan lạc bình yên.

Năm mới xuân sang, lễ kính hình tượng Phật Di Lặc và học hiểu được ý nghĩa hình tượng của Ngài cũng chính là một món quà xuân ý nghĩa cho đông đảo những người kính Phật, tin Phật. Học hỏi sự hoan hỉ, hỉ xả của Đức Phật Di Lặc mang lại cho chúng ta niềm hoan hỷ của buông, xả trong cuộc sống, thoát ly mọi chấp mê bất ngộ. Qua đó, phát tâm từ bi, chung tay gây sức giúp đỡ chúng sinh, mang lại hạnh phúc cho mình và mọi người, bồi đắp tăng trưởng sự lạc quan, độ lượng, rời xa được mọi tham, sân, si, phiền não, nở nụ cười an nhiên, tự tại đón một mùa Xuân Di Lặc an lạc, cát bảo bình an. 🌸

Giật mình với cách cúng bái của một số người Việt

[Hà Thanh Tùng]

Đức Phật đã dạy rằng: Không nên tôn kính Ngài bằng cách cúng dường lễ bái. Dù cúng dường bằng những trân châu quý báu cũng không phải là cách tôn kính cao thượng. Phải thực hành theo phương pháp mà Ngài đã kinh nghiệm và chỉ dạy lại để sớm được giải thoát và đắc quả vị như Ngài.

Tình cờ, tôi có dịp tham quan và dự lễ khánh thành một ngôi chùa ở miền Trung Việt Nam, khách mời thì đủ cả, từ quan chức địa phương, khách du lịch, người hành hương... Điều tôi đặc biệt chú ý là thói quen gặp nơi nào có tượng cũng quỳ và cũng bái, thắp nhang mịt mù, xả rác bừa bãi...

Nhiều hình ảnh phản cảm xuất hiện; ví dụ: chen lấn chụp ảnh, xô đẩy, cãi cọ, cúng đồ mặn như một con heo quay đang được dâng lên bàn thờ Phật, đốt vàng mã không đúng nơi đúng chỗ, điều này đã làm cho tôi phải suy nghĩ rất nhiều về thói quen hay tập tục thờ cúng của người Việt?.

“Tin thì phải hiểu, hay hiểu để mà tin” đó là phương châm quan trọng của mọi tín đồ tôn giáo, tìm tòi và học hỏi, hiểu biết hơn những gì mình tin. Nếu không chịu tìm hiểu, khám phá và suy ngẫm thì niềm tin đó rất hời hợt, dễ bị rơi vào cái bẫy của hình thức mê tín, cuồng tín, cúng bái.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, người Việt đa số hiểu niềm tin tôn giáo của mình một cách hời

hợt, thụ động, ít chịu tìm hiểu, học hỏi đến cùng và làm sáng tỏ ra vấn đề.

Vì vậy; có thể đi lễ, đi chùa hàng tháng, hàng năm nhưng chúng ta hiểu rất ít về những gì mình tin, vấn đề giáo lý, vấn đề lịch sử nên dẫn tới thói quen tùy tiện, làm mất đi những giá trị của niềm tin tôn giáo, biến việc thực hành tôn giáo chỉ là một hình thức khoa trương, khoe mẽ.

Trong chuyên



Dâng cúng vàng mã, đồ mặn lên chùa - Ảnh: Việt Thường

tham quan chùa vừa rồi có rất nhiều du khách, bên ngoài Chính điện có một số am miếu nhỏ, lần lượt khách hành hương quỳ rạp và ném vào đó những đồng tiền lẻ. Tôi hỏi: “Trong miếu đó thờ ai vậy bác? Sao bác lại ném tiền vô đó?”. Một chị trả lời: “Tôi không biết, thấy người ta làm vậy, tôi cũng làm”.

Vâng! Tâm lý đám đông và vấn đề niềm tin bị mông lung nên dẫn tới việc bạ đâu thờ đó, hối lộ tiền lẻ, xin xỏ thần thánh cúng đồ mặn đã dần trở thành xu hướng của sự thờ cúng. Sự hình thành tâm lý sai lầm cho rằng ai cúng nhiều hơn, đồ xa xỉ hơn công đức nhiều hơn thì Phật sẽ ban ơn nhiều hơn. Nhiều người vẫn còn đặt nặng tâm lý phải cúng thật nhiều thì sẽ được hưởng thật nhiều. Chẳng qua họ tìm về với tôn giáo chỉ là vấn đề, muốn sự trao đổi qua lại, bố thí, xin cho với thần thánh....

Lịch sử du nhập Phật giáo vào Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa bản địa dẫn tới tính nguyên bản của tinh thần Phật giáo nguyên thủy dần mất đi.

Phật là đấng giải thoát, giác ngộ, tìm hiểu về giáo lý và tin vào Phật giáo là tìm về sự giác ngộ, thanh thản, bình yên và tìm hiểu phương thức để đạt đến giải thoát. Còn hôm nay họ đã hiểu sai về Phật là thần là thánh có mọi phép màu, ban phát tài lộc, phù hộ cho mình... mà không hiểu rằng trong mỗi con người đều có tính Phật, mình mới là chủ thể quyết định cho chính mình.

Phật giáo Việt Nam ngày nay mang nặng tính lễ hội và hình thức hơn sự tìm tòi nghiên cứu. Cúng bái với sự xin xỏ thần thánh nhiều hơn là quá trình tìm hiểu và giảng thuyết về Phật học. Những trường lớp hay những bài giảng thuyết ít được coi trọng mà đề cao sự cúng bái lễ nghi. Nhiều tu sĩ chạy theo xu hướng thế tục nên hình ảnh người tu sĩ Phật giáo đã ít nhiều bị đảo lộn. Sư Iphone, Sư buôn ma túy, sư uống rượu, ăn tiết canh, thịt chó....dù chỉ con số rất ít nhưng chính họ lại đặc lực nhất trong việc góp phần phá hoại đạo Phật từ trong mà ra.



Cài tiền lẻ khắp nơi để “hối lộ” thánh thần - Ảnh: Minh Khang

Gần đây trên Báo Lao động có đăng một số bài phóng sự viết về cách sinh hoạt của hai nhà sư ở một ngôi chùa miền Bắc. Hình ảnh và bài phóng sự đã cho ta thấy về sự hời hợt về niềm tin của ngay chính hàng ngũ tu sĩ. Như thế thì hỏi tại sao người dân với tư cách tín đồ lại có thể hiểu về giáo lý một cách thông suốt được, sao có thể truyền bá tư tưởng Phật giáo được. Vì chính hàng tu sĩ đã biết luật mà còn vi phạm luật thì thử hỏi những người mới có chút niềm tin nho nhỏ vào Phật giáo phải tin vào sự gì đây. Hay chỉ là sự bắt chước, phỏng theo của tâm lý đám đông.

Dẫu biết rằng nhu cầu tâm linh tôn giáo là quyền của tất cả mọi người nhưng chúng ta phải nên tìm hiểu chúng ta tin gì và tin như thế nào mới là vấn đề quan trọng để đời sống xã hội về văn hóa tâm linh được bền vững và hình thành những nét đẹp nét văn hóa riêng, chứ không phải là những biểu hiện xấu xí về đời sống tâm linh.

Đức Phật đã dạy rằng: Không nên tôn kính Ngài bằng cách cúng dường lễ bái. Dù cúng dường bằng những trân châu quý báu cũng không phải là cách tôn kính cao thượng. Phải thực hành theo phương pháp mà Ngài đã kinh nghiệm và chỉ dạy lại để sớm được giải thoát và đắc quả vị như Ngài. Tóm lại tất cả mọi hình thức cúng bái đều không bằng việc thực hiện những điều Phật dạy: Từ bi hỷ xả, giúp đỡ người khác... đó mới chính là điều mà mọi tín đồ cần thực hiện. ☀



Thiền sư Thích Duy Lực giải đáp Tịnh độ

[Thiền sư Thích Duy Lực]

Ảnh: St

NAY NGƯỜI ĐỜI NHÌN PHẬT GIÁO NHƯ LÀ MỘT TÔN GIÁO, VÌ THẤY PHẬT GIÁO ĐỒ MÊ TÍN, CHO RẰNG PHẬT GIÁO LÀ MỘT TÔN GIÁO MÊ TÍN. SỰ THẬT THÌ GIÁO LÝ CỦA PHẬT GIÁO LÀ CHÍNH TÍN, LÀ PHÁ MÊ TÍN, NHƯNG VÌ PHẬT GIÁO ĐỒ KHÔNG HIỂU, TRONG THIỀN TÔNG CÓ NÓI: "ẦY CHẴNG PHẢI LỖI TẠI ĐỆ TỬ, LÀ LỖI TẠI NGƯỜI THẦY," TẠI TU SĨ TỰ MÌNH MÊ TÍN RỒI DẠY PHẬT TỬ CŨNG MÊ TÍN THEO

Hỏi: Thế nào là tông chỉ của Tịnh Độ?

Đáp: Tông chỉ của Tịnh độ là: TÍN, NGUYỆN, HÀNH

* **Tín:** Có ba thứ tin:

- Tin lời Phật Thích Ca chẳng dối gạt người.
- Tin cõi cực lạc không già không bệnh, không chết, muốn gì được nấy.
- Tin mình kiếp này sẽ được vãng sinh, chẳng cần đợi kiếp sau.

* **Nguyện:** Có hai thứ nguyện:

- Tiểu nguyện: Hễ phát tiểu nguyện thì không hợp nhân quả, chẳng được vãng sinh. Tại sao? Vì tiểu nguyện chỉ phát nguyện cho một mình được vãng sinh, nếu không trở lại đầu thai thì làm sao có quả báo? Bây giờ chẳng nói về kiếp trước, chỉ nói kiếp này: Từ nhỏ tới lớn có sát sinh không? Có giết chết con muỗi con kiến không? Có ăn thịt chúng sinh không? Theo nhân quả là một mạng phải đền một mạng, ăn một cục thịt trả một cục thịt, thế thì làm sao trả nợ mạng, nợ thịt? Nên phải phát đại nguyện.

- Đại nguyện: Ví như mình hiện nay không có



tiền mặt để trả nợ, ký phiếu hẹn đến kỳ sau. Sau này được sinh cõi cực lạc rồi, thành Phật trở về độ hết tất cả chúng sinh. Ngoài Phát nguyện như thế, còn phải thực hành.

***Hành:** Cần nhất là phải hành theo đại nguyện của mình, nếu không thực hành là nguyện giả, cũng như người tu Tịnh độ mà không ăn chay là nguyện giả. Tại sao? Vì đã phát nguyện độ chúng sinh, còn ăn thịt chúng sinh, chẳng phải nguyện giả ư? Như câu hỏi hướng trong Kinh Di Đà: “Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất, phàm hữu chư phước thiện, chí tâm cùng hồi hướng”, tức làm bất cứ việc phước thiện gì đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh, trong đó có chủ nợ của mình. Bất cứ con người hay súc sinh; gặp con chó cũng phải phát tâm độ, mặc dù con chó không biết nghe mình nhưng cũng nói, gặp con mèo thì độ con mèo. Thử hỏi hiện nay có ai làm như vậy không? Có người phát tâm tu Tịnh độ đã hơn ba mươi năm, cũng có phát đại nguyện, nhưng hỏi về phần thực hành thì không có.

Hỏi: Về vấn đề tu Thiền nhờ tự lực, và Tịnh độ nhờ tha lực như thế nào?

Đáp: Tất cả phương tiện của Phật dạy đều phải nhờ tự lực, phải tự ngộ chứ không thể nhờ tha lực. Nói Pháp môn Tịnh độ nhờ tha lực là sai lầm; bởi tông chỉ của Tịnh độ là Tín, Nguyện, Hành, cũng là nhờ tự lực. Nhất là về cái nguyện, khi đã phát đại nguyện rồi thì phải thực hành, ấy là nhờ tự lực. Niệm Phật cũng phải tự lực tự làm, chẳng được nhờ người khác niệm dùm.

Tông phái nào cũng phải nhờ tha lực, nhưng tự lực là chính, tha lực là trợ duyên. Còn nói Thiền tông là nhờ tự lực chẳng nhờ tha lực cũng không đúng, tại sao? Thế có phải khi mình sinh ra đã biết tham Thiền đâu! Pháp môn này là do Phật dạy, ấy là trợ duyên; do chư Tổ truyền lại đời sau, ấy là trợ duyên; Thầy dạy chúng ta tham Thiền, ấy cũng là trợ duyên, là tha lực... Cho nên chẳng có Tông phái nào chỉ nhờ tự lực hoặc chỉ nhờ tha lực mà được, tại con người chấp tâm sai lầm thôi.

Hỏi: Tác giả bài “Tứ Liệu Giản” có phải của ngài Vĩnh Minh không?

Đáp: Ngài Vĩnh Minh là Tổ thứ ba của Pháp Nhãn tông, đã kiến tánh triệt để, có tác phẩm Tông Kinh Lục gồm một trăm quyển rất danh tiếng. Hư Vân Thiền sư đã xem hết tất cả tác phẩm của Ngài, chẳng thấy bài kệ này.

Trong Tứ Liệu Giản nói: “Có Thiền mà không có Tịnh độ thì mười người tu chín người sai; có Tịnh độ mà không có Thiền thì muôn người tu

muôn người được; còn nếu có Thiền và có Tịnh độ, Thiền Tịnh song tu, như cọt mọc thêm sừng”. Chính bài kệ này đã là mâu thuẫn rồi. Tại sao? Nếu chỉ có Tịnh độ mà không cần thiền đã muôn người tu muôn người được, cần gì tu thêm Thiền để muôn phần mất hết chín ngàn! Vả lại, Tổ sư đã kiến tánh làm sao lại có bài kệ tự mâu thuẫn kể trên!

Hỏi: Trước tu Tịnh độ, nay chuyển qua tham Tổ sư Thiền được không?

Đáp: Mục đích tu Tịnh độ hay tham Tổ sư Thiền đều là để giác ngộ thành Phật, giải quyết tất cả khổ. Chỉ là Pháp Tịnh độ thuộc pháp thiền gián tiếp, Tổ sư Thiền là pháp thiền trực tiếp. Đức Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, chỉ có Tổ sư Thiền là pháp trực tiếp, ngoài ra đều là pháp gián tiếp. Lại, tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ pháp môn đó mới được thành tựu, nếu tu không đúng, chẳng những không được thành tựu, có thể trở thành ngoại đạo.

Pháp môn Tịnh độ là do pháp sư Huệ Viễn đời nhà Tấn Trung Quốc dựa theo Kinh Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ sáng lập, chứ chẳng phải do Phật Thích Ca sáng lập hay từ Ấn Độ truyền qua. Trong đó có bảy vị Tổ là tu theo Tổ Sư Thiền kiến tánh rồi, tùy theo nhân duyên giúp cho Tịnh độ hoằng pháp. Đến Tổ thứ 13 là Pháp sư Ấn Quang, sau đó mấy mươi năm nay chưa có Tổ thứ 14.

Còn Tổ sư Thiền là do Phật Thích Ca truyền cho ngài Ma Ha Ca Diếp, rồi do Tổ sư từng đời truyền xuống, đến đời tôi, mỗi đời đều có sự truyền thừa rõ ràng.

Đối với lịch sử Thiền tông ở Việt Nam tôi chưa được rõ, nghe nói Tổ Sư Thiền ở Việt Nam là truyền từ Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông hay ngài Liễu Quán. Đến nay đã thất truyền gần hai trăm năm, có Tổ sư từ Trung Quốc qua Việt Nam dạy về pháp môn Tổ sư Thiền, sau đó cũng thất truyền.

Còn Tổ sư Tịnh độ của Việt Nam thì không nghe nói, cũng không biết do vị Tổ nào sáng lập, đa số do tự mình xem sách, nhiều người tự lấy ý mình tu, cho tụng kinh niệm Phật là tu Tịnh độ.

Còn hỏi về tông chỉ của Tịnh độ thì nói là: Tụng kinh, niệm Phật, ăn chay, phát nguyện. Sự thật, tông chỉ của Tịnh độ là tín, nguyện, hành.

Hỏi: Vậy Có tông chỉ của Tịnh độ không?

Đáp: Theo Phật pháp, nguồn gốc của Bản thể là Phật tánh, đức Phật gọi là Chân như Phật tánh. Bản thể của Phật tánh không dính líu với có không. Có không là nguồn gốc của 62 kiến chấp,





phàm có đối đãi là nhị biên, là biên kiến, thuộc một trong năm thứ ác kiến. Hễ chấp thật có và không đều lọt vào biên kiến, nên Phật dạy phải lìa tứ cú, tuyệt bách phi, nếu chấp thật sự có và không, đã nghịch với bản thể tự tánh, dẫn cho siêng năng tu tập, cũng chẳng thể thành tựu.

Hỏi: Thiền tông và Tịnh độ một thể, phải không?

Đáp: Nói thì đúng, nhưng sự hiểu không đúng. Cách thực hành giữa Tổ sư Thiền và Tịnh độ có khác, nhưng mục đích không khác, chỉ là pháp thiền trực tiếp hay gián tiếp mà thôi. Tức Tổ sư Thiền có thể kiến tánh lúc còn sống, không cần đợi sau chết mới vãng sinh.

Tịnh độ dù được vãng sinh, vẫn chưa được kiến tánh. Tại sao? Vì tất cả pháp đều không ngoài nhân quả. Nhân vô vi mới được quả vô vi, nhân hữu vi chỉ được quả hữu vi. Do cách tu của Tịnh độ chỉ gieo được nhân hữu vi, bản thể Tự tánh không đối đãi, chẳng thuộc có không, nên khi thực hành theo đường lối, phải gieo nhân vô vi mới được quả vô vi.

Tịnh độ cuối cùng cũng thành Phật, nhưng còn xa, vì là pháp gián tiếp. Người được sinh cõi Tịnh độ mới bắt đầu tu, nếu sinh nơi biên địa, là chưa được vào cõi Tịnh độ, sinh nơi hạ phẩm phải ở trong hoa sen mười hai đại kiếp mới được ra; Một đại kiếp gồm bốn trung kiếp, một trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, một tiểu kiếp là mười sáu triệu năm. Quý vị thử nghĩ xem là bao lâu?

Còn tu pháp Tổ sư Thiền, có thể ngay trong kiếp này được kiến tánh, như Long Nữ trong Kinh Pháp Hoa tám tuổi thành Phật. Cho nên, pháp trực tiếp với pháp gián tiếp có khác, nhưng khi thành Phật là không khác.

Như trên đã nói, phải gieo nhân vô vi mới được quả vô vi, người tu Tịnh độ sau khi sinh cõi Tịnh độ, lòng tin vững chắc rồi, bỏ được chấp tâm, mới chuyển từ niệm Phật qua tham thiền, từ nghi đến ngộ. Nghi tình là nhân vô vi, mới được sự ngộ là quả. Tại sao nói nghi tình là nhân vô vi? vì nghi tình là tâm không biết, chẳng dính mắc gì cả. Hễ có dính mắc là hữu vi.

Hỏi: Nghe nói Tịnh độ niệm Phật một câu tiêu tám muôn ức kiếp tội, nay tham thiền thì sao? Được mau tiêu tội không?

Đáp: Chớ nói niệm một câu Phật hiệu tiêu được tám muôn ức kiếp tội, hễ niệm Phật một câu tiêu được một ngày tội cũng đủ rồi! Cứ suốt ngày tạo tội, chỉ cần niệm một câu Phật liền tiêu, vậy thì đâu có sợ tạo tội! Một kiếp biết bao lâu không? Hễ

một câu niệm Phật tiêu được tám muôn ức kiếp tội, thì hiện nay tội đã không còn.

Niệm Phật hiệu rất dễ, đòi người chỉ có một trăm năm, vậy cứ tạo tội mãi mà chẳng sao! Nếu được như thế, đâu cần làm thiện, cực khổ tu hành làm gì? Nên biết câu nói trên là sai, vì không có nhân quả, tức tạo ác nhân cũng được thiện quả? Việc không có nhân quả là phá hoại Phật pháp, không nên theo.

Hỏi: Tịnh độ tông trì kinh niệm chú, có công dụng như tham Thiền không?

Đáp: Ông đã hiểu lầm, trì chú thuộc Mật tông, chứ không thuộc về Tịnh độ. Tịnh độ thì niệm Phật, mà nếu niệm hiệu Phật A Di Đà là thuộc Tây phương Tịnh độ, niệm hiệu Phật Lưu Ly Quang Như lai là thuộc Đương lai Tịnh độ, (cũng gọi Đông phương Tịnh độ), còn Đầu Suất Tịnh độ niệm hiệu Phật Di Lặc, ba Tịnh độ này đều có người hoằng dương, phổ biến nhất là Tây Phương Tịnh độ, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Tịnh độ.

Hỏi: Trong cuốn Noi gương Niệm Phật nói: "Niệm một câu A Di Đà Phật diệt được tám mươi bốn ngàn tội sinh tử, được tám mươi bốn ngàn công đức vi diệu." Trong công quả hàng ngày, lúc quét nhà lau nhà lỡ giết hại con kiến côn trùng thì câu Phật hiệu có diệt được tội đó không?

Đáp: Nếu nói niệm Phật diệt được tội thì không có nhân quả, ví như tạo ác nhân mà niệm Phật có thể tiêu tội thì đâu sợ tạo nghiệp! Ai cũng biết niệm Phật, kể cả con nít biết nói, chỉ cần dạy cho nó niệm Phật cũng được vậy! Chúng ta không thể y văn giải nghĩa, làm oan cho tam thể Phật. Hễ người phạm giới mà sám hối cũng chỉ diệt được tội phá giới, vẫn phải chịu tội nhân quả, chứ chẳng thể sám hối tội nhân quả. Nếu vô ý giết hại con vật thì sau này sẽ bị vô ý giết lại.

Hỏi: Tu Tịnh độ là phải trải qua mấy A Tăng Kỳ kiếp mới được vãng sinh, phải không?

Đáp: Nói "A Tăng Kỳ Kiếp" là bên Giáo môn, còn Tịnh độ hạ phẩm hạ sinh phải ở trong hoa sen mười hai đại kiếp mới ra khỏi bông sen. Còn Thiền tông thì không cần đợi đến chết, lúc còn sống vẫn có thể kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Tu theo tông chỉ của Tịnh độ và tông chỉ của Thiền tông đưa đến kết quả như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Tịnh độ, của Thiền tông, kể cả của các tông các phái trong Phật giáo, mục đích đều như nhau, cũng là muốn thành Phật. Thành



Phật không phải trở thành một vị thần linh, mà là giác ngộ, ở trong chiêm bao thức tỉnh thì khổ trong chiêm bao tự dứt. Vì giác ngộ mới giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại, cho nên nói là thành Phật, kỳ thật Phật đã thành sẵn, Kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sinh đều đã thành Phật”.

Tất cả pháp môn cuối cùng chỉ là hiện ra Phật tánh, thật ra nói Phật tánh là tâm. Tại sao nói Phật tánh? Vì chữ Phật nghĩa là giác ngộ, tâm này có tánh giác ngộ, nên gọi Phật tánh; nếu không có tánh giác ngộ thì chẳng thể thành Phật.

Nói đến chữ TÂM thì tất cả đều là tâm, “vạn pháp duy tâm,” “tất cả do tâm tạo,” vũ trụ vạn vật, địa, thủy, hỏa, phong v.v... đều bao gồm trong đó, chẳng cái nào thiếu sót, cho nên nói tất cả pháp thể gian đều là Phật pháp; Lục Tổ nói “Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa thế gian giác,” cái tách này, bình này, kể cả cái thân này đều từ diệu tâm sinh ra. Bây giờ chúng sinh chấp cái thân này là ta, còn cái tách, cái bình chẳng phải ta, nếu theo Phật pháp thì tất cả đều là ta, bởi vì tất cả đều từ tâm sinh ra, thì đâu có cái nào ở ngoài tâm? Nên nói đều là tự kỷ. Nếu tất cả đều là tự kỷ, thì mặc dù nói là ta, nhưng đã phá được ngã chấp, chẳng còn tương đối, nên nói là đồng thể bi, tất cả đồng một bản thể (tâm).

Thế thì Tịnh độ cũng là tâm, Thiền cũng là tâm, những người tu Tịnh độ do không biết nên chấp thật cái thân này.

Nếu nói cho đúng thì Phật giáo chẳng phải là một tôn giáo, hai chữ tôn giáo là do người Nhật đặt ra, tất cả các tôn giáo khác như Thiên Chúa

giáo, Hồi giáo... chú trọng về tín ngưỡng, phải tin Giáo chủ, nên thuộc về tôn giáo; còn Phật giáo thì khác, Phật Thích Ca nói “Tất cả chúng sinh đều là Phật,” đều bằng với Phật.

Vì tâm chẳng có hình tướng số lượng, bộ não chẳng thể nhận biết, nhưng sự dụng thì rõ ràng, ví như cái thân này, cái tách này, cái bàn này, ghế này... đều là dụng của tâm, vũ trụ vạn vật đều là dụng của tâm, nên đức Phật nói “Nhất thiết duy tâm tạo.” Nhưng nhà khoa học thì không tin, chỉ tin vào vật chất, nói tâm này cũng do vật chất sinh ra. Ngài Nguyệt Khê trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận có một biểu đồ nói về bốn thừa: Tiểu thừa nói về duy vật, Trung thừa nói về duy tâm, Đại thừa nói tâm vật hợp một, Tối thượng thừa thì vô sở trụ, nói chẳng phải tâm, chẳng phải vật, tức chẳng phân biệt tâm khác với vật, là phi tâm phi vật, chẳng phải có hai.

Ví như mấy mươi cây đèn trong một phòng, đèn lớn ánh sáng mạnh, đèn nhỏ ánh sáng yếu, đèn dù khác nhau nhưng ánh sáng chẳng phải có hai; năm cây đèn cũng chỉ một ánh sáng, một triệu cây đèn cũng chỉ một ánh sáng. Lại nữa, những người học khoa học thì biết rõ ánh sáng cùng khắp hư không, đã cùng khắp thì sự tương đối tự nhiên tiêu diệt, chẳng còn tương đối nữa.

Theo Phật pháp, nguồn gốc của tương đối là hữu và vô, hữu là có, vô là không. Tất cả chúng sinh đều do chấp ngã mới gây ra đủ thứ khổ và phiền não, tức chấp thân này là ta, bây giờ thành lập có ta tức hữu ngã, được không? Ví dụ thân ta là một trong những cây đèn, muốn thành lập



➔ hữu ngã thì phải chỉ ra ánh sáng đèn nào thuộc về của ta, quý vị có ai chỉ ra được không? Ánh sáng đèn cùng khắp chính điện này, có ai chỉ ra được ánh sáng nào là của ta? Không được. Tại sao? Vì ánh sáng đèn nào cũng cùng khắp, dù lớn hay nhỏ, bao nhiêu triệu cây đèn cũng cùng một ánh sáng, chẳng sức mạnh nào chia thành hai ánh sáng được.

Thế thì nói là không có ta, tức vô ngã, được không? Muốn thành lập vô ngã, quý vị phải chỉ ra chỗ nào không có ánh sáng đèn của ta? Chỗ nào cũng cùng khắp, vậy muốn thành lập nghĩa vô ngã cũng không được, vì chẳng thể chỉ ra.

Mặc dù chẳng thể chỉ, nhưng không phải là không có những cây đèn khác biệt, ví như một trăm cây đèn vẫn là một trăm cây, đèn lớn vẫn phát ra ánh sáng mạnh hơn, đèn nhỏ vẫn phát ra ánh sáng yếu hơn, chứ chẳng phải tương đối tiêu diệt rồi ánh sáng và đèn cũng tiêu diệt luôn. Cho nên, tất cả chúng sinh dù cùng một Phật tánh, cùng một tâm, nhưng mỗi mỗi chúng sinh vẫn là khác nhau, cũng như tất cả đèn cùng chung một ánh sáng mà mỗi mỗi đèn vẫn khác nhau vậy.

Nếu chúng ta sinh khởi tâm chấp thì có cái này cái kia, muôn ngàn sai biệt; có Tịnh độ, Thiền tông, Thiên thai, Hiền thủ, Duy thức, Tam luận... đủ thứ tông phái, cho đến tà ma ngoại đạo, thế gian công thương kỹ nghệ... Nhưng công thương kỹ nghệ, tà ma ngoại đạo, tông phái này tông phái kia đều là một tâm chứ chẳng phải hai tâm. Do đó, nói Phật giáo chẳng phải tôn giáo, vì tất cả đều gồm trong đó. Nếu hiểu được tất cả đều ở trong tâm, chẳng phải ở ngoài thì khỏi cần phân biệt Tịnh độ và Thiền, sở dĩ có phân biệt vì có tâm chấp vậy.

Nay người đời nhìn Phật giáo như là một tôn giáo, vì thấy Phật giáo đồ mê tín, cho rằng Phật giáo là một tôn giáo mê tín. Sự thật thì giáo lý của Phật giáo là chính tín, là phá mê tín, nhưng vì Phật giáo đồ không hiểu, trong Thiền tông có nói: "Ấy chẳng phải lỗi tại đệ tử, là lỗi tại người Thầy," tại Tu sĩ tự mình mê tín rồi dạy phật tử cũng mê tín theo.

Tại sao nói chính tín là phá mê tín? Như Bát



Tôn tượng Phật A Di Đà chùa Phật Tích, Bắc Ninh -
Ảnh: Đức Minh

Nhã Tâm Kinh, các chùa ngày thường đều tụng mấy lần, tụng thì tụng, mà trong cuộc sống hằng ngày thì nghịch với Kinh: Trong Kinh nói "Vô lực căn, lực trần, lực thức, vô lão tử..." cho đến vô Khổ Tập Diệt Đạo, vô trí diệc vô đắc," vô lão tử là không có già chết, cái đó còn thuộc phạm vi Giáo môn chứ chưa phải Thiền môn, người ta còn tin không nổi, huống là Thiền môn bất lập văn tự, làm sao tin nổi! Nếu muốn phổ biến cho nhiều người thì phải dạy người ta mê tín, đó mới dễ tin và phổ biến được nhiều, vì những người mê tín rất dễ dàng đem gia tài đi cúng, họ cho rằng càng cúng nhiều càng được phước nhiều. Còn dạy người chính tín thì tất nhiên khó tin rồi. Chỉ có

những người đã phát tâm tu giải thoát, kiếp trước đã tu, đã gieo trồng thiện căn rồi, kiếp này mới có lòng tin chơn thật. Kinh Kim Cang nói: "Phát lòng tin trong sạch, chẳng phải chỉ kiếp trước nơi một Phật hai Phật gieo trồng thiện căn, mà là vô lượng vô biên hằng sa chư Phật gieo trồng thiện căn" mới được lòng tin trong sạch như hiện nay vậy. Có lòng tin chắc chắn, sự tu mới chắc chắn, giải thoát mới chắc chắn.

Nhiều người đã phát tâm tu, ấy là nhiều kiếp đã gieo trồng thiện căn, mới có nhân duyên đến dự Thiền thất, đến nghe tôi giảng về pháp chính tín. Tôi không bao giờ giảng về mê tín, người cúng dường chính tín không mong đợi phước báo và cúng dường vô điều kiện, không đòi hỏi tôi tụng kinh cầu an cầu siêu, cũng không cần biết phước báo đó sẽ lớn như thế nào.

Tôi đến giảng tại các Phật Học viện, mặc dù tôi chuyên hoằng Tổ Sư Thiền, nhưng người ta hỏi về Tịnh độ thì tôi giải đáp về Tịnh độ, hỏi về Mật tông hỏi về Thiền tông, hỏi về Luật tông, hỏi về Duy Thức tông cho đến các pháp môn khác, tôi đều giải đáp.

Ai thích tu pháp môn nào thì tôi dạy pháp môn đó, chứ chẳng phải bắt buộc mọi người phải tu Tổ Sư Thiền. ☸



TƯ TƯỞNG GIẢI THOÁT TRONG TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

[Nguyễn Tiến Nghị]

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ cách ngày nay hơn 25 thế kỷ. Hiện nay Phật giáo là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới sau đạo Công giáo, Phật giáo có ảnh hưởng lớn trong đời sống tinh thần người phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng. Với nội dung cơ bản là triết lý nhân sinh sâu sắc về nỗi khổ của con người và cách tu luyện để diệt khổ và giải thoát nỗi khổ. Cốt lõi của triết lý đó là triết lý Tứ diệu đế. Phật giáo chủ trương bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội và đề cao lòng từ bi, bác ái của con người trong xã hội.



Ảnh: St

Khác với các tôn giáo khác, giáo lý, luật lệ, lễ nghi và triết lý của họ thường bị các tầng lớp thống trị phản cách mạng lợi dụng để hạ thấp và đọa đầy con người nói chung, người lao động nói riêng xuống địa vị của những sinh vật thấp hèn; tư tưởng Phật giáo đã chống đối lại những thế lực đó - những thế lực nấp sau lưng Thượng đế dùng “Thần quyền” để duy trì vĩnh viễn quyền lực thống trị của mình trong các xã hội tồn tại dựa trên sự phân chia đẳng cấp. Triết thuyết Phật giáo chứng minh vạn vật đều có mâu thuẫn nội tại của nó và đều nằm trong quá trình vận động biến đổi không ngừng. Sự biến đổi đó không do một lực lượng siêu tự nhiên nào đó chi phối điều khiển đến mức an bài cả cuộc sống con người mà con người không thể nhận thức được. Ngược lại, Phật giáo khẳng định sự biến đổi ấy đều theo duyên sinh, nhân quả mà thành. Theo đó, Phật giáo đã lấy tư tưởng giải thoát (giải thoát luận) làm trọng tâm trong triết lý của Phật giáo nói chung. Đức Phật nói: “Này các đệ tử, ta nói cho mà biết, nước ngoài khơi chỉ có một vị mặn, đạo của ta dạy cũng chỉ có một vị là vị giải thoát”. Ngài khuyên mọi người dẹp bỏ

mọi tham, sân, si và trở về với thực tại giải quyết những vấn đề nhân sinh: “Này các vị, đừng thắc mắc rằng thế giới này là hữu hạn hay vô hạn, cõi đời này là hữu cùng hay vô cùng. Dù nó hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng thì điều các vị phải thừa nhận trước hết vẫn là: cuộc đời đang đầy rẫy khổ đau.” (Kinh Ahàm).

Tư tưởng chủ đạo trong triết lý giải thoát của Phật giáo là cố gắng giải thoát con người ra khỏi mọi khổ đau của cuộc đời. Đây là điểm gây sự chú ý nhất cho tất cả những ai tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng Phật giáo.

1. Nguồn gốc tư tưởng giải thoát trong triết lý Phật giáo

Có thể nói, không một tôn giáo nào trên thế giới lại có giọng thiết tha thâm trầm đối với nỗi đau khổ của thế gian như ở Phật giáo: “Nước mắt chúng sinh trong ba ngàn thế giới đem chứa tích lại còn nhiều hơn nước trong bốn bể”. Phải chăng cảnh tượng lúc bấy giờ đầy rẫy những bất công đau khổ đã khiến cho mọi người đều cảm thấy nỗi đau khổ của nhân loại?. Điều này cũng





đòi hỏi Phật giáo phải hướng đến tư tưởng giải thoát cho mình và cho chúng sinh.

Theo “Phật học từ điển” của Đoàn Trung Còn, thì “Giải thoát” (Moksha) cần được hiểu như sau: Giải là lìa khỏi sự trói buộc, được tự tại, mở những dây trói của nghiệp lầm. Thoát là ra ngoài quả khổ tam giới (Dục, Sắc, Vô Sắc). Chẳng hạn như giải thoát đối với kết (thắt, buộc), hệ phược (trói buộc). Giải thoát có các nghĩa:

- Giải thoát là niết bàn, là thể niết bàn, vì lìa tất cả sự trói buộc (giải thoát khỏi ngũ uẩn cũng gọi là năm loại niết bàn);

- Giải thoát cũng là thiên định, vì nhờ thiên định mà thoát khỏi vòng trói buộc, trở nên tự tại (Chẳng hạn như Tam giải thoát, Bát giải thoát, Bất tư nghị giải thoát);

- Giải thoát là một phần trong Ngũ phần pháp thân.

Chính vậy đạo Phật cũng gọi là Giải thoát đạo, Giải thoát hạnh, Giải thoát giới. Áo cà sa cũng gọi là giải thoát phục, giải thoát y. Giải thoát có hai loại:

Tĩnh tịnh giải thoát, tức bản tính của chúng sinh vốn là thanh tịnh không có cái hướng hệ phược (trói buộc), ô nhiễm.

Chủng tận giải thoát, tức bản tính của chúng sinh nói chung là thanh tịnh, nhưng vì từ vô thượng đến nay chúng sinh luôn bị phiền não làm mê hoặc, chẳng thể hiện được bản tính của mình, vậy nên mới phải đoạn tuyệt với cái hoặc chướng ấy mà được giải thoát, tự tại. Giải thoát cũng có hai cách về sự và lý:

Về sự tức là giải thoát khỏi vòng khổ não, tai nạn đương trói buộc cái thân (chẳng hạn giải thoát khỏi địa ngục, ma quỷ, súc sinh); Giải thoát khỏi mọi pháp luật (quy luật của mọi vạn pháp).

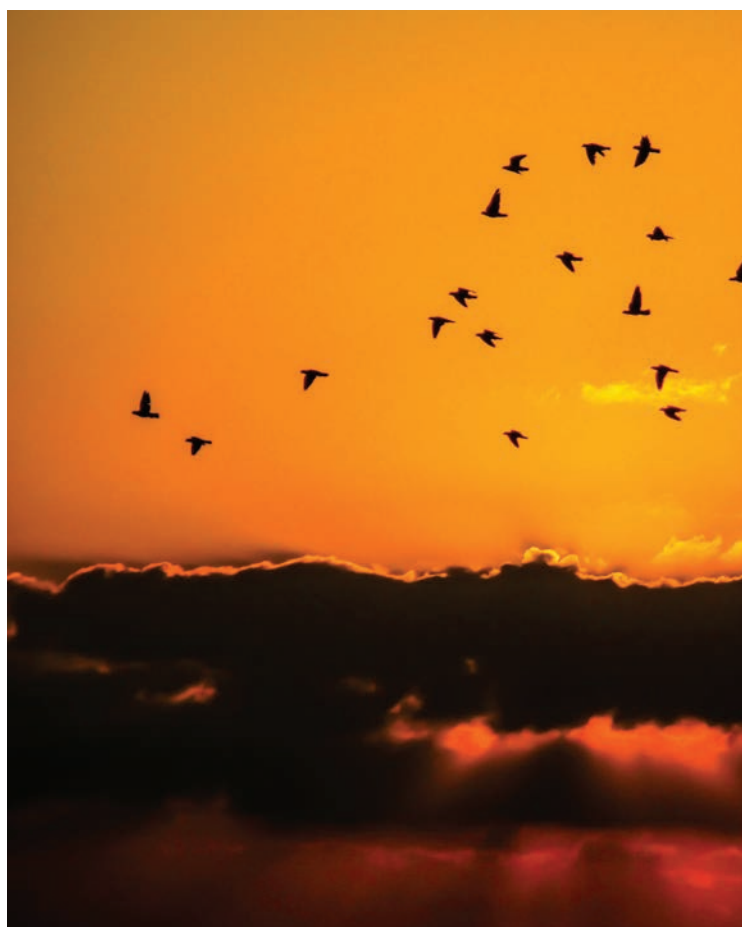
Về lý tức là giải thoát tất cả mọi nỗi phiền não, những duyên luyện ái đã từng trói buộc cái tâm (chẳng hạn giải thoát luân hồi để đạt quả thánh: A La Hán, Bồ tát, Phật, Giác ngộ).

Như vậy, giải thoát theo triết lý Phật giáo tức là trạng thái tinh thần con người vượt ra khỏi mọi sự ràng buộc của thế giới nhục dục, là sự “diệt” hết mọi dục vọng, dập tắt ngọn lửa dục vọng để đạt tới cõi Niết bàn (Nirvana) với cái tâm tuyệt đối thanh tịnh. Giải thoát tức là giải thoát tất cả những mối phiền não, những dây phiền não đã trói buộc cái tâm, làm mê tâm mờ tính do nhục dục quyền rũ. Khi con người ta được giải

thoát cũng chính là con người ta đạt tới sự siêu thoát, nghĩa là họ vượt sự trói buộc của thế giới trần tục, thoát khỏi sự chi phối của dục vọng, sinh tử, phiền não, sống hoàn toàn thanh thoát tự tại. Giải thoát là thấu suốt lý nhân sinh để đạt tới thể “không tịch”. Song đạt tới thể không tịch không có nghĩa là trở về với cái hoàn toàn hư vô, mà thực ra là để xóa bỏ thành kiến chấp ngã hẹp hòi bởi thế giới đang tồn tại là thế giới vô ngã, để từ đó có thể thấu đạt tư tưởng: “chư hành vô thường, vạn pháp vô ngã, hết thảy đều là không” của pháp âm. Triết lý Phật giáo cho rằng xuất phát điểm của tư tưởng giải thoát là từ nỗi khổ của cuộc đời con người. Vì vậy muốn được giải thoát thì cần dập tắt mọi dục vọng, trở về với chân bản tính của mình.

2. Triết lý Nhân duyên khởi và Tứ diệu đế – nội dung cơ bản của tư tưởng giải thoát trong Phật giáo

Có thể nói rằng đỉnh cao của tư tưởng giải thoát trong hệ thống triết học - tôn giáo Ấn Độ cổ đại là triết lý giải thoát của Phật giáo. Ở đó có sự



kế thừa, chặt lọc, dung hợp và cả sự hoàn thiện những mặt mạnh và cả những mặt yếu của tất cả những quan điểm, những phương pháp, các chủ trương giải thoát của các trường phái triết học - tôn giáo vào thời đó.

Trái với quan điểm của thánh kinh Vêda, Upanishad và các môn phái triết học tôn giáo đương thời đều thừa nhận sự tồn tại của một thực thể siêu nhiên tuyệt đối, tối cao, sáng tạo và chi phối đến tinh thần vũ trụ (Brahman, Atman), đạo Phật cho rằng vũ trụ này là vô thủy vô chung, vạn vật trong thế giới này chỉ là dòng biến hóa vô thường, duyên sinh vô định, không do một vị thần nào sáng tạo nên cả. Sở dĩ tất cả các sự vật hiện tượng trong thế giới này luôn biến đổi không ngừng nghỉ là bởi vì trong vũ trụ từ cái vô cùng nhỏ đến cái vô cùng lớn đều không thoát khỏi luật nhân quả hay còn gọi là luật “Nhân duyên khởi”. Theo triết lý này thì cái gì phát động ra ở vật, gây ra một hoặc nhiều kết quả được gọi là “Nhân” (hetu), cái gì được kết tập từ “nhân” gây ra thì được gọi là “quả” (phala). Còn “Duyên” (pratitya) lại chính là điều kiện là mối liên hệ để

giúp “nhân” biến thành “quả”. Như vậy, “nhân” nhờ “duyên” mới thành “quả”, “quả” lại nhờ “duyên” mới biến thành “nhân” mới, “nhân” mới lại nhờ “duyên” mới biến thành “quả” mới. Cứ như thế mà thế giới nối tiếp nhau biến hóa vô cùng vô tận và vì vậy mà mọi sự vật hiện tượng cứ sinh sinh hóa hóa mãi, quá trình đó được Phật giáo gọi là “Chư hành vô thường”. Dừng ở đây, triết học Phật giáo có tính biện chứng vô thần sâu sắc.

Trong sự vận động của thế giới sự vật hiện tượng, con người là một thực thể sống trong thế giới vận động đó. Do vậy, ngay chính bản thân con người cũng do “nhân – duyên” kết hợp mà thành. Con người được cấu tạo bởi hai thành phần thể xác và tinh thần, hai thành phần này là kết quả tan – hợp, hợp – tan của ngũ uẩn, duyên hợp ngũ uẩn lại thì ra “ta”, duyên tan ngũ uẩn thì không còn “ta”, mà là diệt. Nhưng đó không phải là sự mất đi mà là sự trở lại với ngũ uẩn và ngay cả mỗi yếu tố của ngũ uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) cũng luôn luôn biến đổi không ngừng theo luật nhân – quả. Như vậy, vạn vật chúng sinh cứ biến hóa vô thường, vụt mất vụt còn, không có thực thể, không có một hình thức nào tồn tại riêng lẻ và vĩnh viễn, không có cái tôi thường định, không có bản ngã hay cái ngã cá nhân bất biến (vạn pháp vô ngã). Nhưng do không thấy được nguồn gốc của sự biến đổi vô cùng vô tận của vạn vật và chúng sinh là do đâu và như thế nào, nên con người đã lầm tưởng rằng ta tồn tại mãi mãi, cái gì cũng thường định, cái gì cũng là của ta, do ta. Vì thế mà con người cứ khát ái tham dục, dẫn đến hành động để chiếm đoạt để thỏa mãn những dục vọng của mình, tạo ra những kết quả gây nên nghiệp báo (Karma), mắc vào bể khổ trầm luân. Đức Phật cũng có dạy rằng: “Này chư Tỳ khưu, Như Lai không thấy dây trời buộc nào khác mà chặt chẽ cột trời chúng sinh lâu dài, dai dẳng, thên thang và hối hả bất định xuyên qua vòng quanh những kiếp sinh tồn như trời buộc của ái dục. Quả thật vậy, này chư Tỳ khưu, bị bằng ái dục cột trời, chúng sinh lê bước thên thang và hối hả bất định trong vòng luân hồi”. Ái dục chính là những khát vọng mù quáng của chúng sinh đã gây nên sân hận và tất cả mọi khổ đau phiền lụy. Vì vậy việc đầu tiên theo đức Phật, để giúp con người thoát ra được bể khổ triền miên đó là phải diệt ái dục; tiếng nói của sự giải thoát khổ đau phải là tiếng nói của duyên sinh vô ngã.



Ảnh: St



Ảnh: St

Con đường giải thoát chúng sinh cũng như tư tưởng giải thoát khổ đau không chỉ thể hiện qua lý “Nhân duyên khởi” mà còn được thể hiện trong học thuyết “Tứ diệu đế” (Catvāry Arya Satya) - tư tưởng xuyên suốt toàn bộ hệ thống kinh sách nhà Phật. Cùng với “lý nhân duyên khởi”, học thuyết “Tứ diệu đế” đã trở thành nền tảng cho giáo lý nhà Phật. Thông qua các thuyết này, Phật giáo không chỉ vạch rõ con đường, cách thức để giải thoát chúng sinh ra khỏi nghiệp báo luân hồi và những nỗi khổ của cuộc đời con người, mà chúng còn tìm ra nguồn gốc của nỗi khổ của cuộc đời con người, chỉ ra căn nguyên biến đổi không ngừng của vũ trụ và thế giới. Chính ở đây chứ không đâu khác đã thể hiện rõ nét và tập trung nội dung tư tưởng giải thoát đặc sắc của triết lý Phật giáo. Triết lý Phật giáo phủ nhận thế giới quan thần quyền cũng như quan điểm về cái tôi cá nhân bất biến. Phật giáo không tán thành cách tu luyện ép xác khổ hạnh để có thể giải thoát (của đạo Jaina), cũng như phê phán chủ nghĩa khoái lạc vật chất (của trường phái Lokayata). Theo Phật giáo thì cả hai khuynh hướng đều không thể dẫn đến trạng thái diệt ái dục một cách trọn vẹn. Tu luyện khổ hạnh sẽ làm suy giảm trí lực do đó khó có thể đạt tới minh giác, còn nếu sa vào thế giới vật chất tức là đã sa vào thế giới vật dục, là đắm mê theo đuổi cái giả tưởng, làm lu mờ tâm tính, điều này dẫn đến sự chậm trễ trong tiến bộ tinh thần. Vì vậy, theo Phật giáo con đường đúng đắn nhất để đạt tới giác ngộ và giải thoát là con đường trung đạo. Trong kinh Chuyển Pháp Luân đức Phật đã nói: “Người xuất gia có hai cực đoan cần tránh, một con đường thấp hèn chủ trương

cuộc sống chỉ cần khoái lạc, một con đường cực nhọc vô ích như chủ trương của phái khổ hạnh ép xác. Con đường trung đạo thì ở giữa hai thái cực kia, có thể dẫn đến giác ngộ và giải thoát. Như vậy, đức Phật đặc biệt nhấn mạnh và nhắc nhở người xuất gia phải tránh những điều thái

quá hay những điều cực đoan khi xác định con đường giải thoát chúng sinh.

Như vậy, con đường giải thoát trong triết lý của Phật giáo được thể hiện qua các nội dung như sau: Đầu tiên, thể hiện trong thuyết Tứ diệu đế, tư tưởng giải thoát Phật giáo có xuất phát điểm từ nỗi khổ của cuộc sống con người. Theo quan điểm của Phật giáo, thì ngay việc con người sinh ra và tồn tại thì con người lại càng rơi vào vô minh, rơi vào những ảo tưởng giả tạo. Chính vì thế nhiệm vụ và mục đích tối cao của sự giải thoát chính là xóa bỏ sự vô minh của con người để đạt tới sự giác ngộ với cái tâm sáng tỏ, có thể nhận ra chân bản tính của mình và thực tướng của vạn vật. Có vậy mới dập tắt được ngọn lửa ái dục, thoát ra mọi khổ não của cuộc đời để đạt đến cõi Niết bàn (Nirvana). Vì vậy, mà đức Phật đã đưa Khổ đế thành chân lý thứ nhất. Triết lý của đạo Phật khẳng định thực tại nhân sinh là khổ. Phật đã nói trong kinh Chuyển Pháp Luân rằng: Sinh là khổ, lão là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, oán tăng hội khổ, thụ biệt ly khổ, thụ ngũ uẩn khổ, sở cầu bất đắc khổ. Như vậy, với Bát Khổ mà đức Phật đưa ra cũng đã khái quát rằng cuộc đời con người vốn đã là bể khổ.

Thứ hai, trong Tập Đế, Ngài đã nêu ra và lý giải căn nguyên của nỗi khổ, tức chỉ ra nguồn gốc, nguyên nhân của mọi nỗi khổ. Cũng như ở thuyết “Nhân – Duyên khởi”, nguyên nhân chính để gây nên nỗi khổ của con người chính là lòng ái dục. Nhưng sở dĩ có ái dục là vì sự vô minh, từ cái mê lầm của con người do không nhận thức

được bản chất của thế giới. Con người muốn tồn tại mãi nhưng thực tại lại cứ luôn biến dịch, con người muốn trường tồn nhưng cuộc đời cứ luân chuyển không ngừng nghỉ theo quy trình: sinh – lão – bệnh – tử; thành – trụ – hoại – không; sinh – trụ – di – diệt. Vì thế, con người mới sinh ra lòng tham, lòng sân, lòng si, chiếm đoạt để rồi gây nên những nỗi khổ triền miên trong đời. Cùng với “Nhân duyên khởi”, đức Phật đưa ra thuyết “Thập nhị nhân duyên” để giải thích căn nguyên nỗi khổ ấy, cùng với đó cũng vạch ra mối liên hệ của nghiệp từ quá khứ tới hiện tại, rồi từ hiện tại tới tương lai. Mười hai duyên đó là: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Mười hai duyên này nối tiếp nhau, chúng liên hệ và chuyển hoá cho nhau, chúng vừa là “nhân” vừa lại là “quả” của nhân.

Thứ ba, để con người có thể được giải thoát khỏi bể khổ thì phải diệt khổ, đó chính là mục đích tối cao của sự giải thoát. Chân lý tối cao mà đức Phật đưa ra đó là diệt đế. Phật Tổ nói rằng: “Đó là sự xa lánh trọn vẹn, là sự tận diệt chính cái ái dục ấy. Đó là sự rời bỏ, sự khước từ, sự thoát ly và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục. Đó là chân lý cao thượng về sự diệt khổ”, để đạt tới trạng thái Niết bàn; Niết bàn được xem là trạng thái tuyệt đối: trạng thái không tịch, diệt trừ mọi danh sắc, cảm giác, ý thức, trạng thái diệt mọi ái dục, vô vi, thanh tịnh, là hoàn thiện, vĩnh hằng, bất tử... Chính vì thế mà Long Thọ Bồ Tát đã viết: “Niết bàn là ngừng định, ngừng hết tư tưởng vô và hữu, sắc và không”.

Thứ tư, để thực hiện được mục đích và lý tưởng giải thoát, để đạt tới trí tuệ bát nhã, Phật giáo đưa ra thuyết về Đạo Đế. Đạo đế là quan điểm về con đường, cách thức hay phương pháp giải thoát của đạo Phật. Trong đó, con đường trung đạo như đã nói ở trên với thuyết tiêu biểu là “Bát chính đạo”. Tám con đường đó là:

- 1) Hiểu biết nhận thức đúng đắn (Chính kiến).
- 2) Suy nghĩ chân chính (Chính tư duy).

3) Hành động, làm việc chân chính (Chính nghiệp).

4) Chỉ nói những điều hay, đúng (Chính ngữ).

5) Sống một cách trung thực (Chính mệnh).

6) Cố gắng vươn lên theo con đường chân chính (Chính tinh tiến).

7) Suy nghĩ chính pháp, gạt mọi tà niệm (Chính niệm).

8) Chuyên chú vào con đường chân chính để giác ngộ (Chính định).

Cùng với tám con đường này, đức Phật đưa ra những phương pháp thực hành tu luyện cho các Phật tử để chủ động thực hiện điều tốt cho người và cho mình, ví như “Ngũ giới”, “Lục độ” và “Thập thiện”.

Nói một cách khái quát, trong thuyết Tứ diệu đế, thì Khổ Đế và Tập Đế trình bày về sự khổ và nguyên nhân của nỗi khổ. Đây chính là điểm xuất phát của tư tưởng giải thoát trong triết lý Phật giáo. Diệt Đế là quan điểm của Phật giáo về mục đích và nhiệm vụ tối cao của sự giải thoát, mục đích và nhiệm vụ ấy là xóa bỏ mọi vọng tưởng, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của thế giới vật dục, diệt ái dục để có thể giác ngộ, đến với Niết bàn. Còn Đạo Đế là con đường và cách thức giải thoát, đó là “Bát chính đạo”.

Như vậy, với tư tưởng giải thoát mà đức Phật đưa ra đã thể hiện rất sâu sắc tính chất nhân bản, nó quan tâm đến thân phận và đời sống của mỗi con người, giúp con người thoát khỏi những nỗi khổ của cuộc đời, tìm cho họ một niềm tin trong cuộc sống, một chỗ dựa vững chắc và chỗ dựa vững chắc ấy không ở đâu xa lạ mà chính ngay trong tâm mỗi người. Theo đó, con đường và cách thức giải thoát trong triết lý Phật giáo rất giản dị, có ý nghĩa hết sức thiết thực và phù hợp với đời sống hiện thực khách quan. Nó chủ trương tu luyện toàn diện trên mọi lĩnh vực từ đời sống đạo đức luân lý đến tâm linh, trí tuệ. 🌸

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn Chính. Tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1997.
2. Doãn Chính. Lịch sử tư tưởng Triết học Ấn Độ Cổ Đại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
3. Đoàn Trung Còn. Phật học Từ điển, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1997.
4. Bùi Biên Hòa, Đạo Phật và thế gian, Nxb Hà Nội, 1998.

5. Phật Giáo nhìn toàn diện - Piyadassi Mahathera (Phạm Kim Khánh dịch) PL 2540 - Bình Tỷ.
6. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Phật học tinh hoa, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1992.
7. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên). Lịch sử triết học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
8. Walpola Rahula. Lời giáo huấn của Phật đà, Nxb Tôn giáo, Hà Nội. 1999.





Ảnh: St

Vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật và biểu hiện qua lửa Yến Phi

[Vô Văn Dũng]

Vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật

Các tôn giáo ra đời đều gắn liền với một giai đoạn lịch sử nhất định, chịu sự tác động, chi phối của thời đại đó.

Phật giáo cho rằng, cần phải biết tôn trọng phụ nữ chứ không thể coi thường. Khi thấy vua Pasenadi nước Kosala muộn phiền vì nghe tin báo hoàng hậu Mallika vừa hạ sinh công chúa, Phật liền khuyên:

*“Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,*

*Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thán phục. “1*

Phật giáo đã chỉ rõ rằng, “nếu thế giới không có phụ nữ thì thế giới không còn là thế giới” bởi vì 1/2 dân số của thế giới là phụ nữ và họ là một nhân tố quan trọng để tạo ra thế giới. “Phật giáo cho rằng, những người phụ nữ như: Người độc thân, có chồng, góa phụ thì không có giới hạn về quyền và bổn phận của họ đối với việc sinh con hay nuôi



con, và họ là một phần không thể tách rời của xã hội”². Khi phụ nữ lập gia đình thì họ có chức năng làm mẹ, làm vợ; do vậy, họ là đối tượng cần được kính trọng.

*“Mẹ hiền khuất bóng gọi là mặt trời đã lặn
Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trăng sáng tỏ
Mẹ hiền khuất rồi gọi là đêm tối u ám”³.*

Phật giáo đã so sánh người mẹ với mặt trời, mặt trăng và bóng tối, Phật giáo đã đề cao được vị thế của người phụ nữ trong gia đình. Phật giáo cho rằng, người phụ nữ có vai trò quan trọng trong các mối quan hệ xã hội; do vậy, Phật giáo đề cao phụ nữ và xem xã hội này như là “xã hội những bà mẹ”. “Phạm Thiên, này các Tỳ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỳ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỳ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỳ kheo, là cha mẹ đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời”⁴. Trong kinh hạnh phúc có nói;

*“Mẹ cha gọi là Phạm Thiên,
Bậc đạo sư thời trước,
Xứng đáng được cúng dường,
Vì thương đến con cháu,
Do vậy, bậc hiền triết,
Đảnh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp (cả thân mình)
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng thiên lạc.”*

Phật giáo cho rằng, phụ nữ có vai trò ngang hàng với đàn ông, cũng như cỗ xe chở người, bất luận nam hay nữ. Cũng thế, chiếc xe chánh pháp chờ đón họ thẳng tới Niết bàn. “This social and spiritual advancement for women was ahead of the times and, therefore, drew many objections from men, including bhikkhus.”⁵ Tạm dịch là (sự tiến bộ xã hội và tinh thần cho phụ nữ Phật giáo đã đi trước thời đại và, do đó, đã thu hút rất nhiều sự phản đối từ những người đàn ông, trong đó có các Tỳ kheo). Đức Phật đã nói rằng; “In Buddhism, women can openly aspire to and practice for the highest level of spiritual attainment. Buddhism is unique among Indian religions in that the Buddha

as founder of a spiritual tradition explicitly states in canonical literature that a woman is as capable of nirvana as men and can fully attain all four stages of enlightenment”⁶. Tạm dịch là (Trong Phật giáo, phụ nữ có thể công khai mong muốn và thực hành cho các cấp độ cao nhất của cảnh giới tinh thần cao nhất. Phật giáo là duy nhất giữa các tôn giáo Ấn Độ, trong đó đức Phật là người sáng lập của một truyền thống tinh thần mà đã chỉ rõ trong giáo lý kinh điển là một người phụ nữ là có khả năng đạt được niết bàn như nam giới và có thể đạt được đầy đủ tất cả bốn giai đoạn của sự giác ngộ). Đức Phật cho rằng, giới tính không quan trọng trong các vấn đề như nhân cách và vai trò trong xã hội, thậm chí, người phụ nữ có thể cạnh tranh được với đàn ông”⁷.

Quan niệm của Phật giáo về vai trò của người phụ nữ trong xã hội. Từ việc khẳng định vai trò của người phụ nữ không thua kém người đàn ông trong gia đình, Phật giáo tiếp tục cho rằng, trong xã hội người phụ nữ cũng có vai trò hết sức quan trọng. “Với một sự hiểu biết sâu sắc, đức Phật xác định đặc điểm giá trị của nữ giới và đặt giá trị này một cách hài hòa vào trong cơ cấu xã hội”⁸. Khi đề cập đến vai trò của người phụ nữ trong xã hội, Phật giáo đã nhấn mạnh đến quyền lợi và nghĩa vụ của nữ giới phải như nam giới. Rõ ràng trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, đề cập đến vai trò của người phụ nữ trong xã hội là điều rất khó khăn. Bởi trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, người phụ nữ không có vị thế nào trong xã hội. Tuy nhiên, Phật giáo đã bác bỏ điều đó và cho rằng, khi vị thế của người phụ nữ bị xem thường thì xã hội đã phát triển một cách lệch lạc. Chính vì thế, Phật giáo khuyên rằng, “Người chồng nên lấy năm điều mà yêu thương cấp dưỡng vợ. Năm điều đó là gì? Một là yêu thương vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm điều để thương yêu, cấp dưỡng vợ”⁹. Phật giáo cho rằng, vị thế của phụ nữ trong xã hội phải được bắt đầu từ gia đình. Khi và chỉ khi họ đóng vai trò quan trọng trong gia đình thì cũng là lúc họ thể hiện được vai trò của họ trong xã hội. Phật giáo cho rằng, nữ giới không thua kém gì so với nam giới; do vậy, những gì nam giới làm được thì nữ giới cũng có thể làm được. Điều này được thể hiện trong câu chuyện sau: “... Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ: “Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa”. Thưa gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, tôi khéo



léo dẹt vải và chải lông cừu. Thừa gia chủ, sau khi gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thừa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này gia chủ, là người khi mệnh chung với tâm còn mong cầu luyến ái. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu luyến ái.

Thừa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: “Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác”. Này gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thừa gia chủ, gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ, tôi đã sống thực hành phạm hạnh như thế nào...

Thừa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: “Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muốn yết kiến chúng Tăng”. Thừa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi ta mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn...”¹⁰. Như vậy cho thấy, vai trò của người phụ nữ trong xã hội đã được nhắc đến trong giáo lý Phật giáo một cách khá rõ nét.

Vai trò của nữ giới trong giáo đoàn. Khi bàn đến vai trò của nữ giới trong giáo đoàn thì chúng ta phải thống nhất với nhau rằng; tăng hay ni đều có quyền bình đẳng như nhau. Điều này được thể hiện ngay từ thời Đức Phật còn tại thế. Khi mà trong xã hội Ấn Độ đang tồn tại sự phân chia giai cấp khắc nghiệt, ở đó người phụ nữ bị xem thường thì Đức Phật tiến hành thành lập giáo hội Tỳ kheo ni. Giới Luật không cho phép bất kỳ mối quan hệ dựa trên quyền lực giữa các tăng và ni. Tỳ kheo Dhammananda đã viết: Ni vào thời của Phật có quyền bình đẳng và có phần bằng nhau trong tất cả mọi thứ. Trong một trường hợp, tám chiếc áo choàng được đem biếu cho các Tăng nhân ở một nơi mà chỉ có một ni và bốn tăng. Đức Phật chia áo thành 2 nửa bằng nhau, đưa bốn cái cho ni và bốn cái cho 4 tăng, bởi vì những cái áo đó dành cho cho cả nam và nữ Tăng nhân và phải được chia đều tuy nhiên trong mỗi nhóm có nhiều người. Bởi vì các ni có xu hướng nhận lời mời ít hơn để đến nhà của mọi người cho nên đức Phật đã yêu cầu đem tất cả các đồ cúng dường đến tu viện và chia đều giữa hai nhóm tăng và ni. Đức Phật đã bảo vệ các nữ tu và là công bằng cho cả hai bên. Đức Phật là cho

các đệ tử ý thức được việc đối xử với người phụ nữ như những người thân, không phải trong ý thức là ông chủ và nô lệ. Việc làm này đã tạo điều kiện cho phụ nữ nói chung và ni giới nói riêng quyền được tiếp thụ giáo lý đạo Phật để phát huy bản chất cao quý của họ. Theo giới đàn ni, “Nói về giáo phẩm, nếu bên nam giới có Hòa thượng, Đại đức thì phía nữ có Hòa thượng ni, Đại đức ni”. Chữ “ni” ở đây dùng để chỉ giới tính chứ không phải là phân biệt. Về đệ tử nếu tăng có hai vị đại đệ tử là Sàriputta và Moggallāna, thì ni cũng có hai vị đại đệ tử là Khema và Uppalavannā. Quan điểm giải thoát không dành riêng cho ai, kể cả đức Phật. “Những ai đặt lòng tin vào đức Phật, chúng đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, chúng được quả dị thực tối thượng”¹².

Vị thế của người phụ nữ không chỉ được đề cao trong gia đình, xã hội, trong giáo đoàn mà cả trong giải thoát. “Này Ananda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A la hán quả”¹³. Phật giáo cho rằng, việc giải thoát của ni không chỉ dành cho thực tại mà nó còn được thể hiện trong tương lai. “Này Vaccha không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỳ kheo ni, đệ tử của ta, đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát”¹⁴.

Lửa Yến Phi – tấm gương điển hình cho vai trò ni ở Việt Nam

Đào Thị Yến Phi, pháp danh là Nguyên Thường, tự Diệu Mai, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1948 tại Hà Đông, Bắc Phần. Yến Phi sinh ra trong một gia đình theo đạo Phật. Thừa nhỏ Yến Phi rất ngoan và có hiếu với mẹ, phụ giúp mẹ quán xuyến việc nhà và không bao giờ để mẹ phải buồn vì mình.

Yến Phi được gia đình cho gia nhập gia đình Phật tử Linh Thụ từ năm mới lên 10 tuổi. Với bản tính hiền hoà, lại được hấp thụ tinh thần từ bi của đạo Phật, Yến Phi đã tỏ ra mình là một Phật tử gương mẫu được mọi người biết đến. Yến Phi là một Phật tử cương trực và quả cảm, luôn trọng chữ tín và luôn hướng đến sự tự do cao đẹp. Việc biến mình thành một ngọn đuốc vào lúc 14h30 ngày 26 tháng 01 năm 1965 tại toà Hành chính

Khánh Hoà để phản đối chính sách bạo tàn của chính quyền Trần Văn Hương, đòi độc lập cho dân tộc là một hành động hy sinh cao đẹp không chỉ có ý nghĩa đối với đạo pháp mà còn có ý nghĩa đối với đời. Ngọn lửa Yến Phi đã bùng cháy nhằm thức tỉnh sự tàn bạo của kẻ thù, đồng thời khơi dậy tinh thần dân tộc trong các Phật tử ở Việt Nam lúc bấy giờ.

Lửa Yến Phi đã biến vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật thành một tấm gương điển hình trong xã hội. Ba bức thư của Yến Phi đã minh chứng rằng, lửa Yến Phi là ngọn lửa đấu tranh cho đạo pháp và cho dân tộc Việt Nam. Trước hết, chúng ta có thể tìm thấy vai trò của người phụ nữ trong gia đình ở bức thư gửi mẹ của Yến Phi. Với tư cách là một người con trong gia đình thì chữ hiếu là quan trọng nhất. Tuy nhiên, vì đạo pháp, vì dân tộc nên Yến Phi đành phải đem thân mình để cúng dường Chánh pháp và phản đối chính sách bạo tàn của Trần Văn Hương. Cũng như bao nhiêu người con khác được sinh ra đều phải đền ơn sinh thành, giáo dưỡng nhưng trước sự bạo tàn của kẻ thù, Yến Phi đã nói với mẹ rằng “con tin rằng, việc của con làm ngày hôm nay giúp ít nhiều cho đạo Pháp, mẹ đừng vì con mà tiếc thương bi lụy, con không mất mà sẽ còn mãi với nguyện vọng của dân tộc. Sống chết có một lần con không sợ, nhưng ngại con chết rồi, công ơn sinh dưỡng của mẹ con chưa đền”.

“Con viết thư này để lạy từ

Công ơn của Mẹ biết bao thu

Vì đời, vì Đạo con thâm nguyện:

Thieu đốt than này trọn kiếp tu”

(Lạy Từ- Thanh Lan 27/01/1965)

Việc đấu tranh giải phóng thân phận người phụ nữ không chỉ dừng lại ở đó, Yến Phi còn khuyên mẹ, “con chết đi mẹ hãy tranh đấu cho tới hơi thở cuối cùng mẹ nhé! Con biết rằng con mất, mẹ sẽ đau đớn cùng độ, mẹ hãy cố gượng để con thắp lên một ánh lửa bé nhỏ Đạo Pháp đang lâm nguy vì một con người tham vọng và bạo ngược, điển hình của Ngô Đình Diệm thứ hai”. Vai trò nữ giới trong gia đình của Phật giáo đã được Yến Phi thể hiện một cách xuất sắc ngoài đời, đó chính là



Công viên Yến Phi - Thành phố Nha Trang - Ảnh: St

người phụ nữ không chỉ phải giữ trọn đạo hiếu làm con mà còn phải đấu tranh vì sự giải phóng cho dân tộc nói chung, phụ nữ nói riêng.

Lửa Yến Phi còn đưa vai trò của người phụ nữ trong giáo lý đạo Phật lên một tầm cao mới trong xã hội. Nếu như Phật giáo cho rằng, người phụ nữ có một vị thế nhất định trong xã hội, bởi những gì nam giới làm được thì nữ giới cũng có thể làm tốt. Trước cảnh nước mất, nhà tan, đạo pháp bị đàn áp, Yến Phi đã vạch tội Trần Văn Hương. Trong thư gửi Thủ tướng Trần Văn Hương, Yến Phi viết “dưới ách thống trị tàn ngược của ông, máu Phật giáo đỏ đã đổ. Quý Thượng toạ đã hy sinh trong 7 ngày nay để ông sớm giải quyết nguyện vọng chung của dân tộc và Đạo pháp”. Tuy nhiên, chính phủ Trần Văn Hương không những không thay đổi mà còn ra sức đàn áp. Trước thực trạng đó, Yến Phi đã tự biến mình thành ngọn đuốc để thức tỉnh sự vô minh của Trần Văn Hương. Yến Phi viết rằng, “Tôi không cần nói nhiều, vì các lãnh đạo, tín đồ, học sinh, sinh viên, v.v... đã nói nhiều trong tinh thần truyền thống bất bạo động. Ông không thể làm ngơ trong lúc này, máu và nước mắt đã đổ vì ông”. Trong vai trò là một nữ Phật tử, Yến Phi rất anh dũng khi vạch tội ác và chính sách bạo tàn của nhà cầm quyền đối với dân tộc. Hành động tự thiêu của Yến Phi để thức tỉnh chính quyền Trần Văn Hương, đã thể hiện được vai trò của người phụ nữ trong giáo lý đạo Phật. Họ không những đấu tranh để được giải phóng mà họ còn có thể hy sinh bản thân mình để giải phóng.

Trong bức thư gửi Phật giáo, Yến Phi đã trình





bày những hành động vô nhân tính của chính quyền Trần Văn Hương. “Đã gần hai tháng nay, phong trào đấu tranh bảo vệ Phật giáo khởi phát từ các giới trong nước, v.v... Sau khi theo dõi đến giờ phút vô cùng bi đát này; Tăng sĩ khắp nơi đã bị công khai bắt bớ; ở một vài nơi, sinh viên, học sinh Gia đình Phật tử đứng lên đòi hỏi cho dân tộc, cho Đạo Pháp lần lượt ngã trước họng súng bạo tàn! Cái chết của học sinh Ngọc chưa nguội, thì gần đây ở Đà Lạt và Sài Gòn lại chứng kiến thêm bao nhiêu cái chết của người con yêu đất nước”. Hành động của YẾN PHI được xuất phát từ sự khổ đau của dân tộc nhưng không vì thế mà gạt bỏ đi thứ bậc trong đạo pháp. Chính quyền Trần Văn Hương đã ra sức bóp méo sự thật và lừa gạt nhân dân. Đứng trước sự thật nghiệt ngã đó, YẾN PHI đã viết rằng, “Con, một nữ Huỳnh trưởng của gia đình Phật tử Chánh Quang xin âm thầm phát nguyện thiêu đốt nhục thân này để cúng dường Tam Bảo”. Xuất phát từ tinh thần đạo pháp và dân tộc nhưng không vì vậy mà YẾN PHI tự ý làm mọi việc; mà ngược lại, khi đấu tranh ni cũng tuân theo đạo pháp. Việc YẾN PHI hy sinh cho đạo pháp và dân tộc đã cho thấy tính đúng đắn của Phật giáo khi đề cao vai trò của người phụ nữ. Phật giáo cho rằng, việc tạo điều kiện cho nữ giới tiếp thu giáo lý đạo Phật để phát huy bản chất cao quý của họ là hết sức quan trọng, và điều đó đã được thể hiện qua lời YẾN PHI.

Kết luận

Thông qua việc nghiên cứu vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật, chúng tôi thấy rằng, việc Phật giáo đề cao vai trò của người phụ nữ trong gia đình, xã hội đến trong giáo đoàn là một

quan điểm hết sức mới mẻ và tiến bộ. Quan điểm đề cao vai trò của người phụ nữ trong giáo lý đạo Phật được xem là một thành quả lớn và có nhiều ý nghĩa không chỉ trong quá khứ mà ngay cả hiện tại vẫn được trân trọng. Tất cả những điều đó đã được những Phật tử chân chính chứng minh, khi họ thể hiện vai trò của mình đối với gia đình, xã hội và giáo đoàn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã xuất hiện nhiều tín đồ Phật giáo xả thân vì đạo pháp và dân tộc, biến mình thành những ngọn đuốc sống, nhằm phản đối sự xâm lược và cai trị tàn bạo của kẻ thù, đòi tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Lửa YẾN PHI đã thức tỉnh tinh thần dân tộc, tinh thần đạo pháp và minh chứng cho tính đúng đắn về vai trò của phụ nữ trong giáo lý đạo Phật. ☸

CHÚ THÍCH

1Phẩm Thứ hai, Kinh Tương Ưng Bộ, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1993, tr.194

2 Horner, I.B. *Women under Primitive Buddhism*, London, 1930; pp 3.

3Kinh Báo Ân, Kinh Tâm Địa Quán, Phúc Điền THPGTPHCM, 1995, tr.93

4Phẩm Sứ giả của trời, Tăng Chi Bộ Kinh I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr.147

5 In Young Chung (1999). “A Buddhist View of Women: A Comparative Study of the Rules for Bhiksunis and Bhiksus Based on the Chinese Prātimokṣa” (PDF). *Journal of Buddhist Ethics*6: 29–105. Retrieved 2010-11-07.

6Ven. Professor Dhammavīhari, *Women and the religious order of the Buddha*

7 Dhirasekera, Jothiya, “Women and the Religious Order of the Buddha” *Sambhāsā*. 1991. Pp, 297

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đại kinh Vacchagotta, Trung Bộ Kinh II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr.236.

Phẩm Thứ hai, Kinh Tương Ưng Bộ, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1993, tr.194.

Kinh Báo Ân, Kinh Tâm Địa Quán, Phúc Điền THPGTPHCM, 1995, tr.93.

Phẩm Sứ giả của trời, Tăng Chi Bộ Kinh I, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr.147.

Kinh Trung A Hàm III, HT Thích Thiện Siêu, THPGTPHCM, tr. 266.

Kinh Bộ Tăng Chi II, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr. 295 - 296.

Phẩm Sumana, Kinh Bộ Tăng Chi, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr. 39.

Phẩm Gotamī, Kinh Bộ Tăng Chi III, HT Thích Minh Châu, Viện NCPHVN, 1988, tr.114.

Dhirasekera, Jothiya, “Women and the Religious Order of the Buddha” *Sambhāsā*. 1991, pp. 297.

Horner, I.B. *Women under Primitive Buddhism*, London, 1930; pp 3.

Ven. Professor Dhammavīhari, *Women and the religious order of the Buddha*.

Dhirasekera, Jothiya, “Women and the Religious Order of the Buddha” *Sambhāsā*. 1991. Pp, 297.

Dr. Chatsumarn Kabilsingh *The History of the Bhikkhuni Sangha*. In Young Chung (1999). “A Buddhist View of Women: A Comparative Study of the Rules for Bhiksunis and Bhiksus Based on the Chinese Prātimokṣa” (PDF). *Journal of Buddhist Ethics*6: 29–105. Retrieved 2010-11-07.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam 34 năm thành lập và phát triển

[Đặng Tài Tính]



Chùa Quán Sứ, nơi đặt Trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Ảnh: Hạnh Nguyên

Trong suốt ngàn năm du nhập và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc, có những bước thăng trầm cùng vận mệnh của dân tộc. Chính vì thế, Phật giáo rất gần gũi với người dân Việt Nam. Phật giáo và dân tộc gắn bó chặt chẽ theo cách ví của Phật giáo là như nước với sữa không thể tách rời và như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Phật giáo với dân tộc Việt Nam như hình với bóng, tuy hai mà một”. Trong đường hướng hành đạo của mình, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã thể hiện rõ vai trò, vị trí của Phật giáo và dân tộc với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc”. Qua 34 năm bằng những việc làm ích đạo, lợi đời, GHPGVN Việt Nam ngày càng thể hiện rõ hiệu quả hành đạo với những việc làm rất có ý nghĩa.

Ngày 7/11/1981, GHPGVN được thành lập, đánh dấu một trang sử mới và mở ra vận hội mới cho trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thăng hoa.

Thực tế, không phải không có những băn khoăn, suy nghĩ về đường hướng hành đạo của GHPGVN trong bối cảnh các thế lực thiếu thiện chí lợi dụng, xuyên tạc, thậm chí có những hành động phá hoại việc thành lập, nhưng GHPGVN ngày càng phát triển và khẳng định vị trí của

minh trong lòng dân tộc.

Sau 34 năm thực hiện đường hướng hành đạo của mình, GHPGVN đã đạt được những thành tựu về nhiều mặt. Trong đó, hệ thống trường lớp ngày càng phát triển cả chiều rộng và bề sâu giúp cho việc đào tạo tăng tài cả về chất lượng và số lượng đã ghi một trong những dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của Giáo hội. Hiện nay, GHPGVN có 4 Học viện gồm: Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ, 32 Trường Trung cấp Phật học, 8 Trường Cao đẳng và 1 Trường Trung Cao đẳng Phật học và hàng chục lớp sơ cấp Phật học được mở tại các chùa. Ngoài ra, Giáo hội cũng thường xuyên gửi tăng, ni sinh đi đào tạo nâng cao ở nước ngoài tại các quốc gia như: Ấn Độ, Myanmar, Đài Loan (Trung Quốc),... Đây sẽ là nguồn tăng, ni kế cận có trình độ Phật học và thế học tốt, đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cấp Giáo hội trong tương lai. Tính đến khóa VI (2011 – 2015), Học viện tại Hà Nội đã đào tạo được 1.054 tăng, ni; Học viện tại Huế được 761 tăng, ni, Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh được 2.422 tăng, ni và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ chiêu sinh 2 khóa được gần 200 tăng. Tôi muốn nói sâu vấn đề này vì sau khi thành lập GHPGVN Việt Nam, số lượng tăng ni còn rất ít, nhiều chùa không có sự trụ trì, nhưng nay thì khác hẳn, số lượng tăng ni ngày càng đông.

Chẳng hạn, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, tiền thân là Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở I được thành lập tháng 11/1981, ngay sau khi GHPGVN được và được đổi tên thành Học viện như hiện nay theo Quyết định số 19/QĐ/TGCP, ngày 23/6/1997 của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, là một minh chứng cho sự phát triển về đào tạo tăng tài của Giáo hội.





Cũng như các Học viện Phật giáo Việt Nam khác, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội có chức năng, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo tăng ni trẻ ở bậc cao đẳng, đại học và sau đại học, để đáp ứng yêu cầu phục vụ Giáo hội và nhân dân, có kiến thức về các mặt: Phật học, văn hóa, khoa học, xã hội,... có đức hạnh trong tu học, đồng thời đảm trách sự nghiệp truyền bá Phật pháp, phục vụ lợi ích nhân sinh. Sau 34 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội đã từng bước được củng cố và phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày một cao của công tác giáo dục và đào tạo Tăng tài cho Giáo hội. Học viện đã đào tạo được gần 1.000 tăng ni sinh tốt nghiệp Cử nhân Phật học, 122 tăng ni sinh tốt nghiệp hệ Cao đẳng Phật học. Hiện tại, Học viện đang đào tạo năm đầu tiên của khóa VI hệ cử nhân Phật học với 304 tăng ni sinh thuộc hơn 30 tỉnh, thành hội Phật giáo trong cả nước theo học và 79 tăng ni sinh khóa III Cao đẳng Phật học. Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của tăng ni sinh, Học viện đã hợp tác liên kết với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc đào tạo cử nhân Triết học hệ tại chức. Nhưng để có thành tựu trên, Học viện đã trải qua rất nhiều khó khăn về địa điểm, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, tài liệu giảng dạy,... trong những năm đầu gây dựng. Năm 2010, Đoàn Bộ Tôn giáo Myanmar do ông Bộ trưởng dẫn đầu sang thăm và làm việc với Ban Tôn giáo Chính phủ, Đoàn đã giành thời gian đi thăm, trao đổi kinh nghiệm với Học viện. Sau khi nghe quá trình hình thành và phát triển, làm việc với Ban lãnh đạo và tiếp xúc với tăng ni sinh, ông Bộ trưởng rất vui mừng, ngạc nhiên về những thành tựu của Học viện. Suốt mấy tiếng buổi trưa trong lúc các thành viên của Đoàn nghỉ, ông Bộ trưởng đi lại để ngắm khuôn viên, cơ sở của Học viện. Khi chia tay, ông bảo: Tôi thật sự bất ngờ ở Việt Nam có Học viện rộng rãi, khang trang, đẹp đẽ thế... Điều đó cho thấy nếu Phật giáo Việt Nam không phát triển thì làm sao có những Học viện như hiện nay.

Với tinh thần nhập thế tích cực, GHPGVN còn có rất nhiều lĩnh vực hoạt động khác bằng những việc làm thiết thực như: Vận động tăng ni, tín đồ, phật tử thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước; tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội: Ngày vì người nghèo, Ngày An toàn giao thông, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt,... Đặc biệt là

hoạt động từ thiện: Nuôi dưỡng, giúp đỡ người nghèo, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng chất độc da cam, nuôi dạy trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi; mổ mắt miễn phí cho người đục thủy tinh thể, tặng nhà tình nghĩa; thăm hỏi, tặng quà cho các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công với cách mạng; khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Thực sự, GHPGVN đang từng bước có những đổi mới, không ngừng phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của xã hội trong thời đại mới.

Nhân dịp Đại lễ Phật đản năm 2015, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam, Chủ tịch UB T.Ư MTTQ Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân đã gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới Chư tôn đức Giáo phẩm cùng toàn thể tăng ni, phật tử Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước đón một mùa Phật đản an vui, thắm tình đạo vị trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc và khẳng định: “Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đánh giá cao, trân trọng, biểu dương và chúc mừng những kết quả hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như những đóng góp tích cực của Giáo hội và toàn thể tăng ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước đối với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong suốt 34 năm qua”. Ông Nguyễn Thiện Nhân cũng tin tưởng GHPGVN sẽ tiếp tục gìn giữ và phát huy truyền thống “Hộ quốc an dân” với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc” của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới. Tăng cường đoàn kết hòa hợp, củng cố, mở rộng và trang nghiêm Giáo hội, thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên, các hệ phái, các thế hệ, các vùng miền, vừa phát huy các giá trị đặc sắc của các hệ phái Phật giáo Việt Nam vừa mở rộng và tăng cường mối quan hệ đồng đạo, tình đoàn kết giữa Phật giáo với các tôn giáo ở Việt Nam, góp sức cùng nhân dân trong nước bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế.

Với sự hỗ trợ của Tam Bảo, sự tạo điều kiện giúp đỡ của các cấp, các ngành, sự đồng tình của nhân dân, sự nỗ lực của tăng ni, phật tử, GHPGVN chắc chắn sẽ bước tiếp chặng đường mới để đưa Giáo hội ngày càng vững tiến trên con đường hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh. 🌸

Thiền ZEN

Ảnh: St

Thiền không phải là một tôn giáo, một học thuyết hay một quan niệm thuộc về tri thức. Thiền cũng không phải là nền triết học với những hệ thống luận lý mang tính chủ quan của vỏ não; cũng không phải là ngành khoa học với những cơ cấu lập trình và máy móc phức tạp.

Thiền chỉ là một danh từ tạm dùng để chỉ một tâm thái thường trực, bất biến và phi thời – không. Bản chất của thiền nằm ngoài mọi cặp phạm trù mâu thuẫn xung đột thuộc duy lý chủ quan bởi suy tưởng lý luận. Chúng ta có thể đạt đến trạng thái này bằng thể nghiệm tâm linh với bản chứng tự tâm, chứ không qua suy luận của bộ óc. Đây chính là công việc của đạo học, chứ không ở nơi triết học. Danh từ Thiền cũng chỉ là tiếng trống tuếch, không liên hệ gì đến tâm thái tịch nhiên vắng lặng, an tĩnh và tự do tuyệt đối của tâm hồn. Tâm thái này không hình thù, không tên gọi, nên từ trong bản chất nó xa lìa tướng danh tự, tướng nói năng, tướng tâm duyên. Nó bình đẳng tuyệt đối với mọi pháp.

Vì vậy cho nên, chúng ta hãy nghe lại cội lòng như nó đang là, mà quên hết những tự ngôn tự ngữ của dòng thức, quên hết mọi tìm tòi học hỏi của vọng tâm.

Y hệt như ngón tay dùng để chỉ mặt trăng,

những lời nói thuộc kinh điển chỉ được tạm dùng để diễn tả cái lẽ thực bất biến nơi tự tâm, nên hãy quên nó sau khi cảm nhận thực tại.

Đừng bao giờ để kinh điển, giáo điều đánh lừa mình với những văn phong hoa mỹ, hay trở thành nhà tù giam hãm tâm thái tự do tĩnh lặng tuyệt đối của mình.

Tham thiền đòi hỏi có một tự giác cao độ và thường trực, y hệt như mèo rình chuột khi nào bắt được chuột mới thôi. Và mỗi khi tỏ ngộ tâm thái tĩnh lặng phi thời – không thì chính sự tỏ ngộ ấy sẽ soi sáng, hướng dẫn chúng ta trong mọi hành vi của sự sống. Chính sự tỏ ngộ ấy mà chúng ta trực nhận ra rằng, cái tâm thái tĩnh lặng và an nghỉ tuyệt đối ấy chính là niết bàn, cũng chính là thiền. Vì vậy cho nên, thiền không có bắt đầu và kết thúc.

Ngược lại, khi chưa tỏ ngộ, chưa nhận ra bản tính tịch nhiên vắng lặng chiếu soi nơi mình, thì chưa thật sự tham thiền, chưa biết thiền là gì và vẫn còn đứng ngoài ngưỡng cửa thiền. Mọi hành vi tạo tác của chúng ta đều có tính vi khôn khéo đến đâu, thì cũng chỉ là sự cân nhắc tính toán dọ dẫm của ý thức mà thôi, nên không thể tránh khỏi vụng về đại đột lầm lẫn và đưa đến Xung đột. Khi tỏ ngộ được tâm thái tự do, an nghỉ tuyệt đối của tự tâm, thì khi ấy cuộc sống mới tràn đầy ý





Ảnh: St

nghĩa, và mọi động thái luôn được soi sáng. Một tâm nhìn mới về nhân sinh và vũ trụ được mở ra; thấy cõi đời không là biển khổ nữa, mà là một bức họa lung linh màu nhiệm, một bản hợp tấu tuyệt vời. Chúng ta không nhìn đời bằng ánh mắt hoang vu, mà bằng đôi mắt bình đẳng và tràn đầy yêu thương chân thật.

Mỗi khi cánh cửa thiền rộng mở thì bậc thầy lui bước. Lúc này hành giả tự mình cất bước độc hành trên lộ trình giải thoát, mà không còn ai can thiệp vào nữa. Tuy nhiên vẫn còn có những cuộc chiến đấu, nhưng dù phải chiến đấu mình vẫn được soi sáng bởi tỉnh thức nội tại và không bao giờ bị lạc hướng bởi đã có một lần kinh nghiệm tỏ ngộ trạng thái thanh tịnh bản nhiên của tự tâm.

Khi lọt vào cửa thiền thì chúng ta sẽ trở thành con người mới với nhãn quan mới, tức sống đồng nhất với chân lý. Sự tỏ ngộ không nhất thiết là lời khai thị của bậc tôn sư, mà lắm lúc chỉ cần một tiếng suối reo, một cơn gió thoảng, một chiếc lá lìa cành, hay một nhánh cây khô gãy. Khi ấy hành giả như người ngủ mê chợt giật mình tỉnh giấc, lập tức vụt thoát khỏi cơn mộng dài. Hành giả đã tỏ ngộ và thân chứng chân lý, đã trực nhận ra tâm thái tự do sống động và bất biến nơi mình, mình là vũ trụ, vũ trụ là mình. Ngay phút đây tỉnh

thức ấy, hành giả không còn chiến đấu nữa và đã yên nghỉ trọn vẹn trong tâm thái tự do và bình lặng tuyệt đối của mình. Một cơ duyên chuyển hóa toàn diện đã xảy ra, đưa tâm thái đồng nhất với vũ trụ.

Như vậy, trước cuộc khởi hành diệu vợi, hành giả đã có bản đồ và kim chỉ nam trong tay. Hành giả đã nhận ra lộ trình và nơi đến. Hành giả đã có kinh nghiệm là bấy lâu nay tự đào xới tâm hồn mình bằng nhiều phương tiện và nay đã quá mệt mỏi vì những phương tiện ấy. Hành giả đã trực nhận ra sự đại đột trong việc dừng dừng dùng phương tiện ấy để dày xéo tâm hồn mình. Bây giờ hành giả đã tỉnh thức sang ngang, mà không trụ lại trên bất cứ cây cầu nào, cho dù cây cầu ấy tân kỳ đẹp để đến đâu. Giờ đây hành giả không còn gì để làm, để nói cho dù chỉ một lời thôi. Bản thể sống động bao hàm hiện hữu với tuệ giác thực tại tuyệt vời. Chân lý hiện hữu uyên nguyên nơi mỗi chúng ta như hơi thở với không gian, như bầu trời chứa đầy trăng sao huyền nhiệm. Hành giả đã thân chứng chân lý bằng tâm thanh tịnh bản nhiên, mà không qua trung gian của dòng thức phân biệt nào, nên không còn bị ảo giác và kiến thức đánh lừa nữa. 

**Tỳ kheo Thích Minh Điển soạn
Thánh Tri dịch từ Việt sang Anh**

PHẬT GIÁO THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Hòa thượng Thích Gia Quang
Phó Chủ tịch HĐTS Giáo hội Phật giáo Việt Nam



Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật trong lịch sử nhân loại. Với những thành tựu to lớn về khoa học kỹ thuật được áp dụng vào trong sản xuất và đời sống đã giúp cho con người thực hiện được rất nhiều ước mơ trong cuộc sống. Sự phát triển vượt bậc về khoa học kỹ thuật và những phát kiến vĩ đại trong nhiều lĩnh vực như: điện tử, công nghệ thông tin, các phương tiện giao thông vận tải, công nghiệp giải trí v.v... đã góp phần biến đổi xã hội ngày một văn minh giàu có hơn. Tuy nhiên, đi cùng với những

mặt tích cực trên, thế giới ngày nay đang phải đối mặt với rất nhiều những vấn đề nhức nhối đã trở thành những vấn nạn. Trong các vấn nạn đó, có lẽ biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đã và đang trở thành vấn nạn nhức nhối nhất đe dọa đến sự phát triển và mạng sống của nhân loại trên thế giới này và trở thành vấn đề nghị sự cấp bách mang tính toàn cầu.

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường giờ đây không còn là một khái niệm xa xôi, trừu tượng, không phải chỉ ô nhiễm không khí mà cả đất, nước cũng đang bị ô nhiễm. Chính điều đó sẽ dẫn đến việc mất cân bằng hệ sinh thái và hậu



→ quả của nó là những hiểm họa thiên tai giáng xuống bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào.... Điển hình là những trận thiên tai tàn khốc nhất trong lịch sử đều xảy ra gần đây: Bão lũ ở Bangladesh, Philippine, Trung Quốc, Mỹ, Việt Nam, hạn hán ở miền Đông Nam nước Mỹ, lũ lụt ở Mexico, CHDCND Triều Tiên; phun nham thạch bùn ở Indonesia; mưa lũ ở Nam Á, động đất ở Peru, Chi Lê..., cháy rừng ở Indonesia, Hy Lạp... Tại một hội nghị thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu năm 2014 các chuyên gia đã cảnh báo rằng hàng tỷ người phải đối mặt với thiếu lương thực, nước uống và nguy cơ lụt lội, nhiều loại động thực vật sẽ bị tuyệt chủng. Ô nhiễm không khí, nước sinh hoạt nghiêm trọng ở nhiều địa phương đã dẫn đến việc xuất hiện những “làng ung thư” và hàng loạt những căn bệnh lạ mà trước đây không có. Ở nhiều sông ngòi, cá không thể sống được, đất không thể canh tác, trồng trọt do bị ô nhiễm quá nghiêm trọng.

Nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường thì có rất nhiều, song ta có thể dễ dàng nhận thấy động lực phát triển kinh tế là nguyên nhân sâu xa của việc biến đổi môi trường. Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau thì có các xu hướng gây ô nhiễm môi trường khác nhau. Ví dụ:

Ô nhiễm do dư thừa: 20% dân số thế giới ở các nước giàu hiện sử dụng 80% tài nguyên và năng lượng của loài người. Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, hoạt động quá nhiều của các phương tiện giao thông vận tải đã tạo ra một lượng lớn chất thải độc hại vào môi trường (đặc biệt là khí

thải). Hiện nay, tại các hội nghị
t h ư ợ n g
đ i n h
v ề

môi trường, các nước giàu vẫn chưa thực sự tự giác chia sẻ tài lực với các nước nghèo để giải quyết những vấn đề có liên quan tới môi trường.

Ô nhiễm do nghèo đói: Mặc dù chiếm tới 80% dân số thế giới, song chỉ sử dụng 20% tài nguyên và năng lượng của thế giới, nhưng những người nghèo khổ ở các nước nghèo chỉ có con đường duy nhất là khai thác tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản, đất đai,...) mà không có khả năng hoàn phục.

Như vậy, để phát triển, dù là giàu có hay nghèo đói đều tạo ra khả năng gây ô nhiễm môi trường. Quá trình sản xuất thải ra môi trường rất nhiều chất thải (cả khí thải, nước thải, chất thải rắn). Trong các chất thải này có thể có rất nhiều loại độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, hoặc gây ra các sự cố về môi trường.

PHẬT GIÁO GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN NẠN MÔI TRƯỜNG

Trong giới Phật tử chúng ta ai cũng biết rằng đạo Phật không phải từ trên trời rơi xuống mà chính là được phát hiện trong lòng sự sống của nhân loại, để phục vụ cho nhân loại nên đạo Phật cũng chính là con đường giải quyết các vấn nạn toàn cầu cho nhân loại, trong đó có vấn nạn môi trường.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một thế giới với rất nhiều mối đe dọa như: những cuộc tranh chấp và xung đột khu vực, những cuộc xung đột giữa các nền văn minh khác nhau và ô nhiễm môi trường ... Trong thế giới đầy rẫy những vấn nạn đó, chúng ta phải làm gì? Chúng ta phải tìm ra con đường tự cứu thoát chúng ta ra khỏi tình trạng nguy hiểm! Con đường ấy chính là đạo Phật.

Khi lợi ích kinh tế trở thành mục tiêu, thành động lực vượt ra ngoài giá trị nhân bản của xã hội thì hành động của con người trở nên liều lĩnh và tàn bạo hơn. Chính vì thế nên các yếu tố tâm linh, đạo đức và nhân văn - vốn được xem là nét đẹp nhất của văn hóa phương Đông - sẽ bị suy thoái là điều tất yếu. Thế hệ tương lai của nhân loại là tầng lớp thanh thiếu niên được sinh ra và lớn lên trong môi trường như vậy nếu không có một nền tảng đạo



đức lương thiện thì những tác động ấy của thời đại sẽ biến chúng thành những sinh vật để sống hơn là những con người thực thụ. Sự què quặt đó thật đáng thương hại! Phật giáo xin được bày tỏ và hy vọng được chia sẻ mối lo ngại này cùng xã hội.

Trước những đau khổ của con người, Phật giáo đóng vai trò vô cùng quan trọng trong điều chỉnh hành vi con người. Tất cả giáo lý của Phật giáo đều hướng con người đến chân, thiện, mỹ; hướng thế giới đến hòa bình, công bằng, ấm no, hạnh phúc và tất nhiên là một môi trường sống trong lành. Phật giáo hướng con người đến những việc có thể làm được chứ không phải là để chiêm ngưỡng từ xa và mơ ước. Tổng kết 49 năm thuyết pháp của đức Phật, Ngài đã tuyên bố rõ ràng rằng, Ngài chỉ dạy hai vấn đề: Sự khổ và con đường diệt khổ. Ô nhiễm môi trường dẫn đến phá vỡ sự cân bằng hệ sinh thái đem đến đau khổ. Hành động để cứu môi trường ra khỏi tình trạng hiện nay nghĩa là chấm dứt đau khổ. Đức Phật của chúng ta chỉ có một mong muốn dùng giáo lý của mình hướng con người tự tìm kiếm hòa bình, an lạc trong một môi trường trong sạch chứ không bao giờ mong điều ngược lại.

Như chúng ta đã biết đạo Phật không phải chỉ là một tôn giáo, đạo Phật không phải chỉ có đức tin, niềm hy vọng vào tương lai và sự cầu nguyện, mà đạo Phật còn là một kho tàng tuệ giác với những phương pháp rất cụ thể có thể giúp nhân loại tháo gỡ, chuyển hóa những khó khăn, những khổ đau trong bản thân, gia đình và ngoài xã hội, khắc phục tình trạng môi trường hiện nay đem lại sự yên vui cho nhân loại. Đạo Phật là con đường chuyển hóa đưa tới giải thoát giác ngộ và an lạc. Muốn tìm con đường ấy thì đòi hỏi mỗi người chúng ta không những chăm lo cho những nền tảng của hạnh phúc cá nhân mà còn phải tích cực tham gia vào công tác bảo vệ môi trường sống hiện nay chúng ta phải thực tập Bát chính đạo. Chúng ta phải vận dụng giáo lý Bát Chính Đạo để làm phương thuốc giải quyết những vấn nạn toàn cầu, trong đó có vấn nạn môi trường, vì Bát Chính đạo cũng là xương sống, là cốt tủy của đạo Phật

Bát Chính Đạo gồm có Chính Tri Kiến là nhận thức đúng đắn, là thấy, biết một cách chân chính, nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của môi trường sống đối với đời sống nhân sinh. Chính

Tư Duy là suy nghĩ đúng đắn, là suy nghĩ về lợi ích và con đường đưa đến sự lợi ích cho môi trường sống. Chính Ngữ là lời nói chân chính và có tác dụng chuyển hóa. Nó chính là việc kêu gọi hãy làm những việc có lợi cho môi trường. Chính Nghiệp là nghề nghiệp chính đáng không những không đem lại đau khổ, tổn hại cho tha nhân và xã hội mà còn mang lại hạnh phúc, bình an, lợi lạc. Chính Mạng là đời sống chân chính, tức là phương cách sống không gây đau khổ cho người, vật hay tàn phá thiên nhiên. Chính Tinh Tấn là tư chính cần, tức là bốn loại hành động siêng năng hạn chế tối đa các tương tượng, hành động sai trái, xấu ác, đồng thời khởi phát các yếu tố tốt đẹp giảm thiểu những xu hướng có hại và tăng trưởng những gì có lợi cho môi trường. Chính Niệm là nhớ nghĩ những điều chân chính, đặt những gì có thể làm tốt cho môi trường vào trong tâm thức của mình và Chính Định là tâm kiên định một cách chân chính. Nếu chúng ta lấy Bát Chính Đạo soi rọi vào các vấn nạn môi trường thì chúng ta sẽ thấy được gốc rễ, nguyên nhân sâu xa của tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay, thấy được sự vật đúng như sự thật của nó, không bị những tư tưởng, hành động phi pháp chi phối, thấy được mối liên hệ mật thiết giữa con người và tất cả sự vật đều có ảnh hưởng, ràng buộc lẫn nhau theo tiến trình của luật nhân quả.

Phật giáo luôn cho rằng tư tưởng con người là quyết định tất cả hành động của con người. Do vậy, Phật giáo chủ trương dùng Phật giáo làm thay đổi tư tưởng từ đó chế ngự hành động. Một môi trường sống thật sự trong lành, không ô nhiễm khi và chỉ khi tất cả mọi người đều có ý thức bảo vệ và gìn giữ nó. Do đó, muốn giữ gìn môi trường trong sạch cần phải làm thay đổi tư tưởng của con người làm điều kiện tiên quyết.

Giáo pháp của đức Phật là cả một kho tàng chính pháp làm lợi lạc quần sinh, nhưng nó chỉ có thể có tác dụng hữu hiệu khi chúng ta có nhận thức và thực tập đầy đủ và nghiêm túc. Phật giáo hoàn toàn xứng đáng là một trong những nền tảng đáng chú ý nhất trong công cuộc bảo vệ môi trường sống hiện nay. Có thực hành theo những con đường như thế thì môi trường sống của chúng ta mới không bị đe dọa. Và một môi trường sống trong lành sẽ luôn hiện hữu và trường tồn cùng nhân loại chúng ta. 🌸



LỄ SUY TÔN SỰ TỔ VĨNH NGHIÊM LÊN NGÔI VỊ THIỀN GIA PHÁP CHỦ HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ

[Ninh Thị Sinh]

TRÊN CƠ SỞ KẾ THỪA NHỮNG NGHIÊN CỨU ĐI TRƯỚC KẾT HỢP VỚI NHỮNG TÀI LIỆU HIỆN ĐANG LƯU TRỮ TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I (HÀ NỘI, VIỆT NAM) VÀ KHO LƯU TRỮ HẢI NGOẠI (AIX-EN-PROVENCE, PHÁP) MỚI KHAI THÁC ĐƯỢC, BÀI VIẾT LÀM RÕ HƠN SỰ KIẾN SUY TÔN SỰ TỔ VĨNH NGHIÊM LÊN NGÔI VỊ THIỀN GIA PHÁP CHỦ HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ.
TỪ KHÓA: THIỀN GIA PHÁP CHỦ, SỰ TỔ VĨNH NGHIÊM, PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO, HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo trên thế giới, từ Sri Lanka, Ấn Độ đến Trung Quốc, ở nước ta cũng xuất hiện cuộc vận động chấn hưng Phật giáo, đưa đến sự ra đời của các tổ chức Phật giáo trên lãnh thổ cả ba miền, tiêu biểu là Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ (1931), Hội Phật học An Nam (1932) và Hội Phật giáo Bắc Kỳ (1934). Các tổ chức Phật giáo này đều chủ trương gạt bỏ những yếu tố mê tín dị đoan trong sinh hoạt tôn giáo, thực hiện tể độ chúng sinh thông qua các việc giảng pháp, dịch kinh sách Phật giáo từ Hán ngữ ra Quốc ngữ, xuất bản báo chí Phật giáo, mở trường Phật học, chú trọng cứu tế xã hội, v.v...

Hội Phật giáo Bắc Kỳ ra đời ngày 6/11/1934 theo Quyết định số 4283 của Thống sứ Bắc Kỳ, muộn hơn so với hai hội Phật học ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, nhưng lại phát triển nhanh chóng. Chỉ hơn một năm sau khi ra đời, các chi hội của tổ chức Phật giáo này được thành lập khắp nơi trên địa bàn. Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập là tâm huyết của các vị tăng sĩ trẻ lúc bấy giờ cùng với các nhà trí thức, các cư sĩ mộ đạo liên kết với một số nhân vật chính quyền có thể lực được người Pháp tin cậy.

Phong trào chấn hưng Phật giáo được đề cập trong một số cuốn sách viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong số các tác phẩm đó, trước hết phải kể tới cuốn sách Việt Nam Phật giáo sử lược của Thích Mật Thể. Trong tác phẩm này, phong trào chấn hưng Phật giáo được trình bày ngắn gọn trong ba trang của Chương X với tựa đề Phật giáo hiện đại. Nội dung chấn hưng Phật giáo được nói tới thông qua việc điểm qua một số thành tựu và hạn chế của phong trào nói chung, các tổ chức Phật giáo ở ba kỳ nói riêng.

Sang đến cuốn sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam do Nguyễn Tài Thư chủ biên, người đọc hình dung cụ thể hơn và chi tiết hơn về phong trào chấn hưng Phật giáo ở nước ta trong Chương XVII cuốn sách này với tựa đề Phong trào chấn hưng Phật giáo trong các thập kỷ đầu thế kỷ XX. Ở chương này, nội dung chấn hưng Phật giáo được trình bày cụ thể hơn trên các phương diện như bối cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa, nội dung tư tưởng của phong trào. Tuy nhiên, các tác giả mới chỉ trình bày phong trào chung trong cả nước mà chưa đi sâu vào từng vùng miền.

Bộ sách Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang ghi nhận một bước tiến trong nghiên cứu phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam so với các công trình trước đó. Ngoài tình hình



Chùa Đức La, Bắc Giang- Ảnh: St

chung trong cả nước, tác giả bước đầu nghiên cứu phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Trong đó, Nguyễn Lang dành Chương XXIX của tập 3 với tựa đề Công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ trình bày về phong trào này ở miền Bắc. Dựa trên những nguồn sử liệu có giá trị trên các tờ báo Đuốc Tuệ và Tiếng Chuông Sớm, tác giả đề cập tới chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ thông qua một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu như: cuộc họp đại hội đồng ngày 18/11/1934, thiền sư Thanh Hanh, các cư sĩ Thiệu Chửu - Nguyễn Hữu Kha, Đồ Nam Tử - Nguyễn Trọng Thuật, Ưu Thiên - Bùi Kỳ, v.v... Tuy nhiên, một vài sự kiện, niên biểu và cách gọi tên của tác giả chưa chính xác.

Dưới góc độ triết học và tư tưởng, chấn hưng Phật giáo là đối tượng nghiên cứu của bài viết “Phong trào chấn hưng Phật giáo và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh thế giới” của Trần Văn Giàu đăng trên tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, hai số 139 và 140 năm 1971; tác phẩm Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc (1924-1954) của Lê Tâm Đắc xuất bản năm 2012 tại Hà Nội.

Ngoài các công trình kể trên, một tác phẩm khác rất có giá trị khi nghiên cứu về Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ là cuốn Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam của Thích Trí Hải, xuất bản năm 2004 tại Hà Nội. Với tư cách là một nhân vật tham dự phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ ngay từ những ngày đầu, tác giả ghi lại nhiều thông tin có giá trị mà không dễ tìm thấy ở các nguồn tư liệu khác. Tuy nhiên, vì là hồi ký, ghi chép các nhân vật và sự kiện sau hơn 30 năm kể từ ngày Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập, nên tác phẩm cũng không tránh khỏi một số nhầm lẫn.

Bên cạnh công trình của các nhà nghiên cứu trong nước, Phong trào chấn hưng Phật giáo ở nước ta cũng được đề cập trong tác phẩm của một số nhà nghiên cứu ở nước ngoài. Trong phần “L'engagement politique du bouddhisme au sud du Vietnam dans les années soixante” của tác phẩm Parcours d'un historien du Vietnam, xuất bản năm 2008, nghiên cứu về sự tham dự chính trị của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam trong thập niên 60 của thế kỷ XX, Nguyễn Thế Anh đã quan tâm tới chấn hưng Phật giáo như một tiền đề của phong trào Phật giáo những năm 1963-1966 ở địa

➔ bản này. Trịnh Văn Thảo trong tác phẩm Vietnam du confucianisme au communism, tái bản năm 2007, đề cập tới Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trong bối cảnh chung của cuộc đấu tranh của các nhà trí thức và các nhà tôn giáo làm khuấy động xã hội thời bấy giờ.

Trên cơ sở kế thừa nghiên cứu của những người đi trước, bổ sung thêm nguồn tài liệu mà chúng tôi mới khai thác được ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội, Việt Nam) và Kho lưu trữ Hải ngoại (Aix-en-Provence, Pháp), bài viết này trình bày rõ hơn một sự kiện quan trọng mở đầu cho công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ, đó là lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ.

Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Bắc Kỳ nói riêng dưới thời Pháp thuộc được ghi nhận là thời kỳ suy đồi và mặt pháp. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới thực trạng này, trong đó trước hết phải kể tới sự xuống cấp về đạo hạnh trong hàng ngũ Tăng già, sự chia rẽ trong các sơn môn. Thời bấy giờ, ở Bắc Kỳ có chừng bốn trăm sơn môn; mỗi sơn môn có quy củ riêng, việc sơn môn nào thì sơn môn ấy biết. Nhận thức được mấu chốt của vấn đề, các vị nhiệt tâm chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ thấy rằng, muốn văn hồi tinh thần Phật giáo, muốn duy trì thể đạo nhân tâm, trước tiên phải lo chỉnh đốn Tăng già cho kỷ cương và trật tự. Điều này thể hiện ngay trong Điều lệ xin phép lập Hội gửi tới Thống sứ Bắc Kỳ đề cập đến việc thành lập Ban Chứng minh Đạo sư. Ban này gồm các vị cao tăng thạc đức có vai trò “chỉ dẫn cho Hội về sự nghiên cứu đạo Phật”. Tiếp đó, trong Bản Quy tắc riêng (được đại hội đồng ngày 28/11/1934 chuẩn y) ghi rõ: “Ban Đạo sư bầu lấy một vị trưởng ban hiệu là Thuyền gia Pháp chủ, bốn viên cố vấn để hợp tác với Ban Trị sự của Hội, một Ban Thư ký, một Ban Duy Na,... để giúp công việc Ban Đạo sư”. Giảng kinh, thuyết pháp chẳng phải là việc dễ, không phải vị tăng nào cũng có thể làm nổi, nhất là người đứng đầu ban ấy phải là vị “cao đạo, từ bi, được tăng ni kính phục tài đức”. Xem xét trong các sơn môn toàn xứ Bắc Kỳ lúc bấy giờ chỉ có sư tổ Vĩnh Nghiêm. Vì thế, Hội chủ trương thỉnh sư tổ Vĩnh Nghiêm giúp cho Ban ấy.

Sư tổ Vĩnh Nghiêm, pháp hiệu là Thanh Hanh, sinh năm 1840 tại làng Thanh Liệt, huyện Thanh

Trì, tỉnh Hà Đông; xuất gia từ năm mười tuổi, theo học một vị Hòa thượng ở chùa Hòe Nhai, Hà Nội. Đến năm mười tám tuổi, ông theo học sư tổ chùa Vĩnh Nghiêm. Dốc lòng ham mến Phật giáo từ nhỏ, tính tình thuần khiết, giới hạnh tinh nghiêm, nên học lực của ông tinh tiến khác thường, kinh điển đều lâu thông, khế ngộ hết giáo lý Phật giáo. Năm ba mươi tuổi, ông được sư tổ chùa Vĩnh Nghiêm cử đi dạy học ở chùa Bích Động (Ninh Bình), tiếp đó lần lượt ở các tự viện trên địa bàn này như chùa Phụng Ban, chùa Hoàng Kim, chùa Phúc Chính. Khi sư tổ Vĩnh Nghiêm qua đời, sơn môn rước ông về chùa Vĩnh Nghiêm kế thế trụ trì.

Ngày 23/12/1934 (tức ngày 17/11/1934 Âm lịch), Hội Phật giáo Bắc Kỳ làm lễ vía đức Phật A Di Đà, đón sư tổ Vĩnh Nghiêm từ chùa Đức La (Bắc Giang) về chùa Quán Sứ (Hà Nội) chứng kiến hội nghị bầu Ban Chứng minh Đạo sư. Buổi lễ có sự tham dự của hơn 300 vị cao tăng khắp các sơn môn trên toàn miền Bắc và hàng ngàn hội viên. Bốn giờ sáng ngày 23/12, đại diện Hội Phật giáo Bắc Kỳ đi ô tô lên chùa Vĩnh Nghiêm để đón sư tổ về. Khoảng 9h30, ba chiếc ô tô đón sư tổ về đến Hà Nội, đỗ ở cửa chùa Hòe Nhai. “Sư tổ đã 94 tuổi, người gầy hom hem thực là tiên phong đạo cốt. Người bận áo vải nâu, giày lộn mũi”. Nghỉ ngơi chừng 15 phút ở chùa Hòe Nhai, sư tổ được rước về chùa Quán Sứ. Đám rước được tổ chức giản dị, nhưng long trọng. Sư tổ ngồi trên chiếc xe, hai bên xe có hai đạo đồng bện lối kim đồng ngọc nữ bưng hai lọ hoa đi hầu. Trong đám rước, đáng chú ý nhất là nhóm đạo đồng, đưa từ chùa Cổ Lễ lên, cầm phướn vừa đi vừa niệm Phật. Đám rước qua phố Hàng Than, Sở Cẩm Hàng Đậu, phố Hàng Cót, phố Hàng Da, phố Richaud về chùa Quán Sứ. Tại chùa Quán Sứ, các hội viên đứng chật cả sân chùa và vườn chùa. Trong chùa, đèn nến sáng trưng, khói nhang nghi ngút. Các ông Nguyễn Năng Quốc, Nguyễn Văn Ngọc, Lê Dư và nhân viên Ban Trị sự ra tận cửa ngoài nghênh tiếp sư tổ. Sau khi sư tổ được đỡ ngồi vào trong cái đình trước chùa Quán Sứ, Chánh Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc đọc một bài diễn văn chào mừng sư tổ và bày tỏ mục đích chấn hưng Phật giáo của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, kêu gọi sự đoàn kết của cả bên tăng lẫn bên tục để thực hiện cho được mục đích chấn hưng của Hội: “Tăng với tục đồng tâm hiệp lực, cố sức mở

rộng đạo Phật ra, làm thành một tôn giáo có trật tự, có học vấn, khiến cho sự tín ngưỡng của nhân chúng được sở cứ vào chỗ chắc chắn vững vàng”. Sau khi Chánh Hội trưởng đọc xong, sư tổ cảm tạ các vị trong Hội và để cho vị Tăng cang chùa Phúc Chính thay mặt đọc bài đáp từ. Trong bài đáp từ của mình, sư tổ Vĩnh Nghiêm ra lời kêu gọi “bỏ hết mọi sự hiềm khích của tông nọ phái kia, một lòng sùng bái đức Phật chí tôn, ra công bảo trợ Hội Phật giáo làm được hoàn toàn mọi việc, để Phật lý ngày một xương minh, cho quần sinh được vui vẻ nương nhờ dưới bóng Bồ Đề mà thoát khỏi vòng trầm luân khổ ải”, cùng nhau làm cho tiền đồ của cuộc chấn hưng mau được thành tựu. Sang buổi chiều, Hội Phật giáo Bắc Kỳ họp hội đồng bầu cố vấn và Ban Chứng minh Đạo sư. Tại cuộc họp này, các vị tăng ni thỉnh sư tổ Vĩnh Nghiêm làm Trưởng ban Chứng minh Đạo sư, cử 4 vị sư tăng làm cố vấn chính thức trong Ban Quản trị và 4 vị dự khuyết.

Ngày 23/12/1934 với sự tề tựu của các vị cao tăng thạc đức các sơn môn trong toàn xứ Bắc Kỳ dưới mái chùa Quán Sứ, đông đảo hội viên Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã thể hiện sự đoàn kết trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở đất Bắc, và “lấy làm mừng cho cái tiền đồ của cuộc chấn hưng Phật giáo mà quý Hội theo đuổi từ đây”. Theo ghi nhận của báo chí đương thời, ngày 23/12/1934 thực sự là “một ngày đại hội công đồng của Phật giáo” đánh dấu chính thức “sự phát khởi phong trào vận động chấn hưng Phật giáo ở đất Bắc”.

Tiếp đó, trong cuộc họp ngày 24/12/1934 của Ban Quản trị và Ban Chứng minh Đạo sư, công đồng đã duyệt y Bản Quy tắc của Ban Đạo sư. “Bản quy tắc này do các sư cụ trong xứ Bắc Kỳ hội họp ở chùa Quán Sứ, Hà Nội thảo nên. Trong quy tắc, các vị tăng chúng suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm làm Thiền gia Pháp chủ”.

Đến ngày 11 và 12/1/1936, Hội Phật giáo Bắc Kỳ tổ chức lễ suy tôn thiền sư Thanh Hanh lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ. Thực ra, lúc đầu Hội xin phép Thống sứ Bắc Kỳ tổ chức lễ suy tôn vào ngày 10/12/1935. Nhưng do ngày đó đức Vua vừa băng hà, nên Hội lùi sang hai ngày 11 và 12/1/1936 tức là hai ngày 17 và 18/12/1935 Âm lịch.

Ngay từ ngày 11/1/1936, không khí trong chùa Quán Sứ đã trở nên nhộn nhịp, khác hẳn ngày thường. Hàng vạn hội viên tấp nập kéo về dự

lễ. Buổi lễ tuy giản dị nhưng trang nghiêm và long trọng, với sự chứng kiến của Thống sứ Bắc Kỳ Tholance, quan Võ hiến Hoàng Trọng Phu, quan Đồng lý Phủ Thống sứ Douguet, Thống sứ hàm Tissot, Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ Coedès, Hội trưởng Hội Phật học An Nam Nguyễn Khoa Tân nguyên Thượng thư Bộ Hộ, các vị trong Ban Đạo sư cùng “một ngàn tăng ni ở khắp Bắc Kỳ và hàng mấy ngàn thiện nam tín nữ tới dự”. Buổi lễ suy tôn thu hút sự chú ý của báo giới đương thời. Báo L'Annam Nouveau, số ra ngày 16/1/1936 đưa tin về lễ suy tôn Thiền gia Pháp chủ.

Đúng 9 giờ 30 sáng, sau khi các vị đại biểu có mặt đông đủ, lễ suy tôn chính thức bắt đầu. Sư tổ Vĩnh Nghiêm xuất hiện với dáng vẻ tiên phong đạo cốt “da mồi tóc bạc, thân gầy mắt lõm, đeo cặp kính đồi mồi, mình bận chiếc áo rộng điều, đầu đội mũ ni”. Sau bài diễn văn của Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, bài chúc mừng của các vị đại biểu, bài đáp từ của sư tổ, là phần chính của lễ suy tôn. Hai vị hội viên Hội Phật giáo Bắc Kỳ bưng hai cái khay, một cái để chiếc mũ hoa sen nạm vàng, một cái để ấn Thiền gia Pháp chủ từ trên Phật điện xuống đặt ở cái bàn trước mặt sư tổ Vĩnh Nghiêm. Một vị tăng sĩ từ trên Tam bảo đi xuống kính cẩn cầm mũ đội cho sư tổ Vĩnh Nghiêm và phụng giao ấn tín. Sau đó, một bài tán bằng chữ Hán được đọc để chúc mừng Thiền gia Pháp chủ. Lễ suy tôn cáo thành, Thống sứ Bắc Kỳ Tholance đến bắt tay và nói mấy câu chúc mừng sư tổ Vĩnh Nghiêm. Đến 12 giờ, Hội Phật giáo Bắc Kỳ mời quan khách ăn trưa tại chùa Quán Sứ. Hơn 400 mâm cỗ chay được chuẩn bị để thiết khách. Nhân dịp này, Hội phát Kinh Thiện sinh do Ban Khảo cứu mới dịch ra Quốc ngữ cho thiện tín thập phương.

Lễ suy tôn Thiền gia Pháp chủ là “một lễ rất trọng thể từ xưa đến nay mới có một ở trong Phật giáo giới nước ta vậy”. Đối với Hội Phật giáo Bắc Kỳ, việc lựa chọn hai chữ “Pháp chủ” mà suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm cho thấy mục đích rất chính đáng và ý nghĩa sâu xa. Suy tôn một vị Thiền gia Pháp chủ, với áo mũ cùng ấn tín thể hiện mong muốn củng cố kỷ cương trật tự trong Phật giáo Bắc Kỳ, quy tụ tăng sĩ và cư sĩ dưới một sự lãnh đạo thống nhất, “chính giáo thu về một mối”. Hơn nữa, buổi lễ cũng là dịp để củng cố mối liên lạc

➔ giữa các phật tử trong ngôi nhà chung Phật giáo Bắc Kỳ. Đối với bên ngoài, buổi lễ là “khởi điểm cho mỗi tình liên lạc của tín đồ Phật giáo hai kỳ”. Với những ý nghĩa như trên, ngày 12/1/1936 “thực là ngày rực rỡ vẻ vang cho Phật giáo ở Bắc Kỳ”. 🌸

CHÚ THÍCH:

. Hồ sơ 79784, phong Thống sứ Bắc kỳ, Sự thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ từ năm 1934 đến năm 1939, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Dossier 79784, fonds RST, Fondation de l'Association bouddhique du Tonkin de 1934 à 1939, 28/8/1934-6/10/1939, au Centre d'archives nationales no 1, à Hanoi, Vietnam).

. “Bài diễn văn của cụ Nguyễn Năng Quốc”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 6-9.

. Hồ sơ 65539, phong Toàn quyền Đông Dương, Kho lưu trữ Hải ngoại Pháp, Aix-en-Provence (Dossier 65539: Bouddhisme. Diverses sectes religieuses 1928-1938, fonds INDO-GGI aux Archives nationales d'Outre-Mer, Aix-en-Provence).

. Hồ sơ 65539, phong Toàn quyền Đông Dương, Kho lưu trữ Hải ngoại Pháp, Aix-en-Provence (Dossier 65539, fonds INDO-GGI aux Archives nationales d'Outre-Mer, Aix-en-Provence).

. Nhị Lang, “Một ngày đại hội công đồng của Phật giáo”, Trung Bắc tân văn, ngày thứ hai, 24 và thứ ba, 25/12/1934.

. Trong Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 3, ở trang 147, Nguyễn Lang đề cập đến sự kiện ngày 23/12/1934. Tuy nhiên, tác giả đã gọi không chính xác tên của sự kiện. Theo tác giả, ngày 23/12/1934 là đại lễ suy tôn Thiền sư Thanh Hanh làm Thiền gia Pháp chủ.

. Hòa thượng Thích Trí Hải (2004), Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 33.

. Nhị Lang, “Một ngày đại hội công đồng của Phật giáo”, Trung Bắc tân văn, ngày thứ hai, 24 và thứ ba, 25/12/1934.

. “Bài chúc từ của cụ Chánh Hội trưởng Hội Phật giáo đọc

khi tiếp sư tổ Vĩnh Nghiêm ở chùa Quán Sứ”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935: 6-9.

. “Bài trả lời của sư tổ Vĩnh Nghiêm”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935: 9-11.

. “Bài trả lời của sư tổ Vĩnh Nghiêm”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935: 9-11.

. Nhị Lang, “Một ngày đại hội công đồng của Phật giáo”, Trung Bắc tân văn, ngày thứ hai, 24 và thứ ba, 25/12/1934.

. Nguyễn Lang (1993), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 3, Nxb. Lá Bối, in lần thứ hai, San Jose CA-USA: 148.

. Trong biên bản số VII, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935, có ghi cuộc họp này diễn ra ngày 14/12/1934, nhưng theo tôi là ngày 24/12/1934. Bởi vì, cuộc họp này diễn ra sau cuộc họp bầu Ban Chứng minh Đạo sư, ngày 23/12/1934, nên không thể là ngày 14/12/1934 được.

. “Biên bản số VII”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935: 48.

. Trong Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, Hòa thượng Thích Trí Hải cũng đề cập đến lễ suy tôn Thiền gia Pháp chủ, nhưng xin lưu ý là thời gian buổi lễ là ngày 17/11 năm Bính Tý (1936) là không chính xác và đoàn rước sư tổ theo ghi chép của Hòa thượng, có lẽ tác giả đã nhầm sang buổi lễ đón sư tổ Vĩnh Nghiêm được tổ chức từ ngày 23/12/1934 tức ngày 17/11 âm lịch.

. “Lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên vị Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 1-5.

. “Lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên làm Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 1-5.

. “Lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên làm Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 1-5.

. “Bài tán của chư tăng chúc mừng vị Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 15-16.

. “Bài chúc từ của cụ thiếu Nguyễn Khoa Tân”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 9-10.

. “Bài diễn văn của cụ Nguyễn Năng Quốc”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936: 6-9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Vietnam*, Recueil des articles écrits par Nguyen The Anh, Édité par Philippe PAPIN, Les Indes savantes, Paris.
2. Thích Thiện Ấn (1965), *Phật giáo Việt Nam xưa và nay*, Nxb. Đông Phương, Sài Gòn.
3. “Bài chúc từ của cụ Chánh Hội trưởng Hội Phật giáo đọc khi tiếp sư tổ Vĩnh Nghiêm ở chùa Quán Sứ”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935.
4. “Bài chúc từ của cụ thiếu Nguyễn Khoa Tân”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936.
5. “Bài diễn văn của cụ Nguyễn Năng Quốc”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936.
6. “Bài tán của chư tăng chúc mừng vị Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936.
7. “Bài trả lời của sư tổ Vĩnh Nghiêm”, Tập kỷ yếu Hội Phật giáo, số 1, tháng 5/1935.
8. Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Trần Văn Giàu (1971), “Phong trào chấn hưng Phật giáo và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh thế giới”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 139 và số 140.
10. Hòa thượng Thích Trí Hải (2004), *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Nguyễn Duy Hình (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo và Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
12. Nguyễn Lang (1993), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb. Lá Bối, in lần thứ hai, San Jose CA-USA.
13. Nhị Lang, “Một ngày đại hội công đồng của Phật giáo”, *Trung Bắc tân văn*, ngày thứ hai, 24 và thứ ba, 25/12/1934.
14. “Lễ suy tôn sư tổ Vĩnh Nghiêm lên vị Thuyền gia Pháp chủ”, Đuốc Tuệ, số 9, ngày 11/2/1936.
15. Trịnh Văn Thảo (2007), *Vietnam du confucianisme au communisme*, L'Harmattan, Paris, réédité.
16. Mật Thế (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
17. Nguyễn Tài Thư chủ biên (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.



SONG CỬA

Kiếp phiên trước luân hồi sinh - tử
Hai cửa đời, lối dữ quay cuồng
Đạo màu thắm, vạm duyên buông
Đôi song chung một suối nguồn tịnh liên.



Ảnh: Phùng Anh Tuấn



ÂN PHƯỚC

Mãi mê đông thỉnh tây cầu
Ân dày mặc đất
Phước sâu mặc trời

Kinh - không chữ
Phật - không lời
Ngộ ra
Dẫu có cạm đời
Còn may!

Quay về lạy mẹ
Nam mô
Ma ha bát nhã
Biển hồ
Láng lai...

LƯỚI TRẦN

Lưới trần giăng khắp khôn lối thoát
Vượt nẻo phù sinh mấy đóa sen.

Thích Nữ Thành Huy
(**Hồng Ngọc Mai**)



ĐẠO MẦU

Đạo mầu có cũng như không
Ta trôi lẩn giữa phiêu bồng gió sương
May còn kịp biết vô thường
Hư không đập nát bức tường vô minh
Tìm ra lối thoát tâm linh
Thấy trong tâm ngực bóng hình Như Lai

Lê Đàn



HƯƠNG GIAO THỪA

Đó là ba nén nhang thơm
Mẹ vừa thắp đỏ lờm rờm tỏa mùi
Đó là bếp lửa reo vui
Nước sôi lục sục dẻo bùi bánh chưng
Bỗng nhiên bước gió ngập ngừng
Sẽ sàng mai nở rưng rưng cánh vàng
Đem thời gian quện không gian
Cối trầu ngoai kể miên man nỗi niềm
Ấm nồng náo nức trang nghiêm
Âm dương giao cảm nổi chìm thực hư
Người xưa mấy lớp sương mờ
Hương quê còn đắm giấc mơ giao thừa!

Nguyễn Ngọc Hưng



Rốt ráo hư không

Nếu cứ nghĩ Phật
Trong tâm ta
Ta phóng tâm kêu mạn
Nếu cứ nghĩ Phật
Ở ngoài ta
Ta chẳng nơi bám víu
Hãy tự thấy tánh không
Phật chẳng trong chẳng ngoài
Phật trùm khắp ba cõi
Thấm tận cả hư không
Phật chính là hư không
Hư không là tất cả
Con cuối đầu đi mãi
Rốt ráo đến hư không.

Nguyễn Nguyên An
Tịnh cốc Tây An, 2015

Vượt chuyện cố chấp

[Vinh Thông]

Vừa rồi, cộng đồng mạng nóng lên bởi câu chuyện về chú chó bị dán mồm đến hoại tử. Giận vì loài người đã ra tay tàn độc với loài vật, vui vì chú chó sớm được cứu sống. Tưởng vậy là hết, nhưng chưa, câu chuyện lại kéo dài thêm bởi tranh luận: “Nên cứu chó hay cứu người”.

Nếu chỉ là chuyện về một chú chó, nó sẽ nhanh chóng kết thúc thôi. Nhưng nó dài hơn chuyện về một con chó, bởi nó đã trở thành chuyện của con người. Bàn về chó, thật ra chúng ta đang bàn về thái độ của chính chúng ta. Ở đây tôi không tranh luận thế nào là đúng, thế nào là sai, nên cứu chó hay nên cứu người, mà tôi chỉ xin chia sẻ một mẫu chuyện nhỏ để chúng ta cùng chiêm nghiệm.

Có một lần tôi giới thiệu một người bạn đến quy y Tam bảo, sư dặn “con cũng vào ngồi hỗ trợ bạn cùng làm lễ” nên tôi có mặt trong chánh điện lúc đó. Trước khi làm lễ, sư hỏi người bạn đó: “Ví dụ có một người bệnh sắp chết, chỉ có cách giết con cạp làm thuốc mới cứu được, ngoài ra không còn cách khác, vậy con chọn giết cạp cứu người hay không giết cạp cũng không cứu người?”.

Nếu là các bạn, các bạn trả lời thế nào?

Còn bạn tôi, sau một lúc trả lời không ổn, sư nói: “Con có thể giết cạp cứu người, nhưng liệu là khi khỏi bệnh, người đó sẽ là người tốt? Nếu khỏi bệnh người đó trở thành kẻ cướp của, giết người thì hy sinh một sanh mạng để cứu một sanh mạng có đáng không?”.

Mẫu chuyện này không phải mục đích là tranh luận đúng sai, nên cứu người hay cứu vật, mà là giải phóng chúng ta khỏi sự vướng chấp vào việc phải chọn lựa giữa người và vật. Bởi, vạn pháp tùy duyên.

Mẫu chuyện trên là một bài học thâm thúy, nhằm muốn phá chấp về cách nhìn. Vậy mà một số bạn trẻ đọc xong - chưa biết có giải chấp về cách nhìn được chưa - mà trước tiên đã thấy họ vướng chấp vào câu chữ rồi. Có người nói: “Nếu vì nghi kị cứu người đó rồi sẽ thành người tốt hay

người xấu, suốt đời sẽ không giúp được ai cả”. Có người lại nói: “Thế thì hỏi làm gì vì biết câu trả lời nào cũng đúng và cũng sai”.

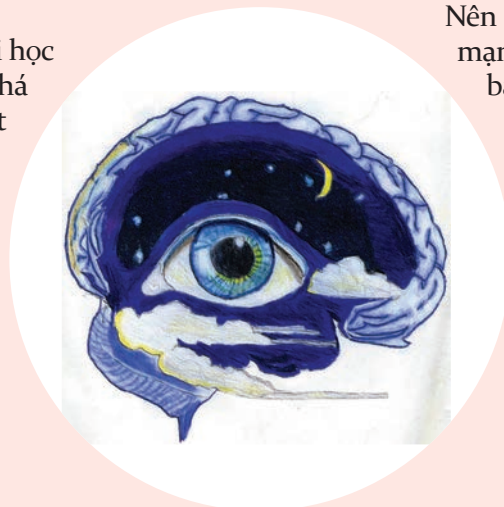
Hãy đọc kỹ, không ai bảo bạn đừng nên cứu người, hoặc là khi cứu người phải tự hỏi sau này họ thành người tốt hay xấu. Nếu gặp phải trường hợp như ví dụ trên, bạn vẫn có thể giết cạp cứu người, bởi quyền chọn lựa thuộc về bạn, không ai ép buộc, ngăn cấm bạn cả. Như vị sư kia chỉ nói rằng: “Con có thể...” và “nhưng liệu là...”.

Bài học rút ra từ mẫu chuyện chỉ có: phá chấp, lý nhân duyên, chúng sanh bình đẳng... chứ không đề ra phương án đúng hay phương án sai để lựa chọn. Đâu phải ta đang tranh luận “nên làm thế nào” mà bạn nọ lại than rằng “câu trả lời nào cũng đúng và cũng sai”. Mà là chúng ta đang cố gắng giải trừ sự phân biệt đúng sai được hình thành bởi sự chấp trước. Vấn đề ở đây là không nên ràng buộc mình vào quan điểm cứng nhắc.

Trở lại với cuộc tranh luận, một số người cho rằng xã hội còn quá nhiều người khổ, còn những trại mồ côi, viện dưỡng lão... sao chúng ta không giúp mà làm ầm lên vì mấy con chó. Lối nói này hơi có phần bảo thủ cực đoan, bởi những người đang quan tâm đến chú chó xấu số không có nghĩa là họ thờ ơ với các trại mồ côi hay viện dưỡng lão. Mà đơn giản, một chú chó đáng thương như thế xuất hiện trước mắt bạn, làm sao bạn có thể làm ngo?

Bây giờ thử ví dụ, có một tên tội phạm giết hàng loạt người hiện đang bị cảnh sát truy nã và bắn trọng thương, hãm vào nhà bạn và nhờ bạn giúp nấu, bạn có giúp không? Rõ ràng, không thể đặt quan điểm cứng nhắc là ta phải cứu chó hay cứu người. Mà, như trên đã nói, vạn pháp tùy duyên!

Nên tôi thắc mắc, tại sao cộng đồng mạng phải bỏ quá nhiều thời gian để bàn với nhau về việc chúng ta nên cứu vật hay cứu người. Bởi, một cách giải quyết hết sức đơn giản là khi bạn gặp sự bất hạnh nào mà mình có thể giúp, thì cứ giúp thôi, hà tất gì phải tranh luận là chó hay người? 🌸





Ba viên ngọc quý

[Thánh Trí]

Trong thế giới vật lý, ngọc quý là vật do thiên nhiên tạo hóa, hiếm có, và vì thế có giá trị ở mặt đồng tiền, thẩm mỹ và quý hiếm. Song, những việc thuộc thế giới vật lý dù có giá trị đến đâu cũng có giới hạn của chúng ở trong vòng tương đối.

Khi khởi tâm dựng lập một điều gì thì con người chúng ta đã bị giam cầm trong tâm tham, sân, và si của chính mình, cũng như chôn vùi viên ngọc quý bên trong lòng đất tâm sâu thẳm của chính mình rồi vậy. Một khi đã chạy theo ngọc giả tức thì đánh mất ngọc thật. Mỗi người ai cũng có viên ngọc quý nơi mình. Viên ngọc quý này được Kinh Phật ẩn dụ cho Tự Tính Giác hay Tâm Thanh Tịnh Bản Nhiên nơi mỗi người, xưa nay nó không sinh không diệt, không nhơ không sạch, không thêm không bớt. Viên ngọc này được Kinh Pháp Hoa đề cập đến trong câu chuyện người ăn mày có viên ngọc quý trong

túi áo mà không biết, phải chịu kiếp lang thang nghèo nàn nay đây may đó. Ngọc quý ấy ở đâu? Tại sao ta không thấy nó? Thế nào là giá trị của viên ngọc quý ấy? Tại sao nhận được viên ngọc quý ấy thì hết kiếp cùng khổ? Chính mình cần phải nghiền ngẫm khám phá mới được.

Thuở xưa vào thời nhà Đường bên Trung Quốc, có ngài Huệ Hải đến cầu pháp nơi Tổ Sư Mã Tổ.

Mã Tổ hỏi: “Đến đây cầu việc gì?”

Đáp: “Cầu Phật pháp”.

Mã Tổ bảo: “Kho báu nhà mình không chịu nhận, mà lo đến người cầu cái gì?”

Huệ Hải hỏi: “Thế nào là kho báu nhà mình của Huệ Hải?”

Mã Tổ dạy: “Chính cái ông hỏi ta đó là kho báu của ông, đầy đủ không thiếu sót”.

Cái mà đang hỏi Mã Tổ ấy là cái gì? Cần phải thấu triệt thì mới nhận được kho báu đầy đủ không thiếu sót vậy. Nếu như không nhận ra mà còn ở trên vọng thức tìm cầu kiến giải thì tự chôn vùi kho báu nhà mình thêm nhiều lớp nữa, mãi mãi sẽ không thể nào thấu triệt và nhận được kho báu ấy, phải chịu làm người cùng khổ như Kinh Pháp Hoa đã nói.

Chính mỗi người cần phải nhận ra Viên Ngọc Quý hay Kho Báu nơi mình. Chính mỗi người cần phải nỗ lực để thấy Tự Tâm Bản Tính nơi mình. Không ai có thể thay thế mình làm việc này được. Phật là bậc đạo sư của trời người, chỉ có thể là người chỉ đường dẫn lối cho mình mà thôi. Chính mình phải nỗ lực đi thẳng (trực tâm) thì mới có ngày triệt ngộ Bản Tâm, hay thấy Mặt Trăng. Do vậy người xưa nói “nóng lạnh tự biết” và “ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng”. Cho nên muốn thấu triệt đạo Phật cần phải đi bằng con đường Đạo Học chứ không phải Triết Học. Đi con đường Đạo Học là xoay vào trong mà tiến thẳng đến tận chỗ sâu thẳm của tâm, tận cùng ý thức (chỗ trước khi khởi niệm) bằng công phu miên mật tham thiền. Đi bằng con đường Triết Học là hướng ra ngoài ở trên ngôn ngữ mà sinh nhiều tri giải, càng xa rời Chân Tính, càng chôn vùi Bản Tâm, muôn kiếp ngàn đời vẫn là con kiến bò quanh miệng chén không lúc nào ra khỏi được. Do vậy cổ đức nói: “Khổ Hải Vô Biên, Hồi Đầu Thị Ngạn!”

Chư Phật, chư Tổ đều dạy mình phải quay về với Bản Tâm của chính mình. Mà Bản Tâm ấy tức là Phật, vì Phật nghĩa là Giác Ngộ. Khi mình giác ngộ được Bản Tâm của mình thì mình tức là người giác ngộ, hay Phật. Do vậy đức Thế Tôn dạy mình Quy y Phật Bảo. Quy y Phật Bảo là trở về nương tựa với tâm giác ngộ nơi chính mình. Chỉ có Tâm Giác Ngộ ấy mới là cái quý giá nhất trên cõi đời vì thoát được sự giam cầm của vọng thức, của vô minh, phiền não, sinh tử, và vì được tự do tự tại một cách tuyệt đối. Đó mới thật là Chân Quy y Phật Bảo. Do vậy Kinh Pháp Hoa ví đó là Viên Minh Châu Vô Giá, Tổ Mã Tổ gọi đó là Kho Báu.

Không chỉ Quy y Phật Bảo mà còn cả Quy y Pháp Bảo và Tăng Bảo nữa. Bởi Phật là Tâm, Tâm là Phật, thì Pháp và Tăng cũng là Tâm, Tâm cũng là Pháp, là Tăng. Tuy ba mà một tuy một mà ba. Pháp Bảo hay Diệu Pháp (trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh) cũng tức là Dạng Chiếu Soi của Chân Tâm Bản Tính mình. Tăng Bảo là Một Tâm Thể Thanh Tịnh. Chân Tâm chiếu soi cùng khắp pháp

giới mà vẫn thường tịch nhiên vắng lặng, nên nó vừa chiếu soi (Pháp) vừa tịch tịnh (Tăng). Do sống với và được chiếu soi bởi Chân Tâm nên ta không mất phải những Kiến Tư Hoặc ngược lại còn hóa giải tất cả những kiến tư hoặc phiền não ấy biến thành Tri Kiến Phật; và do sống với và được tịch tịnh hoàn toàn bởi Chân Tâm nên ta không bị những sắc tướng bên ngoài chi phối hay bị chúng làm ô nhiễm, giới thể được trong sạch tuyệt đối. Đó mới thật là Chân Quy y Pháp và Tăng Bảo. Vì vậy Tổ Huệ Năng đã truyền “Vô Tướng Tam Quy Y Giới” như sau:

“Thiện tri thức, QUY Y GIÁC, lưỡng tức tôn, QUY Y CHÍNH, ly dục tôn, QUY Y TỊNH, chúng trung tôn. Từ nay trở đi, xưng GIÁC làm Thầy, trọn chẳng quy y tà ma ngoại đạo, dùng Tự Tính Tam Bảo thường tự chứng minh. Khuyến các thiện tri thức, nên Quy Y Tự Tính Tam Bảo: Phật tức là GIÁC, Pháp tức là CHÍNH, Tăng tức là TỊNH. Tự tâm quy y GIÁC thì tà mê chẳng sinh, thiếu dục tri túc, hay lìa tài sắc, gọi là Lưỡng Túc Tôn. Tự tâm quy y CHÍNH, niệm niệm chẳng tà kiến, vì chẳng tà kiến nên chẳng có nhơn ngã, cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly Dục Tôn. Tự tâm quy y TỊNH, tự tính đối với tất cả cảnh giới trần lao ái dục đều chẳng nhiễm trước, gọi là Chúng Trung Tôn. Nếu tu hạnh này là Tự Quy Y. Phàm phu chẳng hiểu, từ sáng đến tối thọ Tam Quy Y, nếu nói quy y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì dựa vào đâu mà Quy Y? Nói lại thành vọng. Thiện tri thức, mọi người hãy xem xét kỹ, chớ lầm dụng tâm, trong Kinh rõ ràng nói là Quy Y Tự Tính Phật, chẳng có nói Quy Y Tha Phật. Tự tính Phật, chẳng quy y thì đâu còn chỗ nào để quy y nữa! Nay đã tự ngộ, mỗi người đều phải quy y Tự Tính Tam Bảo, bên trong tự sửa tâm tính, bên ngoài kính mến mọi người, tức là Tự Quy Y vậy.”

Tổ Huệ Năng nói: “Nào ngờ tự tính bản tự cụ túc” và Tổ Mã Tổ nói: “Chính cái ông hỏi ta đó là kho báu của ông, đầy đủ không thiếu sót”. Tự Tính đã đầy đủ Phật, Pháp, và Tăng Bảo rồi mà ta không chịu quay về nương tựa, thì ta còn quy y về nương tựa với cái gì và ở đâu nữa?

Những tòa nhà, những chung cư, cho đến những thành phố đều do tâm và ý tưởng của biết bao người tạo nên như kỹ sư, kiến trúc sư, và quần chúng. Do vậy Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm như họa sĩ khéo, vẽ thể giới muôn màu, cảnh ngũ ấm thể gian, không pháp nào không tạo.” Tất cả những vật được nhân tạo trên thế giới này đều



là sản phẩm của ý tưởng và tâm thức của con người. Cả cuộc đời mình xoay vần và sống trong cái ý tưởng và tâm thức lầm mê không những của chính mình mà của cả những người khác nữa. Thế thì mình hướng ra ngoài mà quy y vọng tâm của người và vọng tâm nơi mình, chứ đâu phải mình quy y cái Chân Tâm Bản Tính Phật thật sự của chính mình đâu?! Những hình tượng Phật là do họa sĩ và nghệ nhân sáng tạo ra từ tâm thức của họ. Nếu không khéo và thiếu sự hiểu biết chân chính, mình có thể bị lầm, lụy và quy y hình tượng Phật bên ngoài (Tha Phật), cũng tức là mình quy y cái tâm thức hư vọng của người họa sĩ mà không hay biết. Nói thế không phải là bắt bỏ việc lạy hình tượng Phật bởi đó cũng là một phương tiện tốt để tiếp người sơ học vào cửa Phật. Nhưng nếu không nhận thức đúng đắn và rõ ràng thì mình sẽ bị lệ thuộc vào những việc đó, lâu dần sẽ khiến sinh nhiều tà kiến trái nhân quả và những chấp trước sai lầm. Vì thế đức Lục Tổ dạy: “Thiện tri thức, mọi người hãy xem xét kỹ, chớ lầm dụng tâm, trong Kinh rõ ràng nói là Quy Y Tự Tính Phật, chẳng có nói Quy Y Tha Phật.” Vậy mình phải thử hỏi lại chính mình, ta quy y Phật hay ta quy y Thần?

Trong giáo pháp của đức Phật có hai loại kinh giáo, một là Bất Liễu Nghĩa và hai là Liễu Nghĩa. Kinh Bất Liễu Nghĩa là những kinh dạy về nhưng phép tương đối, thuộc về Nhân Quả, rất rõ ràng và dễ hiểu vì có thể diễn tả và nhận thức bằng ngôn ngữ thế gian. Do vậy những kinh Bất Liễu Nghĩa còn được gọi là Khế Cơ. Do nhờ thực hành những kinh giáo ấy mà hành giả có sức chính niệm tỉnh giác, thấy rõ được nguồn gốc khổ vui, thiện ác mà chuyển hóa thân tâm từ ác sang thiện, từ khổ sang vui, mang lại sự bình an và lợi lạc cho cuộc sống hiện tại và tương lai. Đây gọi là người có Phàm Tuệ.

Kinh Liễu Nghĩa thì mang tính khế hợp chân lý nên còn gọi là Khế Lý. Những hệ kinh Liễu Nghĩa này chỉ bày cho người tu con đường trở về và sống thật với Tự Tính Giác xưa nay sẵn có nơi mọi chúng sinh. Khi hành giả đã thấu triệt Bản Tâm Tự Tính nơi mình thì tất cả những sinh hoạt đời sống được soi sáng bằng Trí Bát Nhã chứ không còn bằng vọng thức nữa nên không bị lầm lỗi, cũng không tạo nghiệp. Đây gọi là người có Thánh Tuệ.

Thí dụ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã dùng câu chuyện kể ăn mỳ và gả cùng tử để chỉ cho chúng

sinh có sẵn Tính Phật nơi mình nhưng đã đánh mất từ bấy lâu. Chính tựa đề Kinh cũng chứa đầy nhiều nghĩa ẩn dụ về Tri Kiến Phật nơi mình. Không riêng gì Kinh Pháp Hoa mà các Kinh Liễu Nghĩa khác như Kinh A Di Đà, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Kim Cang v.v... cũng đều như vậy. Chìa khóa để mở kho tàng kinh giáo Liễu Nghĩa là ở công phu Tham Thiền. Một khi Tâm được sáng tỏ thì tất cả những Kinh ấy đều được thông suốt một cách rõ ràng. Còn bằng không chỉ ở trên ngôn từ mà hiểu và giảng thuyết thì không đúng vào đâu tất cả. Dẫu đúng thì cũng chẳng có lợi ích gì, vì vẫn còn là việc bên bờ sinh tử, chỉ càng tỏ ra sự lạnh lợi và mạnh mẽ của vọng thức mà thôi, do vậy chư tổ nói đó là “đồi ỏi mưa của cổ nhân”. Nay hãy dùng một vài thí dụ của người xưa mà suy xét lấy.

Một hôm Tổ Quy Sơn hỏi ngài Hương Nghiêm: “Ta nghe người ở chỗ Tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lạnh lợi, ý hiểu thức tướng là cội gốc sinh tử. Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sinh xem?”

Ngài Hương Nghiêm tìm khắp đại tạng cũng không thể trả lời một câu hỏi của Tổ Quy Sơn phải than rằng “bánh vẽ chẳng no bụng đói” đến cầu Tổ Quy Sơn chỉ dạy.

Tổ Quy Sơn bảo: “Nếu ta nói cho người, về sau



người sẽ xử ta; ta nói là việc của ta đâu cần hệ gì đến người?

Tổ Hương Nghiêm bèn đem những sách vở đã thu thập được đồng thời đốt hết và nói: “Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm Tăng thường làm việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thần.”

Tổ Hương Nghiêm từ giả Tổ Quy Sơn đến Nam Dương mang câu hỏi của Tổ Quy Sơn trong lòng. Một ngày nhân cuộc nhăm miếng gạch văng vào cây tre phát ra tiếng mà Triệt Ngộ Bản Tâm, liền hướng về tổ Quy Sơn mà bái tạ.

Tổ Đức Sơn lâu thông Kinh Kim Cang, nghe Thiền Tông thịnh hành ở phương Nam, nên bèn đem Thanh Long Sớ Sao của ngài định đến Tổ Long Đàm Sùng Tín bài trừ Thiền Tông. Nhưng đi gần đến Long Đàm, ngài gặp một bà lão bán nước bên đường bà lão hỏi “Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?”

Tổ Đức Sơn lâu thông Kinh Kim Cang mà cũng không trả lời được một câu hỏi của bà lão về Kinh Kim Cang. Sau đến Tổ Long Đàm ngộ đạo mới đốt bộ Thanh Long Sớ Sao của ngài trước đại chúng và nói: “Tột cùng các biện luận siêu huyền như một sợi lông ném trong hư không; hết sạch các trọng yếu ở đời in một nhỏ nước gieo trong hồ lớn.”



Ảnh: St

Như vậy thử hỏi xem vì sao cả hai Tổ Hương Nghiêm và Đức Sơn đốt Kinh Sách? Tại sao các ngài lâu thông kinh giáo mà trả lời những câu hỏi ấy không được? Và như tại sao ngài Huệ Hải đến cầu Phật Pháp với Tổ Mã Tổ thì lại bị Mã Tổ nói “Kho báu nhà mình không chịu nhận, mà lo đến người cầu cái gì?”

Tổ Huệ Năng cũng dạy mình Quy Y Tự Tính Tam Bảo.

Tổ Đức Sơn cũng dạy “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.”

Ngài Tuệ Trung Thượng sĩ cũng dạy: “Phản quan tự kỷ bản phận sự, bất tùng tha đắc” (nhìn lại chính mình là bản phận, chứ không theo bên ngoài mà được).

Vua Trần Nhân Tông cũng dạy mình quay về Tâm Thanh Tịnh nơi mình: “Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương. Di Đà là tính sáng soi, há phải nhọc tìm về Cực lạc.”

Tất cả các ngài đều tỏ ngộ Bản Tâm nơi các ngài. Các ngài cũng cạn lời hết ý, từ bi đánh đập la hét dạy mình quay về Tự Tâm. Đó mới thật là Chân Quy Y Phật, đó mới thật là Chân Quy Y Pháp, đó mới thật là chân Quy Y Tăng. Phật Pháp Tăng Tam Bảo đều không ngoài Bản Tâm, vậy không quay về Bản Tâm mình mà nhận Tam Bảo còn tìm cầu Phật Pháp Tăng nào ở bên ngoài nữa?

Nếu không có đức Thế Tôn giác ngộ nơi cây Bồ Đề diễn thuyết Chính Pháp, và không có có chư Tổ Thánh Phàm Tăng hoằng truyền Chính Pháp thì làm sao mình biết mà quy y Tự Tính Tam Bảo? Do đó mới thấy được công ơn lớn lao của các ngài đối với nhân sinh, cũng như tầm quan trọng của thế gian Tam Bảo. Vả lại, Kinh, Luật, và Luận Tạng là do Tăng chúng hoằng truyền từ thời đức Thế Tôn còn tại thế trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Nếu như Tăng chúng không còn thì ai duy trì Kinh, Luật, Luận để truyền đến những đời sau nữa? Bởi phải có thế gian Tăng Bảo mới có thể truyền tam quy ngũ giới cho hàng cư sĩ tại gia, cũng như thập giới và đại giới cho hàng xuất gia, để mạng mạch của Phật pháp được phát huy và duy trì, làm lợi lạc và là chỗ nương tựa cho vô số chúng sinh khổ đau chìm đắm. Dù cư sĩ tại gia có giỏi và ngộ được Bản Tâm mình một cách triệt để đến đâu đi nữa, cũng không thể truyền tam quy ngũ giới cho người tại gia và đại giới cho hàng xuất gia.

Tổ Huệ Năng đã giác ngộ khi còn là thân cư sĩ,





nhưng vì sự tiếp nối mạng mạch và truyền thừa của Phật và Tổ mà phải thọ đại giới hiện tượng Tỳ kheo Tăng.

Như vậy thử nghĩ xem, tầm quan trọng của việc duy trì Tăng Bảo lớn lao đến dường nào! Bởi một khi Tăng Bảo đã không còn thì Phật và Pháp Bảo cũng chẳng còn dù chỉ là trên ngôn từ chữ nghĩa. Trước khi đức Thế Tôn nhập Đại Niết Bàn có dạy trong Kinh Di Giáo rằng: “Hãy lấy Giới Luật làm Thầy”. Luật Tạng đã mất thì Phật Pháp làm sao tồn tại? Hơn thế nữa, thế gian Tăng Bảo là đoàn thể hòa hợp thanh tịnh tăng chúng, mình quy y thế gian Tăng Bảo là mình thân cận, nương tựa một đoàn thể hòa hợp tăng để phụng sự nghe pháp và giúp các ngài hoằng pháp lợi sinh. Tất cả các vị Tăng ấy ai cũng là Thầy dạy đạo của mình, ai mình cũng có thể thân cận học hỏi chứ đâu phải giới hạn ở một cá nhân nào. Tăng Bảo không ở một vị xuất gia mà là đoàn thể hòa hợp thanh tịnh chúng.

Chính mình vì không nhận thức rõ ràng về việc quy y Tăng Bảo nên mới có thái độ và hành vi sai lầm đối với Tăng chúng. Và lại, chính tâm mình còn vọng động không thanh tịnh nên mới thấy người và cảnh vật xung quanh không thanh tịnh. Vậy thì chính mình mới là người cần phải kiểm điểm tâm và hành vi của chính mình mới đúng, chứ đâu phải hướng ra ngoài chê bai tăng chúng. Do vậy ngài Lục Tổ nói “Nếu là người chân tu, chẳng thấy lỗi thế gian, nếu thấy lỗi của người, trái lại thành tự quấy. Người quấy ta chẳng quấy, thấy quấy thành tự lỗi, hễ bỏ tâm chấp quấy, phiền não tự tan rã.” Thế thì mình lại dựa vào đâu mà muốn bỏ đi viên ngọc quý Tăng Bảo?

Khi mình đã tin Tự Tâm mình là Phật hay viên

ngọc quý, biết được phương pháp để quay về, và quyết chí quay về nương tựa và nhận lấy Bản Tâm của chính mình, thì mình chẳng cần phải tìm cầu học thêm mới chữ nghĩa hay kiến thức nào khác từ bên ngoài, chẳng còn bị mê hoặc bởi những tà kiến vì luôn được soi sáng bởi tâm tinh thức bên trong, và một mình độc bộ tiến về phía trước tới chỗ tận cùng của tâm thức mà chẳng còn sợ đi lầm đường nữa. Chỉ một ý chí mãnh liệt hướng vào tâm mà đi thẳng trọn vẹn tới Bồ Đề Gia Giác Ngộ (Bát Nhã Ba La Mật Đa). Do vậy Tổ Đạt Ma nói “Trực Chỉ Nhân Tâm, Minh Tâm Kiến Tính, Kiến Tính Thành Phật”. Ngài Duy Ma Cật cũng nói “Trực Tâm là Đạo Tràng, vì lìa các quanh co”.

Muốn Quy Y hay trở về nương tựa với Tự Tính Giác, Chính, Tịnh (Phật, Pháp, Tăng) nơi mình thì điều cần yếu bây giờ là mình phải tìm bậc minh sư có thể chỉ điểm cho mình con đường hướng thượng, đồng thời mình phải thật vì sinh tử mà ra sức dụng công tham thiền, nhằm thẳng chỗ một niệm chưa sinh mà tiến tới, tìm lại ba viên ngọc quý của mình đã bị vùi chôn trong lòng đất vọng tâm đầy đặc từ bấy lâu đến nay.

Khi tìm được rồi thì lúc đó mới có thể Quy Y Tự Tính Tam Bảo và sống thật được với chính mình một cách trọn vẹn hoàn toàn, như gã ăn mày tìm lại được viên ngọc quý trong túi áo, gã cùng tử tìm lại được cha mình và thừa hưởng cả một gia tài kho báu không thể kể xiết. Vậy, nếu là bậc anh tài thì đừng ở trên vọng thức ngôn ngữ mà suy lường nữa, hãy âm thầm nhìn vào tâm mình mà đi thẳng tới phía trước đi! Há chẳng nghe Tổ Huệ Năng bảo: “Vô niệm niệm tức chính. Hữu niệm niệm thành tà” đó hay sao?!

Nói nhiều lời cũng không thể hết, chỉ đành mượn lời dạy của Tổ Đức Sơn mà kết thúc: “Nơi mình vô sự thì chớ vọng cầu, vọng cầu mà được cũng chẳng phải được. Các ông chỉ vô sự nơi tâm, vô tâm nơi sự thì hư (rỗng) mà linh (lạnh lẽ), không mà diệu. Nếu có nói gốc ngọn chừng đầu mảy lông đều là tự dối. Còn có mảy may nghĩ nhớ, là nghiệp nhân tam đồ. Bất chợt sinh tình (vọng khởi) là muôn kiếp bị khóa kín (địa ngục).”

Một hôm Tổ Đức Sơn sai thị giả gọi Nghĩa Tồn, Nghĩa Tồn đến, Sư bảo: “Ta bảo kêu Nghĩa Tồn, ngươi đến làm gì?” Nghĩa Tồn không đáp được. 🌸

NÓI ÁC KHẨU BỊ ĐỌA LÀM KHỈ

[Phan Minh Đức]

Đây là câu chuyện đức Phật dạy về quả báo của ác khẩu; ngày xưa trong thành Xá Vệ có một người giàu, tên gọi là Sư Chất, đã hơn 40 tuổi rồi mà chưa có con. Hai vợ chồng rất lo lắng, đến nhà Bà La Môn xin bốc một quẻ bói xem sau này có sinh được đứa con trai hay con gái nào không? Nhưng họ vô cùng thất vọng nghe thầy bói trả lời rằng suốt đời họ sẽ không có con.

Sư Chất nghe thế không chịu tin, lại đi tìm một ông thầy tướng số khác, cao tay ấn hơn, nhiều kinh nghiệm hơn xin bốc quẻ. Lạ thay, vị thầy tướng này vốn được mọi người tôn kính và khen ngợi là bói linh như thần, lại cũng làm cho

Sư Chất thất vọng. Sư Chất đi về mà lòng phiền muộn, bỗng nhớ đến bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, tự nghĩ: Đức Phật là giáo chủ của trời và người, là bậc Nhất thiết trí, không có gì là Ngài không biết, không có gì là Ngài không hiểu, tại sao ta lại không đến gặp Ngài xin chỉ giáo?

Nghĩ đến đây ông bèn nhắm hướng Kỳ Viên tịnh xá mà đi. Cung kính đánh lễ đức Phật xong, ông chấp tay bạch: “Bạch đức Thế Tôn Đại bi, xin Ngài thương xót chúng sinh ngu si mà chỉ giáo: con có chút ưu tư, năm nay đã hơn 40 mà chưa có đứa con trai nối dõi, đó là do nhân duyên gì, cúi xin đức Phật khai thị”. Đức Phật trả lời: “Không lâu nữa ông sẽ có một đứa con trai, vừa có phúc





lại vừa có đức, chỉ có điều là khi nó vừa lớn nó sẽ xin xuất gia”. Nghe tin này Sư Chất rất đổi vui mừng, thành tâm đánh lễ chân Phật, rồi thỉnh cầu: “Cầu xin Thế Tôn và chư tăng cho phép chúng con được cúng dường vào trưa mai, để chúng con được kết thêm thiện

duyên và trồng chủng tử vào ruộng phước của Như Lai”. Đức Phật nhận lời rồi, Sư Chất hoan hỉ quay về chuẩn bị đàn trai.

Hôm sau ông dẫn đầu gia nhân, chân thành cúng dường những món ăn thức uống ngon lành đẹp mắt nhất. Đức Phật nhận cúng dường xong, thuyết một thời pháp rồi dẫn đầu tăng chúng quay về tịnh xá. Đi được nửa đường, đức Phật và tăng chúng ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông nghỉ ngơi. Bỗng từ trên cây, một con khỉ nhảy xuống xin mượn bình bát của đức Phật. Nó ôm bình bát chạy đi thật xa rồi quay về, trong bình bát chứa đầy mật ngọt. Nó dùng hai tay kính cẩn dâng bình bát lên đức Phật, Ngài nhận lấy và chia cho chư tăng dùng, để con khỉ được nhiều phúc đức. Con khỉ thấy thế mừng rỡ nhảy nhót.

Không lâu sau nó đến ngày tận số, đầu thai làm người, sinh vào nhà của Sư Chất. Vợ chồng Sư Chất đặt tên con là Mật Thắng. Thời gian vùn vụt trôi mau như tên bắn, hơn mười năm trôi qua như trong nháy mắt, Mật Thắng nay đã lớn khôn. Chú bé chán ngán chuyện thế tục, xin phép cha mẹ cho mình được xuất gia, cha mẹ hết sức vui mừng mà trả lời: “Lúc con chưa ra đời, đức Phật đã biết sẽ có ngày hôm nay. Bây giờ con muốn xuất gia, cha mẹ rất hoan hỉ. Không bao giờ cha mẹ ngăn chặn con một cách vô lý”.

Được cha mẹ hoan hỉ cho phép rồi, Mật Thắng

đến Kỳ Viên tịnh xá xin xuất gia với đức Phật. Nhờ có tiền duyên, Mật Thắng chứng quả rất mau. Một hôm, thầy đang trên đường đi độ hóa với các bạn đồng tu, cảm thấy vừa nóng vừa khát lạ thường, ai nấy đều ao ước có một cái gì uống. Tỳ kheo Mật Thắng bèn cầm bát tung lên trời rồi sau đó dùng hai tay tiếp lấy bát trở về. Bấy giờ trong bát đựng đầy mật ngọt, Mật Thắng bèn chia cho chúng tăng giải khát. Về tới tịnh xá, một vị tỳ kheo đi tìm đức Phật xin thỉnh giáo: “Trong quá khứ Tỳ kheo Mật Thắng đã tu được phúc đức gì mà bây giờ bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể có đường và mật?”.

Đức Phật trả lời: “Các ông có nhớ có một lần lâu lắm rồi, có một con khỉ đem mật ngọt đến cúng dường Như Lai và chúng tăng không? Nhờ bố thí với thiện tâm, chết rồi nó được sinh ra làm người và nhờ nó chân thành cúng mật ngọt cho Phật nên kiếp này nó có thể được mật bất cứ lúc nào và ở đâu”.

Đức Phật nói xong, vị Tỳ kheo nọ hỏi tiếp: “Bạch Thế Tôn! Thế thì tiền kiếp Mật Thắng do nhân duyên gì mà bị đọa xuống làm khỉ?”. Lúc ấy xung quanh đức Phật có rất nhiều đệ tử vân tập, Ngài nhìn họ một lúc rồi đáp: “Thầy ấy bị đọa xuống làm khỉ là do một nhân duyên xảy ra cách đây 500 kiếp trước, thời Ca Diếp Như Lai còn tại thế. Lúc đó có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác đang băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là đáng điều của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên bị đọa xuống làm khỉ, nhưng sau đó thầy ấy biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ kheo mà mình đã chế nhạo. Nhờ thắng duyên ấy mà kiếp này mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A La Hán một cách mau chóng.

Nghe đức Phật giảng xong, các vị Tỳ kheo đều nhận ra rằng một câu nói ác cũng có thể chiêu cảm nghiệp khổ, vì thế không còn ai dám ác khẩu, ngay cả đến một câu nói đùa cũng không dám nói. ☀

Trích: Theo Truyền tích Phật giáo

<http://www.thegioiphatgiao.vn/vanhao/huongthien/loi-ac-khau-bi-doa-lam-khi#sthash.qgEJbXOF.dpuf>

Truyện ngụ ngôn năm Thân

[Phan Minh Đức]

HAI BỐ CON KHỈ NÂU

Khỉ bố làm ăn thua lỗ, trở về nhà tìm việc làm để mưu sinh. Một thời gian sau, khỉ bố nhận được hợp đồng may gia công. Cả gia đình gom hết tiền để mua hai máy khâu. Ngày nọ, khỉ nâu và bố đi chở máy khâu về. Khỉ nâu cầm lái vì bố không đủ sức khỏe để lái xe nữa. Họ đã mua hai chiếc máy khâu vừa ý và đặt sau chiếc xe tải nhỏ và buộc chặt chúng lại. Khi lái xe, cả hai bố con khỉ nâu đều rất phấn khởi. Có lẽ do không chú ý đến tốc độ lái xe, nên khi rẽ vào đường đến nhà thì hai chiếc máy khâu bị nghiêng và trôi đi. Khỉ con đập phanh nhưng quá muộn, hai chiếc máy khâu rơi xuống đường và vỡ tan tành.

Khỉ nâu thấy bố đứng nhìn, nó nghĩ rằng sẽ bị bố mắng vì mình đã phá hoại phương tiện cứu sống cả gia đình. Nhưng không phải, khỉ bố chỉ nhìn con, hết sức lo lắng và nói:

- Ôi, con! Bố xin lỗi vì đã không lái được xe mà để con lái. Con không sao đấy chứ? Mọi việc sẽ ổn thôi, chúng ta sẽ tìm cách khác, con ạ!

Sau nhiều cố gắng, gia đình khỉ nâu đã vượt qua giai đoạn khó khăn, kinh tế được ổn định.

Lời bàn: Đôi khi cuộc sống có vẻ như tan thành từng mảnh, như thể không sửa chữa nổi nữa, nhưng rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi. Lòng vị tha và tình yêu thương vô điều kiện có thể giúp chúng ta vượt qua những thời điểm khó khăn nhất trong cuộc sống của mình.



KHỈ THÍCH LÀM NGƯỜI

Họ nhà khỉ bị con người bắt đem về xả thịt, lấy xương nấu cao nên ngày càng thưa thớt. Thấy con người thông minh, tài giỏi, oai phong được muông thú nể trọng, họ nhà khỉ bèn tìm cách hóa trang để biến thành người. Chúng cạo lông mặt, lông bàn tay bàn chân rồi mặc áo quần mang giày, đội tóc giả cho càng giống người. Họ nhà khỉ khoái chí liền tổ chức các trò hút thuốc, uống rượu, tô môi đỏ, đứng thẳng người, bước đi bệ vệ, khiêu vũ... Chúng la hét, reo hò làm náo động cả một vùng. Những tưởng giây phút vui sướng đó cứ mãi kéo dài đến vô tận.

Bỗng một đoàn thợ săn xuất hiện, lũ khỉ tìm cách tháo chạy thoát thân, nhưng vì chân đang mang giày nên không thể leo trèo, phóng nhanh. Vả lại áo quần lụng thụng làm cử động của chúng chậm chạp, lúng túng. Thế là chúng bị bắt giữ khá nhiều, một số ít khỉ gặp may chạy biến vào rừng sâu vẫn chưa hết hoảng sợ, run rẩy.

Trước khi đưa bọn khỉ lên xe, một người thợ săn nói:

- Họ nhà khỉ nghe đây! Chúng mày muốn biến thành người thì phải chăm chỉ học hành, tích cực làm việc, sống có nhân cách; chúng mày phải bỏ thói bắt chước học làm sang, quậy phá đi nhé! Bài học quan trọng của năm Bính Thân đây, nhớ chưa?

Lời bàn: Ngày nay, có người chạy bằng, chạy chức chạy quyền, khai giảm tuổi để giữ mãi chức cao. Họ đang bị báo chí, công luận phê phán. Sớm muộn gì, họ cũng lộ chân tướng bất tài, dốt nát, giả tạo mà thôi!



CHÚ KHỈ THÔNG MINH

Khỉ đầu đàn có một chuyến đi về cánh rừng xa để dạo chơi và ngắm cảnh núi rừng. Khi quay về, nó than phiền với đàn khỉ rằng chân mình rất đau vì những con đường khỉ đi qua thì rất gập ghềnh, nhiều đá sỏi. Thế rồi, nó ra lệnh cho mọi thành viên trong đàn phải phủ kín một con đường từ lãnh thổ của mình ra đến cánh rừng bằng những tấm thảm đan bằng vỏ cây. Tất nhiên việc này sẽ tốn rất nhiều công sức và hàng ngàn tấn vỏ cây lấy từ hàng trăm cây cổ thụ trong rừng, mà chưa chắc đã tìm ra đủ số lượng.

Thế rồi, một chú khỉ vàng trong đàn đã can đảm đến gặp khỉ đầu đàn:

- Thưa ngài, tại sao ngài lại phải bỏ ra nhiều công sức và vật liệu không cần thiết như thế? Sao ngài không cho làm những đôi giày bằng xơ thân cây xốp, nhẹ để mang vào đôi chân của mình; như thế có phải dễ hơn không?

Khỉ đầu đàn rất ngạc nhiên, nhưng sau một hồi suy nghĩ, nó thấy lời gợi ý này là hợp lý, nên sai thuộc hạ làm giày cho mình và từ đó khỉ đi chơi xa đã bớt đau chân.

Lời bàn: Để biến thế giới này thành một nơi tốt đẹp hơn, bạn đừng bắt đầu bằng việc tìm cách thay đổi cả thế giới mà hãy cứ bắt đầu bằng việc thay đổi chính mình trước đã. Đó là một bài học giá trị về cuộc sống.



PHẢI HIỂU RÕ MÌNH

Hồ ngồi rình mồi và vồ được một chú khỉ con, chuẩn bị ăn thịt thì khỉ con liền nói:

- Sao người dám ăn thịt ta? Người không biết ta là hậu duệ của Tôn Ngộ Không có đủ 72 phép thần thông; loài khỉ chúng ta là phi hành gia đầu tiên đi vào không gian; là động vật cao cấp chỉ xếp sau con người. Ta có trí thông minh, nhanh nhẹn hơn người gấp bội, đúng không?

- Này, nhóc con! Đừng có hù dọa ta nhé! Những điều người nói đó là năng lực, sức mạnh của cha ông người, chứ đâu phải của người, hiểu chưa?

- Rồi cũng có ngày ta lớn lên và trở nên mạnh mẽ, tài giỏi như họ, bộ người không biết điều này à?

- Có thể là như thế, nhưng với người thì điều này không bao giờ xảy ra. Thực tế lúc này, người nên nằm yên chịu chết. Người cũng chỉ là bữa ăn nhỏ của ta mà thôi!

Khỉ con không thể làm gì hơn ngoài việc nhận rõ ra sự thực khắc nghiệt đối với nó.

Sau khi xé xác khỉ con, ăn thịt xong, hồ chùi miệng, mỉm cười, vào hang ngủ ngon lành.

Lời bàn: Thật vô ích khi cứ huênh hoang, tự mãn về những thành tích của cha ông hay ngậm ngùi khoắc lác mãi về những dự định to lớn của mình trong tương lai. Điều cốt yếu nhất của cuộc sống thời nay là phải hiểu rõ giờ đây, ta có thể làm gì. 🌸



VỊ PHẬT SỐNG CỦA ĐỜI TÔI

...Chỉ một lần mẹ không ngăn con khóc
Là khi mẹ không thể nào lau nước mắt cho con
Là khi mẹ không còn, hoa hồng đỏ từ đây hóa trắng...

Hoa hồng đỏ, hoa hồng trắng; hai màu đỏ trắng cứ ám ảnh tôi mỗi dịp Đại Lễ Vu Lan về. Cúi đầu nhìn bông hồng đỏ trước ngực, tôi thầm cảm ơn cuộc đời khi cả bố và mẹ - hai vị Phật sống của đời tôi vẫn ở ngay bên cạnh mình, bố mẹ dù sức khỏe có yếu hơn xưa, đôi lúc có đau nhức chân tay thì cũng là bệnh người già thôi ấy mà, tôi vẫn thường nghĩ vậy. Nhưng.....

Một ngày đông nọ, tôi nhận được điện thoại của bố báo mẹ bệnh nặng, hể cử động chân là đau nhức lắm! Nước mắt tôi lặng lẽ rơi

tôi biết mẹ vẫn thường bị đau chân lúc trái gió trở trời nhưng không nghĩ có ngày lại nặng tới vậy. Về quê đưa mẹ đi khám bệnh ngay- đó là điều duy nhất tôi có thể nghĩ được vào thời điểm đó.

Về tới nhà, thấy mọi thứ dường như vẫn không thay đổi nhưng tôi giật mình nhận ra bố mẹ tôi đã già, bố mẹ già thật rồi, những nếp nhăn hằn trên khuôn mặt khắc khổ, lam lũ vì cả đời vất vả và nuôi dạy ba chị em tôi. Thấy tôi, mẹ cười và cố kìm giọt nước mắt chực rơi mà không được, còn tôi thì òa lên khóc rồi ôm chăm lấy mẹ, mỉm cười hạnh phúc vì mẹ vẫn ở ngay đây.

Cứ mãi chạy đua với cuộc đời, tôi quên mất lời Phật dạy, sinh lão bệnh tử là quy luật nào có chữa ai, ba chị em tôi dần trưởng thành

cũng là lúc bố mẹ ngày một già yếu.

Hiện nay, có nhiều sản phẩm hỗ trợ điều trị các căn bệnh về xương khớp, trong đó Artrex là sản phẩm đã được cấp bằng phát minh tại Mỹ, có nguồn gốc từ thiên nhiên, an toàn và hiệu quả trong điều trị các bệnh về xương khớp, thoái hóa khớp rất được các bác sỹ tin dùng, quý vị nên tham khảo thêm ý kiến của chuyên gia để sử dụng thuốc hiệu quả nhất. Bản thân cùng gia đình đều khỏe mạnh sẽ giúp chúng ta chuyên tâm tu tập và tinh tấn trên con đường tu hành.

Năm mới sắp tới gần, cũng là lúc tôi sắp được trở về mái ấm gia đình bên bố, mẹ - hai vị Phật sống của đời tôi. Luôn cầu mong cho quý vị cùng toàn thể gia đình có thật nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc, bốn mùa an vui!

ArtrexTM

Là thuốc, không phải Thực Phẩm Chức Năng

Thành phần:

- Cao Withania somnifera (Extractum Withaniae somniferae)
- Cao Boswellia serrata (Extractum Boswelliae serratae)
- Cao gừng (Extractum Zingiberis)
- Cao nghệ (Extractum Curcumae longae)

Chỉ định:

- Viêm khớp dạng thấp
- Thoái hóa khớp

SỐ ĐK: VN-18885-15

ATRA pharmaceuticals Ltd.
H-19, M.I.D.C, Waluj, Aurangabad 431 133, India.

Nhà PP: Công ty Minh Quân
B11 lô 8 khu ĐTM Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
ĐT: 04.35642722 Hotline: 0989.644.046

MỪNG XUÂN DI LẠC - SỨC KHỎE AN VUI

Thời khắc giao thừa sắp điểm, người người đều bồi hồi, xao xuyến. Nhưng với mỗi người con của Phật mùa xuân tới còn là dịp đại lễ thiêng liêng bởi ngày khánh đản của Đức Phật Di Lạc đúng vào ngày mừng một Tết, do đó Tết đến xuân sang còn được gọi là mùa Xuân Di Lạc; ngài xuất hiện giữa mùa xuân của thế nhân với chân tướng:

"Bụng to, má núng đồng tiền

Vây quanh sáu trẻ ngửa nghiêng reo hò"

Đó là hóa thân của vị Giáo chủ tương lai của thế giới Ta bà, người kế thừa sự nghiệp độ sanh do Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Hiện thân của Đức Phật Di Lạc là biểu trưng cho một nếp sống đạo đức hướng thiện, thuần tịnh, mà đỉnh cao là hướng tâm giải thoát.

Do đó, mỗi khi người Phật tử háo hức đón chào xuân Di Lạc, mong cầu Phật Di Lạc đản sinh có nghĩa trong tâm thức họ ước nguyện sống thiện lành, từ bỏ ác pháp, thực hành Chánh pháp trong niềm hỷ lạc vô biên từ đó luôn đầy đủ vật chất sức khỏe dồi dào, sống lâu trường thọ và trí tuệ minh mẫn. Ấy vậy mà, bên cạnh những lời chúc tốt đẹp nhất đầu năm, chúng ta đang trao cho nhau những món quà Tết như rượu, bia, bánh kẹo, những thực phẩm đóng sẵn- sản phẩm của hóa chất... liệu có thực sự tốt cho sức khỏe? Chắc chắn là không. Và văn hóa của đồng đạo mọi người khi vui hay buồn lại thường rủ nhau đi ăn uống tiệc tùng, quán xá... chính những thói quen xấu của thân ta đã và đang ngày từng ngày khiến cho chính

ta và những người ta yêu quý sức khỏe dần hủy hoại, thân bệnh tật thì tâm không thể nào an lạc, hoan hỷ như hình tượng Phật Di Lạc mà chúng ta hằng chiêm bái.

Bởi vậy, thay vì những món quà có hại cho sức khỏe, thật tuyệt vời biết bao nếu chúng ta trao nhau những món quà lợi lạc nhất - đó cũng là văn hóa mà trong thời gian gần đây mọi người đã có ít nhiều thay đổi khi nhân những dịp đặc biệt sinh nhật, lễ, Tết... những sản phẩm có lợi cho sức khỏe mà tránh phải sát sinh như nhân sâm, nấm lim xanh, các sản phẩm thực phẩm chức năng ... trở thành món quà ý nghĩa. Ví như sản phẩm có khả năng tăng cường sức đề kháng của cơ thể, thành phần hoàn toàn từ thiên nhiên giành cho mọi đối tượng đặc biệt là những người đã và đang phải đối chọi với căn bệnh hiểm nghèo u bướu, ung thư...như Emuglucan. Ở nước ta, sản phẩm Emuglucan đã và đang được các bác sỹ khuyên dùng kết hợp với lối sống lành mạnh sẽ nâng cao được khả năng miễn dịch của cơ thể từ đó ngăn ngừa và hỗ trợ điều trị các bệnh.

Thân thanh tịnh, tâm an lạc, cười hoan hỷ: thiết nghĩ đó chẳng phải đã là giải thoát ở ngay cõi Ta bà này hay sao? Luôn nguyện cầu cho quý Phật tử tinh tấn trên con đường tu tập, hướng tới thế giới của Đức Phật Di Lạc.

Thực phẩm chức năng EMUGLUCAN

tăng cường sức đề kháng cho cơ thể



Beta glucan (1,3/1,6):

- Chất tăng cường miễn dịch mạnh nhất từ thiên nhiên
- Ngăn ngừa và hỗ trợ điều trị các bệnh u bướu



Công ty CP Dược Phẩm St.Andrews Việt Nam

ĐC: Nhà B11 lô 8 khu ĐTM Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
ĐT: 04.35528191/0989644046

Bí quyết kiểm soát Hen suyễn, Viêm phế quản mạn, COPD mùa lạnh

Không ít bệnh nhân khổ sở than thở: “Tôi ho rất nhiều, đờm (đàm) nhiều, quánh lại, bám chặt ở cổ, khạc không ra, nhất là vào ban đêm khoảng 2-3 giờ sáng, khi đó tôi không thể nằm ngủ được nữa mà phải dậy cổ khạc đờm (đàm) ra. Ước mơ lớn nhất của tôi là khạc được đờm (đàm) dễ dàng, chỉ như vậy thôi mà sao khó khăn quá!”



Bà Bùi Thị Kim (67 tuổi, trú tại phòng 207, nhà A5, tập thể 8/3, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. ĐT: 043 633 4248), một bệnh nhân hen chia sẻ: “Hồi trẻ, tôi làm công nhân trong nhà máy dệt 8/3, thường xuyên phải tiếp xúc với bụi trong thời gian dài. Sau này bị ho, khó thở, đi khám tôi mới biết mình mắc bệnh hen”. Bà kể thêm: “có những lần vào viện cấp cứu, tôi phải điều trị dài đến 9 ngày vẫn không khỏi, bác sĩ phải chuyển sang điều trị bằng thuốc tiêm. Mỗi đợt kéo dài 10-15 ngày, lâu nhất thì 1 tháng lại phải vào viện điều trị”.



Cùng hoàn cảnh với bác Kim, bác Hoàng Văn Cậy (72 tuổi, xã Nhân Hoà, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên, SĐT: 0169.331.4435) kể lại: “Tôi làm nghề đúc gang hơn 17 năm, thường xuyên làm việc trong môi trường nóng, bụi độc hại nên sức khoẻ cứ yếu dần và đã được chẩn đoán mắc bệnh bụi phổi silic nghề nghiệp. Năm 1993, sức khoẻ yếu nên tôi xin về hưu. Tôi thường bị viêm phế quản, ho rất nhiều, đờm nhiều, quánh lại,

Thời tiết mưa lạnh khiến bệnh nhân Hen suyễn, Viêm phế quản mạn đờm (đàm) đặc quánh và nhiều hơn, lên cơn khó thở, cơ thể mệt mỏi, dễ tái phát đợt cấp phải nhập viện cấp cứu hoặc biến chứng thành các bệnh nặng khó chữa như Phổi tắc nghẽn mạn tính COPD, Tâm phế mạn, Suy tim, Suy hô hấp...

bám chặt ở cổ, khạc không ra, sức khoẻ ngày một sa sút”.

Những căn bệnh mạn tính ngày ngày ăn mòn sự sống của không chỉ bác Kim, bác Cậy mà của biết bao người khác. Tuy vậy, các bác vẫn không đầu hàng trước bệnh tật, vẫn luôn cố gắng chiến đấu để được sống vui, sống khỏe và có ý nghĩa bên gia đình, người thân.

Rồi may mắn cũng mỉm cười với các bác, trong quá trình điều trị bệnh Hen, bác Kim tham gia CLB Lá Phổi Xanh, bác được các bác sĩ hướng dẫn các bài tập phục hồi chức năng hô hấp nên bệnh tình thuyên giảm phần nào. Cùng với đó, bác được các bác trong CLB giới thiệu sản phẩm Bảo Khí Khang dành cho những người mắc bệnh Hen như mình. Kết quả sử dụng sản phẩm khiến bác và người thân vô cùng vui mừng “Trước, tôi phải xịt thuốc hen dự phòng 4 lần/ngày, sau 1 tháng dùng thêm Bảo Khí Khang bệnh cải thiện rõ ràng, tôi thử xịt 2 lần/ngày chứ không dám bỏ hẳn thuốc xịt vì sợ lên cơn hen. Bây giờ thì cơn hen không còn xuất hiện nữa, kể cả những đợt gió mùa hay mưa ẩm nhiều cũng không bị”. Còn bác Cậy lại tình cờ biết đến Bảo Khí Khang qua đọc báo. Bà kể, “tình cờ đọc báo thấy giới thiệu về sản phẩm được chiết xuất từ các thảo dược quý như Cao AntidiCOPD, lá Hen, Cốt Khí Củ...giúp giảm đờm, ho, khó thở, tôi mua và sử dụng theo hướng dẫn ngày 4 viên, uống trước bữa ăn 30 phút, sáng 2 viên, chiều 2 viên. Dùng hết 3 hộp thì cảm thấy các triệu chứng giảm.”

Từ đó, bác tin vào sản phẩm này và tiếp tục sử dụng “Trước đây, cứ 1-2 tháng là tôi lại bị đợt cấp, khạc đờm, ho rất nhiều, đi bộ hay bị khó thở và phải dùng kháng sinh. Nhưng từ khi dùng sản phẩm thảo dược, tôi không còn ho, đờm loãng chứ không đặc, khạc cũng dễ hơn. Tôi không còn khó thở nữa”

Kính gửi lời chúc chân thành đến Chư Tôn Đức, chư Tăng Ni, Quý Cư sĩ, Phật tử một năm mới dồi dào sức khỏe, an lạc, cát tường như ý, Phật sự viên thành!

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Chúc mừng năm mới Xuân Bình Thản 2016

Qua kinh nghiệm điều trị bệnh của bản thân, Bác Cậy mong những người bị bệnh như bác sớm kiểm soát tốt bệnh và sống an vui bên gia đình, con cháu: “Nhân đây tôi cũng khuyên những người ngoài 40 đang khổ sở vì các bệnh hô hấp mãn tính hãy tìm đến Bảo Khí Khang để dứt gánh bệnh tật. Ngoài ra, tôi cũng hy vọng thế hệ con cháu có thể quan tâm đến ông bà, cha mẹ của mình nhiều hơn. Nếu thấy ông bà, cha mẹ của mình có dấu hiệu khó thở, hãy sớm cho họ dùng Bảo Khí Khang để bệnh tật được ngăn chặn kịp thời.”

Vậy là nhờ có Bảo Khí Khang những người cao tuổi như bác Kim, bác Cậy lại có đủ sức khỏe để tham gia sinh hoạt các CLB người cao tuổi, cự chiến binh, có sức khỏe để đi lễ chùa, tham gia các đạo tràng và chia sẻ kinh nghiệm chiến đấu với bệnh hô hấp mãn tính của mình với các Phật tử khác, giúp họ có thêm sức mạnh vượt qua bệnh tật.

Để được chia sẻ kinh nghiệm điều trị bệnh hen suyễn, viêm phế quản mạn, phổi tắc nghẽn mạn tính - COPD cũng như sử dụng sản phẩm, quý độc giả có thể liên hệ tổng đài: 043 538 1670 trong giờ hành chính hoặc 0964 1800 11. Website: www.baokhikhang.vn



SP của Công ty TNHH Tư vấn y dược quốc tế IMC
XNQ: 576/2015/XNQ-ATTP

Chiêm bái các ngôi chùa ở Thái Lan

95% DÂN CHÚNG THÁI THEO TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO, HƠN 30.000 NGÔI CHÙA LINH THIÊNG THU HÚT SỐ LƯỢNG LỚN KHÁCH DU LỊCH PHẬT TỬ ĐẾN CHIÊM BÁI, TU TẬP, NGHIÊN CỨU.

Chùa Wat Yannawa

Chùa Wat Yannawa hay còn gọi là chùa Thuyền nằm tại Bangkok ấn tượng với kiến trúc độc nhất với hình con thuyền được xây dựng từ thời Rama III, cùng với kiến trúc Thái là các mái cao vút mang đậm phong cách thời Ayuthaya. Điều các Phật tử thỏa lòng nhất có lẽ là xin tịnh về 1 viên xá lị để cầu bình an và thể hiện lòng thành kính của mình. Theo ngày thứ hai của cuộc hành trình du lịch 5 ngày Bangkok – Pattaya do công ty du lịch Vietrantour tổ chức, du khách sẽ đến chiêm bái ngôi chùa linh thiêng bậc nhất Thái Lan này. Sau khi chiêm bái, du khách có thể xin nhà sư niệm kinh xá tội và ban nước thơm bình an. Một số hoạt động khác như chạm tay xin sức mạnh từ đức Phật, thử linh ứng của thỉnh cầu khi dùng tay nâng đe sắt nặng qua đỉnh đầu...

Chùa Wat Traimit

Chùa Phật Vàng hay tên tiếng Thái là Wat Traimit, là một ngôi chùa nổi tiếng ở Bangkok, Thái Lan nhờ vẻ đẹp độc đáo và pho tượng Phật bằng vàng nguyên khối lớn nhất thế giới. Tượng Phật Vàng là bức tượng Phật ngồi cao 3 mét đúc bằng vàng khối, nặng 5,5 tấn. Người địa phương cho rằng bức tượng lớn nhất thế giới này biểu thị cho sự thịnh vượng và thuần khiết, sức mạnh và quyền năng. Trong số tất cả những bức tượng Phật mà du khách có thể nhìn thấy ở Bangkok, từ tượng Phật Emerald tại Wat Phra đến tượng Phật nằm tại Wat Pho, thì tượng Phật Vàng là một trong những bức tượng được điêu khắc

đẹp nhất. Ngôi chùa cũng là một trong số ít nơi cho phép du khách, Phật tử đến gần tượng Phật vàng để tỏ lòng kính ngưỡng, cầu cuộc sống an bình, may mắn.

Ngôi chùa nổi tiếng đang được khai thác là một điểm đến quan trọng trong lịch trình tham quan của sản phẩm Bangkok – Pattaya 5 ngày do công ty du lịch Vietrantour cung cấp. Cụ thể, tour du xuân Bình Thân tại xứ sở chùa Vàng, bay Qatar Airways và Vietnam Airlines, khởi hành ngày 7, 8, 9, 10, 11/2, giá từ 8.900.000đ. Hiện hãng này cũng đang mở bán tour Thái Lan siêu khuyến mãi đang thu hút đông khách mua như Bangkok – Pattaya 5 ngày, bay Jestar Pacific, khởi hành ngày 19/2, 3/3, 24/3 giá 4.990.000đ.

Chùa Wat Phra Kaew

Còn được biết với tên Chùa Phật Ngọc, Wat Phra Kaew tọa lạc tại thủ đô Bangkok. Ngôi chùa này nằm bên trong Cung điện Hoàng Gia và là một trong những ngôi chùa nổi tiếng nhất của Thái Lan. Một bức tượng Phật ngọc nhỏ ngồi trên bàn thờ bằng vàng lớn là biểu tượng linh thiêng nhất của đất nước Thái Lan. Ngôi chùa được thiết kế theo lối kiến trúc độc đáo và lộng lẫy. Chỉ cần lưu trú tại một căn hộ hoặc một khách sạn trong thành phố bạn sẽ dễ dàng đến thăm chùa Phật Ngọc.



Chùa Wat Chalong

Phuket là quê hương của 29 ngôi Chùa Phật Giáo khác nhau nhưng Wat Chalong là một trong những ngôi chùa quan trọng nhất. Ngôi chùa được dành riêng cho 2 nhà sư đáng kính, Luang Pho Chuang và Luang Pho Chaem. Các bức tường được trang trí bằng những bức tranh kể về cuộc đời của Đức Phật. Khi tham gia tour, du khách có thể tận hưởng kì nghỉ dưỡng ở top 10 hòn đảo đẹp nhất thế giới và không quên tranh thủ thăm quan ngôi chùa nổi tiếng Wat Chalong.

Chùa Wat Arun

Một ngôi chùa nổi tiếng khác của Bangkok, Wat Arun rất gần với trung tâm của thành phố. Ngôi Chùa được biết đến với tên gọi Ngôi chùa Bình Minh và có bức tượng nổi tiếng Phra Phrom, đại diện Thái Lan của thần Hindu Brahma. Ngôi chùa có 260 bậc thang và là nơi có thể nhìn thấy toàn cảnh Bangkok đẹp nhất.

Trên đây là danh sách 5 ngôi chùa hấp dẫn nhất ở xứ sở chùa vàng, nếu quý thời gian tham quan có hạn, bạn có thể chọn cho mình một trong số những ngôi chùa này để tìm hiểu, khám phá nét đẹp văn hóa Phật giáo của xứ sở chùa Vàng.

ĐẶT TOUR XUÂN THÁI LAN TẠI VIETTRANTOUR

Gọi (04) 3655 6789, Hotline: 0943 12 13 18

Địa chỉ: 33 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: <http://www.vietrantour.com.vn>

Trại sáng tác mỹ thuật ZENART: *Nghệ thuật bắt nguồn từ trái tim*

Người Việt tự hào là quốc gia có nền văn hóa truyền thống lâu đời.

Tuy nhiên, hiện nay một bộ phận giới trẻ đang bị cuốn hút và mải mê chạy theo những trào lưu du nhập từ nước ngoài, thích khám phá những điều mới lạ, bắt kịp các trào lưu đang thịnh hành trên thế giới, như: manga (truyện tranh Nhật Bản), anime (phim hoạt hình Nhật Bản), thời trang Kawaii (Nhật Bản), thời trang Hàn Quốc thông qua phim ảnh...

Thương mại, hàng hóa nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam, từ bánh kẹo, sữa, rượu, thuốc lá, thuốc tây cho đến hàng gia dụng, điện tử, ô tô, xe máy,... lấn át thị trường hàng nội và lại được người dân ưa chuộng với tâm lý sùng ngoại. Nó góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi bộ mặt văn hóa trong mỗi gia đình Việt trên tất cả các phương diện.

Một thực trạng nữa, đó là sự mai một các giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình hội nhập, mở cửa giao lưu với văn hóa nước ngoài. Nét đẹp ru con bằng những câu ca dao đã thưa vắng dần. Ca dao, tục ngữ... vốn là kho tàng quý báu của quần chúng nhân dân, là

những bài học về đối nhân xử thế, bài học làm người nuôi dưỡng tâm hồn từ thơ bé, hướng con người tới chân - thiện - mỹ đã và đang mai một dần trong đời sống tinh thần.

Văn hóa Phật giáo cũng không nằm ngoài guồng quay đó với sự xuất hiện của những bức tượng, đồ thờ cúng, bàn thờ... mang phong cách Đài Loan, Trung Quốc, Tây Tạng... Sự giao thoa giữa các nền văn hóa liên tục xảy ra và pha trộn lẫn nhau là tất yếu. Hiện tượng này có thể du nhập một cách tự nhiên song nhiều khi nó bị cưỡng bức một cách có ý thức được coi là một sự xâm lăng văn hóa hoặc nền văn hóa bị xâm thực và thay thế.

Phật giáo là không biên giới nhưng mỹ thuật phải có bản sắc riêng.

Trong nhiều năm qua, Trại sáng tác mỹ thuật Zen Art là nơi làm việc của các họa sĩ, điêu khắc gia, kiến trúc sư, nghệ nhân, kỹ sư nhiệt huyết đã cho ra đời những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ cao. Quan điểm làm việc: "Nghệ thuật đích thực phải bắt nguồn từ trái tim".

Tất cả mọi sản phẩm đều được điêu khắc bằng tay, mỗi sản phẩm hoàn thành đòi hỏi rất



nhieu thời gian, qua nhiều công đoạn, từ một tảng đá rồi phác thảo, chọn màu sắc và kích cỡ, đến làm thô, cho ra hình dạng, làm nguội, rồi đánh bóng. Ít nhất là vài ngày, lâu thì vài tháng, đôi khi kéo dài cả năm. Điều đó thể hiện niềm đam mê nghề nghiệp và sự kiên trì của các nghệ nhân.

Chỉ có những trái tim, những tâm hồn trong sáng, mới tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị về mỹ thuật và tính nhân văn cao cả.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH ZEN ART gồm:

1. Điều khắc trên tất cả mọi chất liệu: Đá, đồng, gốm sứ, composite, thạch cao, xi măng, gỗ.
2. Hội họa: tranh sơn dầu, sơn mài, tranh tường.
3. Kiến trúc xây dựng, thiết kế thi công các công trình nội, ngoại thất
4. Sản xuất vật liệu xây dựng nội ngoại thất cao cấp bằng chất liệu đá, đồng, gốm sứ, composite, gỗ....

Với tinh thần làm việc: "Nghệ thuật vị nghệ thuật, Nghệ thuật vị tâm linh" và đội ngũ lao động trẻ sáng tạo luôn có những ý tưởng phương án làm việc mới hiệu quả nhất.

Zen Art sẽ thực hiện được bất cứ những ý tưởng nào để hướng đến sự hoàn mỹ của nghệ thuật và cuộc sống. "Không có việc gì khó nếu bạn thực sự tâm huyết"

Anh Minh



ĐẠO TRÀNG TỔ TUỆ BI CHÙA QUÁN SỨ HÀ NỘI

XUÂN MỚI BÌNH THÂN

Phật lịch 2560 – Dương lịch 2016

*Chúng con kính chúc Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng, ni
Pháp thể khinh an, Tuệ đăng thường chiếu, Phật sự viên thành.*

*Kính chúc quý đạo hữu Phật tử, cộng tác viên trong Ban Ân tống kính sách
năm mới tràn đầy sức khỏe, tràn đầy tình thương từ bi và trí tuệ.*

TUỆ BI

<http://www.chuaquansu.net>

NHỮNG ĐIỀU TRƯỚC KHI DÙNG HẠT ÓC CHÓ VÀ MACCA CẦN BIẾT

Trong chúng ta, ai cũng biết tới hạt óc chó và hạt macca là loại hạt, chứa nhiều hàm lượng dinh dưỡng quý. Trên thị trường cũng có rất nhiều các đơn vị đang cung cấp các loại hạt này. Tuy nhiên, thực hư về lợi ích của các loại hạt này như thế nào? Bài viết này sẽ giúp cho quý Phật tử giải đáp phần nào những câu hỏi trên.



Đầu tiên là hạt óc chó: Quả óc chó chứa các thành phần dinh dưỡng thiết yếu cho cơ thể như Omega 3, chất xơ, Protein, Photpho, Kali, Magnesium, Canxi, Sắt, Vitamin B, chất chống oxy hóa. Tốt cho bệnh nhân tiểu đường,

phụ nữ mang thai, người cao huyết áp, người ăn kiêng...

Trên thị trường, phổ biến nhất là hạt óc chó nhập khẩu từ Mỹ.

Cách dễ phân biệt là nhìn vào dạng quả và thử tách một quả ra xem, Tất cả hàng Mỹ đều vỏ màu vàng sáng, đẹp...Bên cạnh đó, có rất nhiều hàng trôi nổi không có giấy tờ, có thể xem là hàng Trung Quốc. Nên mua những sản phẩm có bao bì đóng gói giấy tờ rõ ràng sẽ an toàn hơn khi sử dụng.

Với hạt macca: Hạt macca là loại được phẩm quý giá được nhập khẩu từ nước Úc, phù hợp với nhiều đối tượng người dùng.



Nó có khả năng làm giảm Cholesterol, ngăn ngừa bệnh tim mạch, cung cấp lượng chất xơ dồi dào, giúp hệ tiêu hóa luôn khỏe mạnh...

Riêng macca phân biệt như sau: Đúng hàng Úc quả to, nhân béo, không giòn lắm, tách ra là không dính vỏ, dạng nứt.

Một địa chỉ uy tín mà quý Phật tử có thể tham khảo là:

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tili
Chuyên cung cấp sỉ, lẻ các sản phẩm hạt dinh dưỡng trên toàn quốc, đặc biệt là các cửa hàng kinh doanh đồ chay, hạt dinh dưỡng.

Địa chỉ: Số 318/22/4 Thống Nhất, P.16, Q. Gò Vấp, tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 62 575 565
Fax: 62 575 565
Website: www.tili.vn
Email: tili@tili.vn
Hotline: Ms Linh 0902418822

Chúc quý Phật tử một mùa xuân an lành, hạnh phúc cùng gia đình và người thân yêu!

Bánh Cốm - Danh phẩm trai tăng

Truyện kể rằng, ngày xưa ngày xưa, có một ông phú ông rất tốt bụng, ông luôn giúp đỡ mọi người gặp khó khăn hoạn nạn. Từ người có bố mẹ mất không có tiền mua quan tài, ông cho quan tài. Từ em bé mồ côi thì ông mang về nuôi... bởi vậy mà mọi người hay gọi ông với một cái tên trêu mếu: ông Tích Đức.

Một ngày nọ, sau khi đi cứu giúp bà con ở vùng lũ về, ông mệt quá nên nằm nghỉ ở tràng kỷ thì bỗng chiêm bao thấy có 6 tên, người nông nài, ma không ra ma tới tự xưng là Lục tặc của nhà Vua hiện thời. Rằng nhà vua sắp băng hà, do ngày trước bị phạm vào 6 điều tham là: tham nghe, tham ngửi, tham nếm, tham ngắm, tham dục, tham của cải... nên sẽ bị hóa kiếp làm lửa, làm cá, làm con đẹp... Nay chúng thấy nhà ông Tích Đức có đầy đủ 6 kiếp mà chúng có thể hóa vào. Ban đầu ông nửa ngờ, nửa tin nhưng sau đó đã chứng thực bởi sự ra đời của những con vật ứng với 6 hình dạng con vật mà nhà Vua phải hóa kiếp tại nhà mình, giống hệt như lời báo trước của mấy tên Lục Tặc. Sau khi nhà Vua đầu thai đủ 6 kiếp thì ông Tích Đức cũng đã 80 tuổi. Ba năm sau, ông tổ chức một bữa tiệc chay để cúng dường Đức Phật và các chư tăng.

Trong buổi thọ trai, mọi người đều rất lấy làm lạ với một loại bánh dẹt, vuông, gói trong lá chuối, bọc lạt đỏ. Khi bóc bánh có màu xanh ngọc, đưa lên mũi mùi thơm ngào ngạt của hương lúa non, ăn vào thì mềm dẻo và thơm mùi đậu xanh, dừa tươi.



Ông mới kể lại, tới lần hóa kiếp cuối cùng, Lục Tặc có chia sẻ, đức Vua lúc về già đã ngộ ra được những sai lầm của mình và có tâm nguyện trong kiếp cuối cùng sẽ biến thành thứ gì vừa giúp ích cho đời mà lại được gần gũi của Phật nguyện mong có thể nương nhờ Đức Phật tiếp dẫn về Tịnh Độ.

Vậy nên, trong kiếp cuối cùng, nhà Vua đã hóa kiếp thành cây nếp hương và mọc ngay sau vườn nhà ông. Ông có cây trồng và nhân thêm giống nếp này, tới khi thu hoạch thì chế biến thành bánh lạ trên. Loại bánh lạ này có tên gọi là bánh Cốm có nghĩa là lúa non. Sau khi nghe kể xong chuyện, chư tăng, ai nấy đều tấm tắc khen ngon, mọi người cùng thừa nhận bánh Cốm xứng đáng vào hàng Danh phẩm để cúng Đức Phật, chư tăng.

Qua câu chuyện này bạn đã ngộ ra cho mình bài học gì? Bạn có thấy bản khoán không khi đường đời là một nhà Vua đức cao vọng trọng mà sau khi chết đi lại hóa kiếp thành con cá, con đẹp... Điều này cũng không hề khó hiểu nếu chúng ta thông tường tới quy luật của Đạo Phật - luật Nhân Quả. Đời người là vô thường, có ai biết chắc chắn rằng sau khi chết mình sẽ biến thành ai? sẽ về đâu? Nhưng chúng ta chắc chắn có thể biết được, nếu kiếp này ta sống tốt, làm nhiều việc thiện, chăm chỉ tu tập thì chắc chắn sau khi lìa đời chúng ta sẽ được hóa kiếp, đi tới những nơi tươi đẹp. Tết đến xuân về, cũng là dịp chúng ta quây quần bên gia đình đón giao thừa, chuẩn bị mâm cỗ cúng tổ tiên, mâm đồ lễ cúng dâng Đức Phật khi đi lễ chùa... Qua câu chuyện này, bạn đã có thêm gợi ý cho mình về món bánh Cốm phù hợp cúng dâng lên Đức Phật, ông bà tổ tiên.



Cả năm chúng ta đã xô bồ rồi, mấy ngày tết, ta tìm về với gia đình, về với những điều giản dị, những nét văn hóa cổ truyền của dân tộc - bắt đầu từ những món bánh truyền thống trong mâm đồ lễ ngày xuân thì còn chỉ bằng? đây cũng là cách để chúng ta - những người lớn giảng dạy cho con cháu mình về cội nguồn, về quê hương...

Tuy nhiên, làm sao để lựa chọn được món bánh vừa ngon vừa đảm bảo an toàn sức khỏe và hợp vệ sinh để dùng trong ngày Tết? Đó là điều cần xem xét. Ở Hà Nội, thì con phố nổi tiếng của bánh

Cốm chính là phố Hàng Than.

Quý Phật tử thập phương có thể ghé qua số 12 Hàng Than với thương hiệu bánh Cốm cổ truyền Bảo Minh, hoặc liên hệ tới hệ thống đại lý, siêu thị đã phủ khắp các sản phẩm của Bảo Minh trên toàn quốc để đặt mua. Bảo Minh là thương hiệu đã gắn bó với đất Hà Thành gần 30 năm nay, ngoài việc lưu giữ những nét tinh hoa nhất của món ăn dân tộc, Bảo Minh đã biết biến ứng và đổi mới trước những thay đổi mạnh mẽ của xã hội đưa công nghệ sản xuất tiên tiến hiện đại vào ngành sản xuất truyền thống thủ công để tạo ra những sản phẩm ngon, chất lượng đồng đều, đảm bảo vệ sinh và mẫu mã đẹp mà giá thành vẫn phù hợp với tất cả mọi người.



Được thấy những chiếc bánh Cốm xanh, thơm mùi lúa nếp non đặt trang trọng, kính dâng lên Đức Phật, ông bà tổ tiên; gửi gắm tấm lòng thành của con cháu là niềm hạnh phúc lớn lao của Bảo Minh. Thân chúc quý Tăng Ni, thiện hữu một mùa xuân mới an lạc. Nam Mô A Di Đà Phật.

Các thông tin cụ thể hơn về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, hình ảnh mẫu mã của các dòng sản phẩm bánh mứt kẹo truyền thống của Bảo Minh, quý thiện hữu có thể ghé qua..



Công ty cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
Địa chỉ: Lô B2-3-3A KCN Nam Thăng Long - P.Thụy Phương - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội
website: banhbaominh.com

Điện thoại: 043.718.5335.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: số 12 Hàng Than, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 043.927.4855



Phương danh cúng dường

TT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI
1	ĐĐ.Thích Đồng Niệm	Chùa Sùng Ân, Số 56 đường 21 tháng 8 phường Phú Hà, Tp.Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	150,000
2	Nguyễn Thị Hạnh	số 12, ngõ 43/60 Trung Kính, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.	50,000
3	Tổ Thiện Chính	Chùa Quán Sứ số 73 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	200,000
4	Dư Thị Hoài Thu	Hà Nội	40,000
5	Nguyễn Tiến Nghị	Khoa Khoa học Chính trị, Đại học Điện Lực, số 235 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	200,000
6	Lê Văn	Số 32 ngõ 1 Hải Thịnh, Hồng Hải, Tp.Hà Long, Quảng Ninh	200,000

TỔNG CỘNG **840.000 VND**

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 6/2015 (135), trang 40 có in bài: “Môi trường sinh thái, Môi trường nhân sinh theo góc nhìn Phật tính” do sơ suất kỹ thuật đã có sự nhầm lẫn tác giả bài viết: Tác giả bài viết này là của cộng tác viên Pháp Vương Tử - chứ không phải của Đoàn Vũ Thị Hương – như đã in nhầm.

Tạp chí thành thật xin cáo lỗi tác giả và bạn đọc!

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học vui lòng liên hệ với Tòa soạn, 180.000 đ/1 bộ được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ theo các số báo trong một năm trên giá sách nhà bạn, vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2015; 2016 sẽ được tặng một phần quà của Tạp chí. Bạn đọc tại Hà Nội xin mời đến mua tại Tòa soạn, bạn đọc ở khu vực khác vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 39423887, 04 66846688 để biết thêm chi tiết về cước phí Bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2016

Kính mời: Quý chư tôn đức tăng ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2015

- | | |
|---|--------------|
| ☐ Số 1 Xuân 2015 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2016 | Giá 30.000đ |
| ☐ Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 180.000đ |
| ☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt Tạp chí Nghiên cứu Phật học qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Phòng 218, chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 39423887; 04 - 66846688

Email: tapchincph@gmail.com

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 10201000032825